

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

(Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/07/2001; Giấy chứng nhận đầu tư số 481033000210 (số mới) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 28/05/2015; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 01/12/2025)



Địa chỉ trụ sở chính: Km 1595 QL 1A, Xã Vĩnh Hào, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: 028 3824 7788

Fax: 028 3824 7799

Website: vietuc.com

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lương Thanh Văn

Điện thoại: 028 3824 7788

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Fax: 028 3824 7799



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG.....	1
1. Thông tin chung về Công ty	1
2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty	2
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	5
4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	10
5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty	12
6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất.....	20
7. Hoạt động kinh doanh.....	21
8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và đến quý gần nhất.....	34
9. Vị thế của công ty trong ngành.....	39
10. Chính sách đối với người lao động	42
11. Chính sách cổ tức	44
12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất.....	44
13. Tài sản cố định	54
14. Các dự án của Công ty	64
15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	67
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)	69
17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	69
18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty	71
19. Các cam kết khác	71
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	72
1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị	72
2. Ban kiểm soát.....	84
3. Tổng Giám đốc và người quản lý khác	88
4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty	89
5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	91
6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất	96
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY	100
1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng.....	100
2. Cam kết của Công ty.....	100
IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG) VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN	101



DANH SÁCH CÁC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc.....	10
Hình 2. Địa bàn hoạt động của Công ty	26

DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 1. Danh sách các Công ty con và công ty liên doanh, liên kết.....	6
Bảng 2. Quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty.....	12
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/03/2026	20
Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 26/03/2026.....	20
Bảng 5. Danh sách khu phức hợp sản xuất giống của Công ty	22
Bảng 6. Doanh thu theo thị trường của Công ty qua các năm	27
Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 6T/2026	34
Bảng 8. Cơ cấu Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2024 – 6T/2026	34
Bảng 9. Cơ cấu Chi phí Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 6T/2026.....	35
Bảng 10. Cơ cấu Chi phí hợp nhất giai đoạn 2024 – 6T/2026.....	35
Bảng 11. Cơ cấu Lợi nhuận Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 6T/2026	36
Bảng 12. Cơ cấu Lợi nhuận Hợp nhất giai đoạn 2024 – 6T/2026.....	37
Bảng 13. So sánh chỉ tiêu tài chính năm 2025 với một số doanh nghiệp cùng ngành	39
Bảng 14. Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 và 30/06/2026	42
Bảng 15. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty giai đoạn 2024 - 2025.....	44
Bảng 16. Các khoản phải thu (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026.....	44
Bảng 17. Các khoản phải thu (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026	45
Bảng 18. Các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 ...	45
Bảng 19. Các khoản Trả trước người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026.....	46
Bảng 20. Các khoản phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 và 30/06/2026	46
Bảng 21. Các khoản phải trả (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026	48
Bảng 22. Các khoản phải trả (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026.....	48
Bảng 23. Các khoản Phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026	49
Bảng 24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 và 30/06/2026	49
Bảng 25. Các khoản Dự phòng phải trả dài hạn tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026	50
Bảng 26. Các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026	51
Bảng 27. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026...	52
Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026	53
Bảng 29. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026	53
Bảng 30. Danh mục các tài sản lớn (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026	54



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Bảng 31. Danh mục các tài sản lớn (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026.....	57
Bảng 32. Một số dự án đầu tư tiêu biểu của Công ty.....	65
Bảng 33. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	67
Bảng 34. Hội đồng quản trị	72
Bảng 35. Ban kiểm soát	84
Bảng 36. Tổng Giám đốc và người quản lý khác	88
Bảng 37. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.....	91

(Hết nội dung tại trang này)



CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Công ty / Việt Úc / VUG / Tập đoàn	: Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
CTCP / CP (cp)	: Công ty cổ phần / cổ phần
TNHH	: (Công ty) trách nhiệm hữu hạn
TNHH MTV	: (Công ty) trách nhiệm hữu hạn một thành viên
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HĐTV	: Hội đồng thành viên
BKS	: Ban kiểm soát
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
VSDC	: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam
UPCoM	: Hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết
CNĐKDN	: (Giấy) Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CBNV / CBCNV	: Cán bộ nhân viên / Cán bộ công nhân viên
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
ROA	: Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
ROE	: Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
EPS	: Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu
BVPS	: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu
TNCN	: (Thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	: (Thuế) Thu nhập doanh nghiệp
MSDN	: Mã số doanh nghiệp
VĐL	: Vốn điều lệ
Luật chứng khoán	: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung
Luật doanh nghiệp	: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

UBND	:	Ủy ban Nhân dân
NH TMCP/Ngân hàng TMCP	:	Ngân hàng thương mại cổ phần
Artemia	:	là loài giáp xác nước mặn nhỏ, thường được sử dụng làm thức ăn trong sản xuất giống thủy sản. Artemia đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp dinh dưỡng cho ấu trùng tôm ở các giai đoạn đầu phát triển.
TCCS	:	Tiêu chuẩn cơ sở
VUNM/Việt Úc Nhà Mát	:	Công ty Cổ phần Việt Úc Nhà Mát
VUBL/Việt Úc Bạc Liêu	:	Công ty Cổ phần Việt Úc - Bạc Liêu
VUBD/Việt Úc Bình Định	:	Công ty Cổ phần Việt Úc - Bình Định
VUBE/Việt Úc Bến Tre	:	Công ty TNHH MTV Việt Úc - Bến Tre
VUCM/Việt Úc Cà Mau	:	Công ty TNHH MTV Việt - Úc Cà Mau
VUST/Việt Úc Sóc Trăng	:	Công ty TNHH Thủy sản Việt Úc – Sóc Trăng
VUNA/Việt Úc Nghệ An	:	Công ty TNHH Việt Úc - Nghệ An
VUNP/Việt Úc Ninh Phước	:	Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước
VUNT/Việt Úc Ninh Thuận	:	Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Thuận
VUPM/Việt Úc Phù Mỹ	:	Công ty TNHH Việt Úc - Phù Mỹ
VUPD/Việt Úc Phước Dinh	:	Công ty TNHH Việt Úc - Phước Dinh
VUQN/Việt Úc Quảng Ninh	:	Công ty TNHH Việt Úc - Quảng Ninh
VUNH/Việt Úc Ngọc Hiển	:	Công ty Cổ phần Việt Úc - Ngọc Hiển
CBBL	:	Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc
Genomics	:	Công nghệ phân tích toàn bộ gen (genome) của sinh vật
R&D (Research & Development)	:	Hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm tạo ra công nghệ, quy trình và sản phẩm mới hoặc cải tiến công nghệ hiện có
Tôm bố mẹ	:	Tôm trưởng thành được nuôi giữ để sinh sản và cung cấp trứng cho quá trình sản xuất tôm giống.
Nauplii	:	Giai đoạn ấu trùng đầu tiên của tôm sau khi trứng nở; ấu trùng chưa cần thức ăn ngoài, sống nhờ noãn hoàng dự trữ
Zoea	:	Giai đoạn ấu trùng thứ hai của tôm, phát triển các cơ quan tiêu hóa và phụ bộ để bơi
Mysis	:	Giai đoạn ấu trùng thứ ba của tôm, hình thái đã gần giống tôm



Post (Postlarvae - PL)	:	Tôm giống Post là giai đoạn tôm sau khi hoàn tất biến thái từ ấu trùng sang tôm con, có hình thái gần giống tôm trưởng thành và được cung cấp cho người nuôi để thả nuôi thương phẩm; PL được ký hiệu theo số ngày tuổi kể từ giai đoạn Postlarvae (ví dụ: PL10, PL12, PL15)
PCR (Polymerase Chain Reaction)	:	Kỹ thuật sinh học phân tử dùng để phát hiện vật liệu di truyền của mầm bệnh, giúp chẩn đoán nhanh và chính xác các bệnh trên tôm giống
DO (Dissolved Oxygen)	:	Hàm lượng oxy hòa tan trong nước, là chỉ tiêu quan trọng ảnh hưởng đến khả năng hô hấp và sinh trưởng của tôm
pH	:	Chỉ số phản ánh độ axit hoặc kiềm của nước nuôi, ảnh hưởng trực tiếp đến sinh lý và sức khỏe của tôm
Biofloc	:	Công nghệ nuôi sử dụng hệ vi sinh vật để chuyển hóa chất hữu cơ và hợp chất nitơ thành sinh khối vi sinh, vừa xử lý môi trường vừa tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm
Synbiotic	:	Công nghệ kết hợp Probiotic (vi sinh vật có lợi) và Prebiotic (chất kích thích sự phát triển của vi sinh vật có lợi) nhằm cải thiện sức khỏe đường ruột, tăng miễn dịch và nâng cao hiệu quả nuôi
RAS (Recirculating Aquaculture System)	:	Hệ thống nuôi trồng thủy sản tuần hoàn nước, trong đó nước được lọc và tái sử dụng liên tục nhằm giảm lượng nước thay mới, kiểm soát môi trường nuôi và hạn chế dịch bệnh
WSSV (White Spot Syndrome Virus)	:	Virus gây bệnh đốm trắng trên tôm
AHPND (Acute Hepatopancreatic Necrosis Disease)	:	Bệnh hoại tử gan tụy cấp
EMS (Early Mortality Syndrome)	:	Hội chứng chết sớm ở tôm, hiện được xác định chủ yếu do AHPND gây ra
EHP (Enterocytozoon hepatopenaei)	:	Vi bào tử trùng ký sinh ở gan tụy, làm tôm chậm lớn
TSV (Taura Syndrome Virus)	:	Virus gây bệnh Taura trên tôm thẻ chân trắng
IHHNV (Infectious Hypodermal and Hematopoietic Necrosis Virus)	:	Virus gây bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và biểu mô dưới vỏ, làm tôm chậm lớn và biến dạng

(Hết nội dung tại trang này)



NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Thông tin chung về Công ty

1.1 Thông tin chung về Công ty

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC
- Tên tiếng Anh: VIET UC SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: VIET UC JSC
- Mã cổ phiếu: VUG
- Trụ sở chính: Km 1595 QL 1A, Xã Vĩnh Hảo, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
- Số điện thoại: 028 3824 7788 Fax: 028 3824 7799
- Website: <https://vietuc.com/> Email: info@vietuc.com
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.344.838.690.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 1.344.838.690.000 đồng



- Logo:
- Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/07/2001; Giấy chứng nhận đầu tư số 481033000210 (số mới) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận chứng nhận thay đổi lần thứ 05 ngày 28/05/2015; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 do Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 01/12/2025.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thanh Văn – Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Mã ngành: 0322

1.2 Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: VUG
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 134.483.869 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức đăng ký giao dịch: 0 cổ phiếu
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và Nghị định 239/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 31/2021/NĐ-CP; Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 và Thông tư số 20/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025 sửa đổi bổ



sung một số điều của Thông tư 51/2021/TT-BTC ngày 30/06/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Ngày 12/10/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành Công văn số 6119/UBCK-PTTT về việc hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty, theo đó tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50,0%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty hiện tại (theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/03/2026) là 43,9%.

2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc được thành lập dựa trên Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/07/2001 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn với mục đích đầu tư sản xuất tôm giống và cung cấp các dịch vụ về sản xuất và tiêu thụ tôm giống và tôm thịt. Ngày 08/05/2014, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đầu tư số 481033000210 được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 03.

Công ty không thuộc nhóm doanh nghiệp FDI có cơ chế hoặc điều kiện đầu tư đặc thù cần được rà soát riêng và không thực hiện dự án đầu tư có cơ chế, điều kiện, cam kết hoặc ràng buộc đặc thù theo quy định pháp luật và hồ sơ đầu tư.

Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty qua các giai đoạn như sau:

Năm 2001: Công ty được thành lập với tên gọi Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Úc, theo Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/07/2001 với vốn đầu tư đăng ký ban đầu là 500.000 USD. Tại thời điểm thành lập, mục tiêu và phạm vi kinh doanh của Công ty là:

- Đầu tư khu sản xuất tôm giống tại xã Vĩnh Hào – huyện Tuy Phong;
- Cung cấp các dịch vụ về sản xuất và tiêu thụ tôm giống và tôm thịt.

Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT đồng thời quy định các nghĩa vụ và ưu đãi áp dụng đối với Công ty như sau:

- Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:
 - + Tiền thuê đất hàng năm kể từ khi được bàn giao đất trên thực địa đối với diện tích đất sử dụng tại xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận với mức 200 (hai trăm) đô la Mỹ/ha/năm. Mức tiền thuê đất được điều chỉnh lại sau mỗi chu kỳ 5 (năm) năm và có tỷ lệ gia tăng không vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) so với lần công bố trước đó;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm bằng 10% (mười phần trăm) lợi nhuận thu được trong suốt thời gian thực hiện dự án;
 - + Thuế chuyển lợi nhuận bằng 3% (ba phần trăm) số lợi nhuận chuyển ra khỏi Việt Nam;
 - + Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hằng năm.
- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% (năm mươi phần trăm) trong 04 (bốn) năm tiếp theo;
- Công ty được miễn tiền thuê đất 11 (mười một) năm kể từ ngày xây dựng cơ bản hoàn thành đưa dự án vào hoạt động;
- Đồng thời, Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, trên cơ sở Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT, trong năm 2001, Công ty đã thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm giống công nghệ cao (CNC) Việt Úc Bình Thuận (Bình Thuận cũ, nay là Lâm Đồng) – khu phức



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

hợp sản xuất tôm giống đầu tiên của Việt Úc. Tính đến hiện tại, tổng công suất thiết kế là 4 tỷ tôm giống/năm. Ngoài ra, Khu phức hợp tự chủ sản xuất được 7,6 triệu lít tảo vi sinh/năm, 45 tấn Artemia/năm.

Năm 2005: Công ty thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Bình Định (Bình Định cũ, nay là Gia Lai), mở rộng hoạt động sản xuất tôm giống tại khu vực miền Trung, với công suất thiết kế hiện nay là 7 tỷ tôm giống/năm. Ngoài ra, Khu phức hợp còn tự chủ sản xuất được 10 triệu lít tảo vi sinh/năm, 70 tấn Artemia/năm.

Năm 2007: Công ty thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Bạc Liêu (Bạc Liêu cũ, nay là Cà Mau) – khu phức hợp sản xuất tôm giống quy mô lớn nhất cả nước thời điểm đó, công suất thiết kế hiện nay tương đương 15 tỷ tôm giống/năm. Ngoài ra, Khu phức hợp còn tự chủ sản xuất được 23 triệu lít tảo vi sinh/năm, 173 tấn Artemia/năm.

Năm 2009: Công ty thành lập Khu sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Ninh Thuận (Ninh Thuận cũ, nay là Khánh Hòa) công suất thiết kế hiện nay đạt 4 tỷ tôm giống/năm.

Năm 2011: Công ty thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm thương phẩm CNC Việt Úc Hòa Bình (Bạc Liêu cũ, nay là Cà Mau) với công suất thiết kế hiện nay là 4.000 tấn/năm. Đồng thời thành lập Trung tâm Di truyền và Chọn giống tôm Bồ Mẹ đẻ Việt Úc tại Bình Thuận (Bình Thuận cũ, nay là Lâm Đồng), công suất thiết kế hiện nay là 30 nghìn tôm bố mẹ/năm.

Năm 2012: Công ty được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 1020/UBND-KT ngày 16/07/2012.

Năm 2013: Công ty thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Bến Tre (Bến Tre cũ, nay là Vĩnh Long) với tổng công suất thiết kế hiện nay đạt 5 tỷ tôm giống/năm. Ngoài ra, Khu phức hợp còn tự chủ sản xuất được 27 tấn Artemia/năm và 7 triệu lít tảo vi sinh/năm.

Năm 2014: Công ty thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Nghệ An (Nghệ An) công suất thiết kế hiện nay đạt 4 tỷ tôm giống/năm, Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Cà Mau (Cà Mau) công suất thiết kế hiện nay đạt 6 tỷ tôm giống/năm và thành lập khu sản xuất cá giống CNC Việt Úc An Giang (An Giang) công suất thiết kế hiện nay đạt 150 triệu cá giống/năm và 500 triệu cá tra bột/năm.

Năm 2015: Công ty thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm thương phẩm CNC Việt Úc Phù Mỹ (Bình Định cũ, nay là Gia Lai) quy mô nuôi 300ha (dự kiến mở rộng 416 ha), công suất thiết kế hiện nay đạt 15.000 – 20.000 tấn/năm; đồng thời thành lập Khu phức hợp sản xuất tôm thương phẩm CNC Việt Úc Nhà Mát (Bạc Liêu cũ, nay là Cà Mau), với diện tích nuôi 315 ha, công suất thiết kế hiện nay đạt 15.000 – 20.000 tấn/năm.

Năm 2017: Công ty thành lập các Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Quảng Ninh (Quảng Ninh) với công suất thiết kế hiện nay đạt 2 tỷ tôm giống/năm và Khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC Việt Úc Sóc Trăng (Sóc Trăng cũ, nay là Cần Thơ) với công suất thiết kế hiện nay đạt 2 tỷ tôm giống/năm. Ngoài ra, Khu phức hợp còn tự chủ sản xuất được tổng lượng tảo vi sinh lên tới 3 triệu lít/năm, quy mô nuôi ấp 72 tấn Artemia/năm. Qua đó, hoàn thiện mạng lưới 9 khu phức hợp sản xuất tôm giống CNC trải dài trên toàn quốc.

Năm 2018: Công ty thành lập Trung tâm Di truyền và Chọn giống tôm Bồ Mẹ đẻ Việt Úc Phước Dinh (Ninh Thuận cũ, nay là Khánh Hòa), công suất thiết kế hiện nay đạt 250 - 300 nghìn tôm bố mẹ/năm.

Năm 2019: Công ty thành lập Trung tâm Nghiên cứu, trình diễn mô hình nuôi tôm và Chuyển giao công nghệ sản xuất Việt Úc Ngọc Hiển (Cà Mau) với diện tích hiện nay đạt 178 ha.

Ngày 19/03/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 1744/UBCK-GSĐC xác nhận việc hoàn tất đăng ký công ty đại chúng của Công ty.

Năm 2021: Công ty thành lập liên doanh BioMar – Việt Úc, nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản (Bến Tre cũ, nay là Vĩnh Long) với tổng công suất 30.000 tấn thức ăn/năm, hợp tác với BioMar (Đan Mạch) – đơn vị hàng đầu thế giới về thức ăn thủy sản, nhằm phát triển các giải pháp dinh dưỡng cho ngành tôm tại Việt Nam và thị trường quốc tế.



Năm 2023: Công ty khánh thành Nhà máy Chế biến Thủy sản Việt Úc (Bạc Liêu cũ, nay là Cà Mau), quy mô khoảng 10 ha và tổng công suất thiết kế hiện đạt 5.000 tấn/năm, có thể mở rộng lên 10.000 tấn/năm, ứng dụng tự động hóa hơn 70% dây chuyền sản xuất và các công nghệ chế biến hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế. Sự kiện đánh dấu việc hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín ngành tôm của Công ty, từ tôm bố mẹ, tôm giống, nuôi thương phẩm đến chế biến xuất khẩu.

Ngày 28/09/2023, Tổng Công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam đã ban hành văn bản số 19/2023/GCNCP-VSD về việc chứng nhận hoàn tất đăng ký cổ phiếu với mã chứng khoán VUG.

Năm 2024: Công ty được Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phong cấp Giấy phép môi trường số 09/GPMT-UBND ngày 17/09/2024.

Năm 2025: Công ty thành lập Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare (An Giang), bước đầu tiến vào thị trường thuốc thủy sản, gia tăng chuỗi giá trị ngành tôm của Công ty.

Công ty cũng thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc – Nghiên cứu và phát triển di truyền - Hệ gen tại Thành phố Hồ Chí Minh, cơ sở nghiên cứu di truyền và chọn giống hiện đại với công nghệ phân tích genomic tiên tiến nhất.

Năm 2026: Chính thức ra mắt sản phẩm tôm giống VUS26 - Biệt đội tứ siêu với tỷ lệ sống và tăng trưởng vượt trội, giúp người nuôi duy trì lợi nhuận ngay cả trong điều kiện độ mặn thấp và dịch bệnh.

Tính đến nay, Công ty có các cam kết/nghĩa vụ sau

- Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:

- + Tiền thuê đất hàng năm kể từ khi được bàn giao đất trên thực địa đối với diện tích đất sử dụng tại xã Vĩnh Hào, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Vĩnh Hào, tỉnh Lâm Đồng);
- + Theo Thông tư 96/2015/TT-BTC, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế TNDN theo các thuế suất khác nhau theo từng khu sản xuất và Chi nhánh và được miễn hoặc giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho một số khu sản xuất. Đối với hoạt động kinh doanh khác, Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 20% trên thu nhập phát sinh;
- + Thuế chuyển lợi nhuận bằng 3% (ba phần trăm) số lợi nhuận chuyển ra khỏi Việt Nam;
- + Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hằng năm.

Công ty được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định theo quy định hiện hành.

2.2 Ngày Công ty đáp ứng điều kiện trở thành Công ty đại chúng

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc đáp ứng điều kiện trở thành Công ty đại chúng tại ngày 30/10/2018. Ngày 19/03/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 1744/UBCK-GSĐC xác nhận việc hoàn tất đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc.

2.3 Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tại ngày đáp ứng điều kiện trở thành Công ty đại chúng

- Vốn điều lệ tại ngày 30/10/2018: 102.439.160.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018 (*): 1.517.271.216.645 đồng
- Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày 30/10/2018:
 - + Số lượng cổ đông: 103 cổ đông
 - + Cơ cấu cổ đông: 96 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 126.430 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 1,23% vốn điều lệ

(*) Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018



**2.4 Thông tin về vốn điều lệ, cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký giao dịch
UPCOM:**

- Vốn điều lệ tại ngày 08/09/2026: 1.344.838.690.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu tại ngày 30/06/2026 (*): 2.239.647.437.214 đồng
- Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày 26/03/2026:
 - + *Số lượng cổ đông:* 123 cổ đông
 - + *Cơ cấu cổ đông:* 116 cổ đông không phải là cổ đông lớn, sở hữu 25.427.675 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 18,9% vốn điều lệ

(*) Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét 6T/2026.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

3.1 Các công ty mẹ

Không có

3.2 Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng

Không có

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

3.3 Các công ty con

Bảng 1. Danh sách các Công ty con và công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Trụ sở	Tính hình hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
I. Công ty con trực tiếp								
1	Công ty Cổ phần Cá Tra Việt Úc	Ấp Vĩnh Bường, Xã Vĩnh Xương, Tỉnh An Giang	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất cá tra	24.655.700	99,99%	99,99%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
2	Công ty Cổ phần Việt Úc Nhà Mát (*)	Khóm Giồng Nhãn, phường Hiệp Thành, Tỉnh Cà Mau	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm thương phẩm	6.242.239	99,98%	99,98%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Giám đốc
3	Công ty Cổ phần Việt Úc - Bạc Liêu	Khóm Nhà Mát, Phường Hiệp Thành, Tỉnh Cà Mau	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống	3.780.000	99,00%	99,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
4	Công ty Cổ phần Việt Úc - Bình Định	Thôn Xuân Thạnh Nam, Xã Phù Mỹ Đông, Tỉnh Gia Lai	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống	3.040.876	98,98%	98,98%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
5	Công ty TNHH MTV Việt Úc - Bến Tre	Ấp Thạnh Ninh, Xã Bảo Thạnh, Tỉnh Vĩnh Long	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch công ty
6	Công ty TNHH MTV Việt - Úc Cà Mau	Ấp Đường Kéo, Xã Tân Ân, Tỉnh Cà Mau	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Giám đốc
7	Công ty TNHH Thủy sản Việt Úc - Sóc Trăng	Ấp Huỳnh Kỳ, Xã Vĩnh Hải, Thành phố Cần Thơ	Tạm dừng sản xuất	Sản xuất tôm giống	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc
8	Công ty TNHH Việt Úc - Nghệ An	Thôn Trúc Lân, Xã Quỳnh Anh, Nghệ An	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Tổng Giám đốc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên công ty	Trụ sở	Tình hình hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
9	Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Phước	Thôn Tuấn Tú, Xã Phước Dinh, Tỉnh Khánh Hòa	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Tổng Giám đốc
10	Công ty TNHH Việt Úc - Ninh Thuận	Thôn Hòa Thạnh, Xã Phước Dinh, Tỉnh Khánh Hòa	Tạm dừng sản xuất	Sản xuất tôm giống	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Tổng Giám đốc
11	Công ty TNHH Việt Úc - Phú Mỹ	Thôn Hòa Hội Nam, Xã An Lương, Tỉnh Gia Lai	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm thương phẩm	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Tổng Giám đốc
12	Công ty TNHH Việt Úc - Phước Dinh	Thôn Sơn Hải, Xã Phước Dinh, Tỉnh Khánh Hòa	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm bố mẹ	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Tổng Giám đốc
13	Công ty TNHH Việt Úc - Quảng Ninh	Thôn Phúc Tiến, Xã Đầm Hà, Tỉnh Quảng Ninh	Đang hoạt động kinh doanh	Sản xuất tôm giống, tôm thương phẩm	Không áp dụng	100,00%	100,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch công ty
14	Công ty Cổ phần Việt Úc - Ngọc Hiến	Ấp Đường Kéo, Xã Tân Ân, Tỉnh Cà Mau	Đang trong giai đoạn xây dựng	Sản xuất tôm thương phẩm	9.915.430	99,99%	99,99%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
15	Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc (*)	Ấp Giồng Nhãn, Phường Hiệp Thành, Tỉnh Cà Mau	Đang hoạt động kinh doanh	Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	3.749.250	99,98%	99,98%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Giám đốc
II. Công ty con gián tiếp								
1	Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc (**)	Ấp Giồng Nhãn, Phường Hiệp Thành, Tỉnh Cà Mau	Ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	9.915.430	99,99%	99,99%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Giám đốc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên công ty	Trụ sở	Tình hình hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
2	Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare (***)	Ấp Vĩnh Bường, Xã Vĩnh Xương, Tỉnh An Giang	Đang hoạt động kinh doanh	Tư vấn nghiên cứu thị trường dịch vụ và khoa học công nghệ	41.417	95,75%	95,75%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Giám đốc

Nguồn: VUG

(*) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Việt Úc Nhà Máy Thủy sản Việt Úc đã quyết định thực hiện tách thành 02 công ty là Công ty Cổ phần Việt Úc Nhà Máy và Công ty Cổ phần Nhà Máy Thủy sản Việt Úc với vốn điều lệ của hai công ty sau giao dịch tách lần lượt là 615.000.000.000 Đồng và 375.000.000.000 Đồng. Toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc được điều chuyển sang Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc. Sau giao dịch tách công ty, Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc trực thuộc Công ty cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc theo Quyết định số 01/2025/NQ-CSH ngày 26 tháng 12 năm 2025, chủ sở hữu Công ty cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc thông qua việc sáp nhập hai công ty.

(**) Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc là Công ty con gián tiếp trực thuộc Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc sở hữu 100,00% tại Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc. Tại ngày 30/06/2026, Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc đã ngừng hoạt động và đã hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Tại ngày 01/07/2026, Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc đã chấm dứt tồn tại. Theo đó, Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc đã thực hiện sáp nhập Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc.

(***) Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare là Công ty con gián tiếp trực thuộc Công ty Cổ phần Việt Úc. Theo đó, Công ty Cổ phần Việt Úc sở hữu 95,75% tại Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare.

3.4 Công ty mà công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Ngoài các Công ty con đã được kê khai tại Mục 3.2 nêu trên, Công ty còn nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các công ty sau đây:

STT	Tên công ty	Trụ sở	Tình hình hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
I. Công ty liên doanh								
1	Công ty TNHH Di truyền và Giống Việt Úc	Thôn Chen Zhai, thị trấn Xia Yang, huyện Xuwen, thành phố Zhanjiang, tỉnh Guangdong, Trung Quốc	Đang trong giai đoạn xây dựng	Sản xuất thức ăn thủy sản	Không áp dụng	50,00%	50,00%	Lương Thanh Văn - Chức vụ: Giám đốc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên công ty	Trụ sở	Tính hình hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ	Tỷ lệ biểu quyết	Người đại diện theo pháp luật
II. Công ty liên kết								
1	Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	Lô A12, A13, A14, A15, A16 Khu công nghiệp An Hiệp, Xã Phú Túc, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	Đang hoạt động kinh doanh	Xuất nhập khẩu và sản xuất tôm giống	Không áp dụng	32,50%	32,50%	Dương Anh Tú - Chức vụ: Tổng Giám đốc

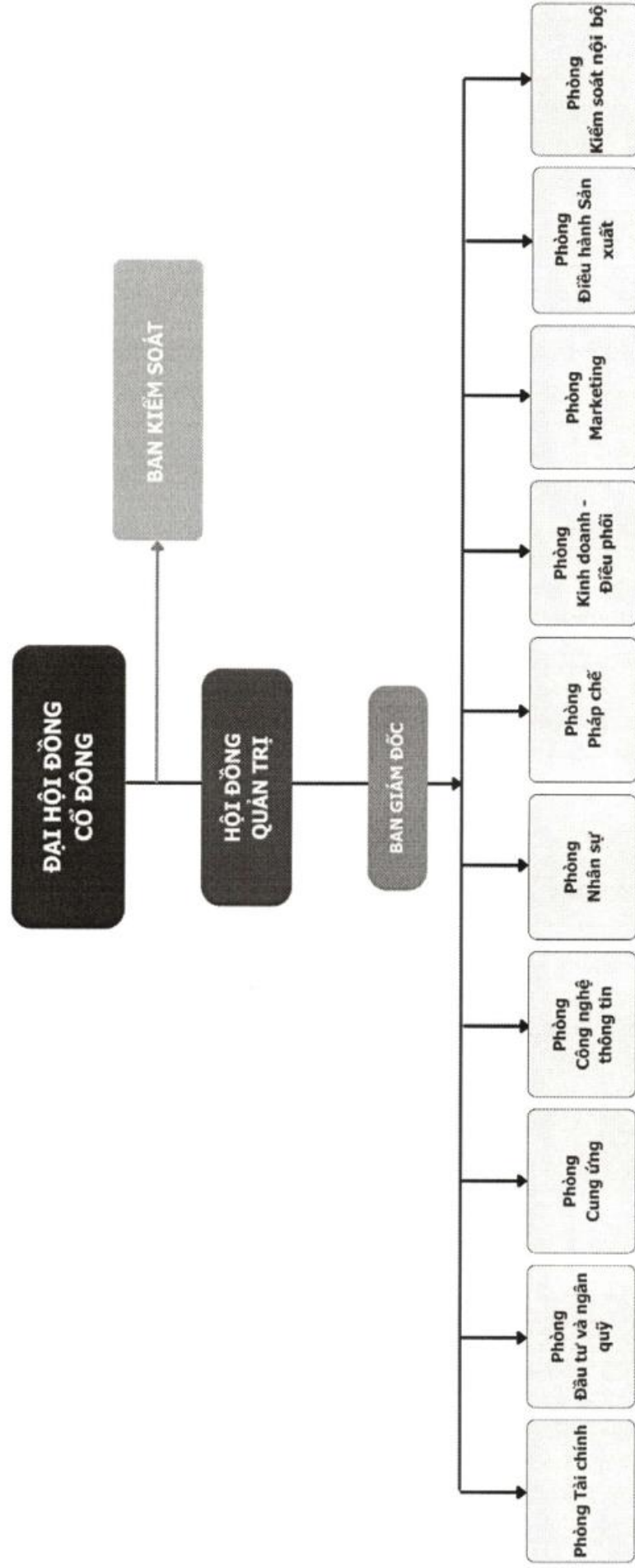
Nguồn: VUG

(Hết nội dung tại trang này)



4. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hình 1. Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc



Nguồn: VUG

(Hết nội dung tại trang này)



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc hoạt động theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14. Mô hình này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra; có chức năng giám sát hoạt động quản trị, điều hành và tình hình tài chính của Công ty. Nhiệm vụ chủ yếu gồm: giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc; kiểm tra tính hợp pháp, minh bạch trong quản lý và sử dụng nguồn lực của Công ty; kiến nghị biện pháp hoàn thiện cơ cấu quản trị; và báo cáo kết quả giám sát trước Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc: Ban Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc, và các Phó Tổng Giám đốc chuyên trách, có trách nhiệm lãnh đạo hoạt động toàn Công ty. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự quản lý của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh đúng quy trình quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Phòng Tài chính: Phòng Tài chính có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc về quản lý tài chính, kế toán và sử dụng nguồn vốn của Công ty. Phòng chịu trách nhiệm tổ chức hạch toán kế toán, lập và quản lý báo cáo tài chính theo quy định. Đồng thời thực hiện quản lý dòng tiền, ngân sách, chi phí và kiểm soát hiệu quả sử dụng vốn trong toàn Công ty. Phòng cũng phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác kiểm toán, quyết toán và tuân thủ các quy định tài chính, thuế.

Phòng Đầu tư và Ngân quỹ: Có chức năng tham mưu chiến lược đầu tư, phát triển dự án và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phòng thực hiện nghiên cứu, phân tích cơ hội đầu tư, lập và thẩm định dự án. Đồng thời theo dõi, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư và đề xuất phương án điều chỉnh khi cần thiết. Phòng cũng phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc triển khai và quản lý tiến độ thực hiện dự án.

Phòng Cung ứng: Có chức năng quản lý hoạt động mua sắm, cung ứng vật tư, nguyên liệu và dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Phòng chịu trách nhiệm xây dựng và quản lý hệ thống nhà cung cấp, đảm bảo nguồn cung ổn định và hiệu quả. Đồng thời tổ chức công tác đấu thầu, đàm phán và ký kết hợp đồng mua sắm theo quy định của Công ty. Phòng cũng thực hiện kiểm soát chi phí và chất lượng vật tư đầu vào.

Phòng Công nghệ thông tin: Có chức năng quản lý hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống dữ liệu của Công ty. Phòng chịu trách nhiệm xây dựng, vận hành và bảo mật hệ thống phần mềm, mạng và thiết bị công nghệ. Đồng thời triển khai các giải pháp chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành doanh nghiệp. Phòng cũng hỗ trợ kỹ thuật và đảm bảo an toàn thông tin cho toàn bộ hệ thống.

Phòng Nhân sự: Có chức năng quản lý nguồn nhân lực và xây dựng chính sách nhân sự của Công ty. Phòng thực hiện công tác tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và phát triển đội ngũ nhân sự. Đồng thời xây dựng và quản lý chế độ tiền lương, phúc lợi và chính sách lao động theo quy định. Phòng cũng đảm bảo tuân thủ pháp luật lao động và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả.

Phòng Pháp chế: Có chức năng tư vấn pháp lý và quản lý rủi ro pháp luật cho toàn bộ hoạt động của Công ty. Phòng thực hiện công tác soạn thảo, rà soát và quản lý các hợp đồng, văn bản pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời tham mưu cho Ban lãnh đạo về các quy định pháp luật, chính sách mới và đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành. Phòng cũng đại diện hoặc hỗ trợ giải quyết các tranh chấp, khiếu nại phát sinh và xây dựng hệ thống quy chế nội bộ phù hợp với yêu cầu quản trị doanh nghiệp.



Phòng Kinh doanh - Điều phối: Có chức năng phát triển thị trường và tổ chức hoạt động bán hàng của Công ty. Phòng chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển hệ thống khách hàng và đối tác. Đồng thời quản lý doanh số, triển khai các chương trình bán hàng và chăm sóc khách hàng. Phòng cũng phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Phòng Marketing: Có chức năng xây dựng và phát triển thương hiệu của Công ty trên thị trường. Phòng chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược truyền thông, quảng bá sản phẩm và hình ảnh doanh nghiệp. Đồng thời triển khai các chương trình marketing, nghiên cứu thị trường và hỗ trợ hoạt động bán hàng. Phòng cũng quản lý các kênh truyền thông và hoạt động quan hệ công chúng của Công ty.

Phòng Điều hành Sản xuất: Có chức năng tổ chức và quản lý hoạt động sản xuất tại các cơ sở của Công ty. Phòng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất, quản lý quy trình và kiểm soát chất lượng sản phẩm. Đồng thời tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực, máy móc và nguyên vật liệu. Phòng cũng phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo sản lượng, chất lượng và tiến độ sản xuất.

Phòng Kiểm soát nội bộ: Có chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định và quy trình trong hoạt động của Công ty. Phòng thực hiện đánh giá rủi ro, kiểm tra tính minh bạch và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời phát hiện, cảnh báo các sai sót, vi phạm và đề xuất biện pháp khắc phục. Phòng cũng hỗ trợ Ban Lãnh đạo nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro trong toàn Công ty.

5. Giới thiệu về quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc (tiền thân là Công ty TNHH Việt – Úc), được thành lập ngày 10/07/2001 theo Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/07/2001. Ngày 08/05/2014, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 481033000210 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 03. Từ khi thành lập đến nay, Công ty có quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ như sau:

Bảng 2. Quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
10/07/2001	500.000 USD	+500.000 USD	Chủ sở hữu góp vốn	- Giấy phép Đầu tư số 08/GP-BT do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/07/2001
10/07/2008	1.500.000 USD	+1.000.000 USD	Chủ sở hữu góp thêm tiền	- Giấy Chứng nhận Đầu tư số 481043000210 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 10/07/2008
08/05/2014	4.800.000 USD	+3.300.000 USD	Huy động vốn từ cá nhân/tổ chức khác	- Giấy Chứng nhận Đầu tư số 481033000210 (Số Giấy Chứng nhận Đầu tư cũ: 481043000210) do UBND tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 03 ngày 08/05/2014



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
19/11/2015	101.420	+620	Chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động cho năm 2014 (Phát hành cho cán bộ công nhân viên)	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 19/11/2015
24/08/2017	102.047	+627	Chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 07 ngày 24/08/2017
31/05/2018	102.439	+392	Chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 08 ngày 31/05/2018
12/09/2018	112.477	+10.038	Chào bán cổ phần riêng lẻ	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 12/09/2018
03/10/2018	102.439	-10.038	Mua lại cổ phần và giảm vốn điều lệ	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 03/10/2018 - Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 06/2018/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 27/8/2018
18/11/2019	103.464	+1.025	Chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 18/11/2019 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2019/QĐ-ĐHĐCĐ.VUBT ngày 10/06/2019 - Quyết định của Hội đồng quản trị số 03/2019/QĐ-HĐQT.VUBT ngày 01/07/2019 - Quyết định của Hội đồng quản trị số 03a/2019/QĐ-HĐQT.VUBT ngày 01/08/2019



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Thời điểm	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm	Giá trị vốn tăng/giảm	Hình thức tăng/giảm vốn	Cơ sở pháp lý
08/09/2022	1.344.839	+1.241.375	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và mua lại cổ phiếu quỹ	- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400322504 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 08/09/2022 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/QĐ-ĐHĐCD ngày 11/01/2022 - Nghị quyết HĐQT số 05/2022/QĐ-HĐQT.VUBT ngày 12/01/2022 - Công văn số 1199/UBCK-QLCB ngày 11/03/2022 về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty - Công văn số 1616/UBCK-QLCB ngày 30/03/2022 về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/QĐ-ĐHĐCD ngày 11/08/2022
Vốn điều lệ đã góp tại thời điểm đăng ký giao dịch	1.344.838.690.000 đồng (Một nghìn ba trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm ba mươi tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng)			

Nguồn: VUG

Quá trình góp vốn thành lập, thay đổi vốn điều lệ của Công ty:

a. Góp vốn thành lập doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc (tiền thân là Công ty TNHH Việt – Úc), được thành lập ngày 10/7/2001 theo Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/7/2001 với số vốn đầu tư đăng ký là 500.000 USD (Năm trăm ngàn đô la Mỹ).

b. Các lần thay đổi vốn điều lệ

(1) Tăng vốn điều lệ lần 01

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 481043000210 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ nhất ngày 10/7/2008
- Loại hình doanh nghiệp: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- Vốn điều lệ trước tăng vốn: 500.000 USD (Năm trăm ngàn đô la Mỹ)
- Vốn điều lệ sau tăng vốn: 1.500.000 USD (Một triệu năm trăm ngàn đô la Mỹ)
- Hình thức tăng vốn: Chủ sở hữu góp thêm tiền
- Loại tài sản góp vốn: Tiền



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

(2) Tăng vốn điều lệ lần 02 và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần:

- Giấy chứng nhận đầu tư: số 481033000210 (Số cũ: 481043000210) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ ba ngày 08/05/2014
- Loại hình doanh nghiệp: công ty cổ phần
- Vốn điều lệ trước tăng vốn: 1.500.000 USD (một triệu năm trăm ngàn đô la Mỹ)
- Vốn điều lệ sau tăng vốn: 100.800.000.000 đồng (Một trăm tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn), tương đương 4.800.000 USD (Bốn triệu tám trăm ngàn đô la Mỹ)
- Số lượng cổ phần sau tăng vốn: 10.080.000 cổ phần
- Hình thức tăng vốn: Huy động vốn từ cá nhân/tổ chức khác
- Loại tài sản góp vốn: Tiền
- Số lượng cổ đông sau tăng vốn: 03 cổ đông (1 cá nhân và 2 tổ chức)
Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập

(3) Tăng vốn điều lệ lần 03:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 100.800.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 101.419.900.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước phát hành: 10.080.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 61.990 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 10.141.990 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động cho năm 2014 (Phát hành cho cán bộ công nhân viên)
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 4 cổ đông
- Số lượng CBCNV được phân phối cổ phiếu: 53 người
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 57 cổ đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 19/11/2015



(4) Tăng vốn điều lệ lần 04:

- Vốn điều lệ trước phát hành:	101.419.900.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành:	102.046.760.000 đồng
- Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước phát hành:	10.141.990 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành:	62.686 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành:	10.204.676 cổ phiếu
- Hình thức phát hành:	chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động
- Số lượng cổ đông trước phát hành:	57 cổ đông
- Số lượng CBCNV được phân phối cổ phiếu:	69 người
- Số lượng cổ đông sau phát hành:	73 cổ đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 24/08/2017

(5) Tăng vốn điều lệ lần 05:

- Vốn điều lệ trước phát hành:	102.046.760.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành:	102.439.160.000 đồng
- Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước phát hành:	10.204.676 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành:	39.240 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành:	10.243.916 cổ phiếu
- Hình thức phát hành:	chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động
- Số lượng cổ đông trước phát hành:	73 cổ đông
- Số lượng CBCNV được phân phối cổ phiếu:	75 người
- Số lượng cổ đông sau phát hành:	80 cổ đông



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 8 ngày 31/05/2018

(6) Tăng vốn điều lệ lần 06:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 102.439.160.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 112.477.100.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước phát hành: 10.243.916 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.003.794 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 11.247.710 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: chào bán cổ phần riêng lẻ
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 80 cổ đông
- Số lượng cổ đông được phân phối cổ phiếu: 03 Nhà đầu tư nước ngoài
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 83 cổ đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 12/09/2018

(7) Mua lại cổ phần và giảm vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ trước mua lại: 112.477.100.000 đồng
- Vốn điều lệ sau mua lại: 102.439.160.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước mua lại: 11.247.710 cổ phiếu
- Tổng số lượng cổ phiếu mua lại: 1.003.794 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau mua lại: 10.243.916 cổ phiếu
- Đối tượng có cổ phiếu được mua lại: cổ đông Lương Thanh Văn, theo Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 06/2018/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 27/8/2018
- Tổng giá trị mua lại: 767.745.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước đợt mua lại : 83 cổ đông



- Số lượng cổ đông sau đợt mua lại : 83 cổ đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 03/10/2018
- Hồ sơ pháp lý liên quan Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông số 06/2018/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 27/8/2018

Các cổ đông của Công ty thực hiện chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Công ty có 103 cổ đông, tính đến thời điểm ngày 30/10/2018. Như vậy, tại ngày 30/10/2018, Công ty đáp ứng đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng. Ngày 19/03/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 1744/UBCK-GSĐC xác nhận việc hoàn tất đăng ký công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc.

(8) Tăng vốn điều lệ lần 07:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 102.439.160.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: 103.463.720.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước phát hành: 10.243.916 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 102.456 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 10.346.372 cổ phiếu
- Hình thức phát hành: chào bán cổ phần riêng lẻ theo chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 103 cổ đông
- Số lượng CBCNV được phân phối cổ phiếu: 91 người
- Số lượng cổ đông sau phát hành: 125 cổ đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 18/11/2019
- Hồ sơ pháp lý liên quan:
 - Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2019/QĐ-ĐHĐCĐ.VUBT ngày 10/6/2019
 - Quyết định của Hội đồng quản trị số 03/2019/QĐ-HĐQT.VUBT ngày 1/7/2019
 - Quyết định của Hội đồng quản trị số 03a/2019/QĐ-HĐQT.VUBT ngày 1/8/2019



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

(9) Tăng vốn điều lệ lần 08:

- Vốn điều lệ trước phát hành:	103.463.720.000 đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành:	1.344.838.690.000 đồng
- Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu trước phát hành:	10.346.372 cổ phiếu
+ Số lượng cổ phiếu quỹ:	1.459 cổ phiếu
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành trước phát hành:	10.344.913 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành:	124.138.956 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành:	134.483.869 cổ phiếu
+ Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
+ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành sau phát hành:	134.483.869 cổ phiếu
- Hình thức phát hành:	phát hành cổ phiếu trả cổ tức
- Số lượng cổ đông trước phát hành	123 cổ đông
- Số lượng cổ đông được nhận cổ tức bằng cổ phiếu:	123 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành:	123 cổ đông
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	số 3400322504 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 08/09/2022
- Hồ sơ pháp lý liên quan:	- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 01/2022/QĐ-ĐHĐCĐ ngày 11/01/2022 - Nghị quyết HĐQT số 05/2022/QĐ-HĐQT.VUBT ngày 12/01/2022 - Công văn số 1199/UBCK-QLCB ngày 11/03/2022 về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty - Công văn số 1616/UBCK-QLCB ngày 30/03/2022 về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Do thời gian đã lâu, các tài liệu liên quan đến các lần thay đổi vốn điều lệ từ 100.800.000.000 đồng lên 102.439.160.000 đồng hiện không còn được Công ty lưu trữ đầy đủ. Tuy nhiên, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng vào ngày 19/03/2019, trong đó vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký là 102.439.160.000 đồng.

Đối với các lần tăng vốn sau đó, bao gồm lần tăng vốn thứ 07 và lần tăng vốn thứ 08, Công ty đã thực hiện theo quy định và đã được UBCKNN chấp thuận. Trên cơ sở đó, Công ty cam kết các thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ qua từng thời điểm nêu trên là trung thực, chính xác; việc tăng vốn đã được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã báo cáo, cam kết

6. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm gần nhất

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông tại ngày 26/03/2026

STT	CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ
I	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI			
1	Cổ đông trong nước	111	75.404.160	56,1%
	- Nhà nước			
	- Tổ chức	1	727.558	0,5%
	- Cá nhân	110	74.676.602	55,6%
2	Cổ đông nước ngoài	12	59.079.709	43,9%
	- Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	6	40.087.723	29,8%
	- Cá nhân	6	18.991.986	14,1%
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	123	134.483.869	100,0%
II	CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG KHÁC			
1	Cổ đông lớn	7	109.056.194	81,1%
2	Cổ đông khác	116	25.427.675	18,9%
	TỔNG CỘNG (1 + 2)	123	134.483.869	100,0%

Nguồn: VSDC

6.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 26/03/2026

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Kim Thừa	199 Nguyễn Văn Hưởng, Phường An Khánh, Thành phố Hồ Chí Minh	52.455.624	39,0%



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
2	Lương Thanh Văn	57-61 Alexandra Parade Colling Wood Victoria, 3066 Australia	18.031.481	13,4%
3	Viet Uc Hong Kong Limited	Level 54, Hopewell Centre, 183 Queen's Road East, Hong Kong	15.318.576	11,4%
4	Lotus Asia Investment Limited	Rm 2202, 22/F Tower 1 Lippo Center, 89 Queensway, Hong Kong	10.201.191	7,6%
5	Nhóm cổ đông STIC		13.049.322	9,7%
5.1	<i>STIC Pan-Asia 4th Industry Growth Private Equity Fund</i>	<i>PO Box 309, Ugland House, Grand Cayman, KY1-1104, Cayman Islands</i>	<i>6.524.661</i>	<i>4,9%</i>
5.2	<i>STIC Private Equity Fund III L.P</i>	<i>PO Box 309, Ugland House, Grand Cayman, KY1-1104, Cayman Islands</i>	<i>5.575.622</i>	<i>4,1%</i>
5.3	<i>STIC Shariah Private Equity Fund III L.P</i>	<i>Teheran-ro 78-gil, Seoul, Hàn Quốc</i>	<i>949.039</i>	<i>0,7%</i>
	TỔNG CỘNG		109.056.194	81,1%

Nguồn: VSDC

6.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc được thành lập dựa trên Giấy phép đầu tư số 08/GP-BT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10/07/2001 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn với mục đích đầu tư sản xuất tôm giống và cung cấp các dịch vụ về sản xuất và tiêu thụ tôm giống và tôm thịt. Ngày 08/05/2014, Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần trên cơ sở Giấy chứng nhận đầu tư số 481033000210 được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cấp thay đổi lần thứ 03 và Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Các mảng kinh doanh chính của Công ty bao gồm (i) Tôm giống, (ii) Tôm Thương Phẩm, (iii) Tôm Chế biến và (iv) Hoạt động khác.

VUG tiên phong hoàn thành chuỗi giá trị khép kín hoàn chỉnh, trong từng mảng của chuỗi giá trị khép kín, VUG đầu tư kỹ lưỡng từ cơ sở vật chất đến các công nghệ vượt trội từ nhiều quốc gia để nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo kiểm soát chất lượng, dịch bệnh, an toàn sinh học. Công ty kinh doanh với định hướng phát triển bền vững, không chỉ là cho môi trường, cho ngành mà còn cho cộng đồng.

(i) Tôm Giống

Tôm giống (Postlarvae – PL) là sản phẩm chủ lực của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc. Tôm giống được sản xuất từ nguồn tôm bố mẹ chọn lọc, trải qua quá trình ương nuôi và kiểm soát chất lượng trước khi cung cấp cho người nuôi tôm trên toàn quốc. VUG đang dẫn đầu phân khúc Tôm Giống trong nhiều năm qua với thị phần nội địa khoảng 36% theo số liệu ước tính từ Công ty, bỏ khá xa các thương hiệu tôm giống còn lại. Năm 2026, Công ty ra mắt dòng sản phẩm "Biệt đội tứ siêu VU-S26", được phát triển từ chương trình chọn giống của Công ty, với ưu điểm như tăng trưởng nhanh, đề kháng mạnh hơn, thích nghi độ mặn cực thấp,.... qua đó tăng hiệu quả nuôi cho người nuôi tôm.



Bảng 5. Danh sách khu phức hợp sản xuất giống của Công ty

STT	Khu phức hợp sản xuất giống	Công suất thiết kế	Công suất hiện hữu
1	Quảng Ninh	2 tỷ tôm giống/ năm	1,1 tỷ tôm giống/ năm
2	Nghệ An	4 tỷ tôm giống/ năm	2,0 tỷ tôm giống/ năm
3	Bình Định	7 tỷ tôm giống/ năm	3,0 tỷ tôm giống/ năm
4	Ninh Thuận	4 tỷ tôm giống/ năm	0,2 tỷ tôm giống/ năm
5	Bình Thuận	4 tỷ tôm giống/ năm	2,9 tỷ tôm giống/ năm
6	Bến Tre	5 tỷ tôm giống/ năm	1,4 tỷ tôm giống/ năm
7	Sóc Trăng	2 tỷ tôm giống/ năm	0,1 tỷ tôm giống/ năm
8	Bạc Liêu	15 tỷ tôm giống/ năm	7,7 tỷ tôm giống/ năm
9	Cà Mau	6 tỷ tôm giống/ năm	2,7 tỷ tôm giống/ năm
	TỔNG	49 tỷ tôm giống/năm	21,1 tỷ tôm giống/năm

Nguồn: VUG

VUG đầu tư hệ thống 09 khu phức hợp sản xuất tôm giống công nghệ cao trải dài trên nhiều tỉnh thành từ Bắc vào Nam với công suất thiết kế 49 tỷ con giống tôm thẻ chân trắng/năm, giúp rút ngắn thời gian vận chuyển và đảm bảo cung ứng con giống kịp thời cho người nuôi trên cả nước. Toàn bộ quy trình sản xuất được Công ty kiểm soát chặt chẽ về an toàn sinh học, hệ thống lọc nước, dinh dưỡng và kiểm tra chất lượng nhằm đảm bảo tôm giống đạt tiêu chuẩn trước khi cung cấp cho khách hàng.

Hiện tại, sản lượng sản xuất tôm giống tại các đơn vị thành viên của Công ty đạt 21,1 tỷ tôm giống/năm, tương đương 43% công suất thiết kế, trong đó một số đơn vị như Việt Úc Bình Thuận, Việt Úc Bạc Liêu luôn đạt trên 50% công suất thiết kế. Trước tình hình dịch bệnh và thời tiết cực đoan các năm gần đây, Công ty áp dụng mật độ sản xuất thưa hơn để tăng tỷ lệ sống của Postlarvae, tuy nhiên với dư địa công suất sẵn có, Công ty luôn có thể chủ động gia tăng công suất khi nhu cầu thị trường và tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

(Hết nội dung tại trang này)



Tôm giống VU-S26

Đặc tính sản phẩm: Tôm thẻ chân trắng giống (L.VANNAMEI) gồm 04 dòng:

- Tôm giống Siêu hạ mặn: Dòng tôm giống Siêu Hạ Mặn mở ra cơ hội nuôi hiệu quả tại các vùng độ mặn thấp, nhưng vẫn đảm bảo tốc độ tăng trưởng tương đương môi trường mặn cao. Đây là giải pháp đáng chú ý trong bối cảnh điều kiện nguồn nước tại nhiều khu vực đang thay đổi
- Tôm giống Siêu bền bỉ: Dòng tôm giống Siêu Bền Bỉ phát triển tốt trong môi trường thuận mùa lẫn nghịch mùa. Khả năng thích nghi cao và duy trì sức khỏe đàn tôm cho ra năng suất ổn định giúp giảm áp lực quản lý, đặc biệt trong những giai đoạn thời tiết bất lợi như ở miền Trung, Bắc
- Tôm giống Siêu 60: Sở hữu ưu thế về gen tăng trưởng nhanh, tôm giống Siêu 60 cho phép người nuôi có thể đạt size 40 con/kg trong vòng 60 ngày. Đây là chìa khóa giúp các trang trại chủ động kiểm soát sản lượng, tối ưu hóa chi phí vận hành và nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường
- Tôm giống Siêu chống chịu: Dòng tôm giống Siêu Chống Chịu tập trung vào yếu tố then chốt của mỗi vụ nuôi: tỷ lệ sống. Với khả năng chống chịu tốt hơn trước áp lực thời tiết biến động, dòng tôm này giúp người nuôi giảm thiểu rủi ro và gia tăng độ an tâm trong suốt chu kỳ nuôi

Quy cách đóng gói:

- Số lượng: 1.000 – 3.000 con/bao
- Số ngày tuổi: Postlarvae 12 - 15
- Kích cỡ: $\geq 9\text{mm}$
- Màu sắc: Phù hợp tiêu chuẩn cơ sở công bố
- Chỉ tiêu về bệnh: Sạch các bệnh theo quy định hiện hành



Nguồn: VUG

(ii) Tôm Thương Phẩm

Bên cạnh hoạt động sản xuất tôm giống, Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc còn phát triển hoạt động nuôi tôm thương phẩm theo mô hình VUS Bền vững nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và hoàn thiện chuỗi giá trị ngành tôm. Tôm thương phẩm của Công ty được nuôi tại các Khu phức hợp nuôi tôm công nghệ cao tại Bạc Liêu (nay là Tỉnh Cà Mau) và Bình Định (nay là Tỉnh Gia Lai), với tổng quy mô trên 820 ha, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng và công nghệ.

Các khu nuôi ứng dụng nhiều giải pháp công nghệ hiện đại từ các quốc gia phát triển, bao gồm: công nghệ nhà màng, máy cho tôm ăn tự động, hệ thống đo oxy hòa tan và cảnh báo tự động, hệ thống kiểm tra tôm bằng nhá tự động kết hợp truyền dữ liệu hình ảnh về trung tâm, và hệ thống siphon tự động nhằm kiểm soát môi trường ao nuôi. Bên cạnh đó, Công ty áp dụng công nghệ vi sinh trong quá trình nuôi, không sử dụng kháng sinh, hạn chế thay nước và tăng cường quản lý môi trường nuôi theo hướng bền vững.

Hiện VUG có 04 Khu phức hợp nuôi và sản xuất Tôm thương phẩm công nghệ cao với sản lượng sản xuất khoảng 3.800 tấn tôm thương phẩm/năm:

- Việt Úc Nhà Mát (Cà Mau): Diện tích nuôi 315 ha. Công ty đã đầu tư hệ thống trại hồ trong nhà và ngoài trời trên một phần diện tích, khu phức hợp xử lý nước, công suất sản xuất các năm gần đây đạt bình quân gần 2.000 tấn/năm.



- Việt Úc Hòa Bình (Cà Mau): Diện tích 52,5 ha. Công suất sản xuất dựa trên cơ sở hạ tầng đã xây dựng, hiện đáp ứng khoảng 700 tấn/năm.
- Việt Úc Phù Mỹ (Bình Định): Diện tích nuôi 300ha (dự kiến mở rộng 416 ha). Tổng diện tích xây dựng hiện tại cơ sở hạ tầng đạt 116 ha, phục vụ đầu ra tôm thương phẩm thu hoạch khoảng 1.100 tấn/năm.
- Việt Úc Quảng Ninh (Quảng Ninh): Tổng diện tích 188 ha, trong đó diện tích quy hoạch nuôi tôm thương phẩm là 159 ha. Tuy nhiên, cơ sở này hiện đang tập trung vào khai thác và sản xuất tôm giống.

Tại các khu phức hợp này, VUG triệt để áp dụng các mô hình, công nghệ và quy trình nuôi vi sinh tiên tiến nhất thế giới. Nhờ áp dụng các giải pháp công nghệ và quy trình quản lý chặt chẽ, tôm thương phẩm của Công ty có nguồn gốc rõ ràng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, được tiêu thụ tại thị trường trong nước và cung cấp cho các thị trường xuất khẩu có tiêu chuẩn cao như Nhật Bản, Hoa Kỳ và châu Âu.

(iii) Tôm Chế Biến

Nhà máy Tôm chế biến được nằm cạnh Khu nuôi thương phẩm, Tôm sau thu hoạch được vận chuyển nhanh chóng đảm bảo độ tươi và an toàn vệ sinh đến Nhà máy chế biến. Các sản phẩm Tôm chế biến hoàn toàn không kháng sinh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và luôn được truy xuất nguồn gốc cụ thể. Một số sản phẩm nổi bật do Công ty cung cấp gồm: Tôm tươi, tôm hấp, tôm tươi tẩm bột, tôm chín tẩm bột Tempura, tôm nobashi, tôm sushi,....

(iv) Hoạt động khác

Hoạt động khác của Công ty chủ yếu là bán cá tra giống của các chương trình thực nghiệm và bán nguyên vật liệu. Công ty là một trong những đơn vị đầu ngành thực hiện nghiên cứu và thương mại hoá sản xuất cá tra giống quy mô lớn, với chương trình cá tra giống của Công ty hiện tại đang trong giai đoạn phát triển đến thế hệ thứ 5 và sẵn sàng đưa vào thương mại hoá cuối năm 2026 đầu 2027, với công suất thiết kế hiện tại lên đến 150 triệu cá tra giống và 500 triệu cá tra bột cho thị trường nội địa.

Cuối năm 2025 Công ty thành lập Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare, là một đơn vị chuyên phát triển nền tảng khoa học kỹ thuật, tư vấn và ứng dụng nuôi trồng thủy sản trong hệ sinh thái rộng lớn hơn của VUG, tập trung vào việc cải thiện hiệu suất trang trại nuôi tôm, an toàn sinh học và tính bền vững thông qua hỗ trợ dựa trên khoa học thay vì chỉ bán tôm giống.

7.2 Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc chịu ảnh hưởng nhất định bởi tính thời vụ của ngành tôm, do nhu cầu tôm giống phụ thuộc vào lịch thời vụ thả nuôi của người nuôi tôm tại các vùng nuôi trọng điểm. Theo hướng dẫn chung của cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản, lịch thả giống tôm nước lợ tại Việt Nam được bố trí theo các khung thời gian khác nhau tùy thuộc vào điều kiện khí hậu, thủy văn và đặc điểm sản xuất của từng khu vực. Các biến động về nhiệt độ, lượng mưa, bão lũ và điều kiện môi trường nước có tác động trực tiếp đến quyết định thả nuôi của người nuôi tôm, từ đó ảnh hưởng đến nhu cầu tôm giống, sản lượng tiêu thụ và giá bán của Công ty. Tôm thẻ chân trắng phát triển tốt nhất ở nhiệt độ nước từ 25-30°C. Ở nhiệt độ ấm áp, tôm thẻ chân trắng tăng trưởng nhanh và có chu kỳ sinh sản ngắn hơn, cho phép người nuôi tôm có thể thu hoạch nhiều vụ trong một năm.

Quý 1 hàng năm thường là giai đoạn thấp điểm của ngành do điều kiện thời tiết chưa thuận lợi và môi trường nuôi chưa ổn định, đặc biệt là khí hậu lạnh ở miền Bắc, và mưa bão ở miền Trung, khiến nhu cầu thả nuôi của người nuôi tôm ở mức thấp. Trong giai đoạn này, nhiều hộ nuôi sẽ thực hiện cải tạo ao đầm, xử lý môi trường, chuẩn bị cơ sở hạ tầng và theo dõi diễn biến thời tiết, chất lượng nguồn nước trước khi bước vào vụ nuôi mới. Bên cạnh đó, điều kiện môi trường tại một số địa phương có thể chưa thực sự ổn định, đặc biệt trong giai đoạn chuyển mùa, làm gia tăng rủi ro phát sinh dịch bệnh hoặc ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của tôm nuôi. Theo đó, sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Công ty trong giai đoạn này thường giảm, trong khi các chi phí cố định như chi phí vận hành trại giống, nhân công, khấu hao và chi phí quản lý vẫn duy trì, điều này có thể làm giảm



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

biên lợi nhuận và khiến kết quả kinh doanh trong giai đoạn đầu năm kém khả quan hơn so với các quý cao điểm.

Giai đoạn Quý 2 – Quý 3, khi điều kiện thời tiết và môi trường nuôi thuận lợi hơn, hoạt động thả nuôi bước vào giai đoạn cao điểm tại nhiều vùng nuôi. Nhu cầu tôm giống tăng mạnh kéo theo sản lượng tiêu thụ và giá bán cải thiện. Việc gia tăng sản lượng tiêu thụ trong giai đoạn này không chỉ giúp Công ty nâng cao doanh thu mà còn góp phần tối ưu hóa việc phân bổ chi phí cố định trên mỗi đơn vị sản phẩm, qua đó cải thiện đáng kể hiệu quả kinh doanh. Đây là giai đoạn đóng góp chủ yếu vào doanh thu và lợi nhuận cả năm của Công ty.

Đến Quý 4, nhu cầu thả nuôi thường có xu hướng giảm dần khi nhiều hộ nuôi đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trong năm hoặc bước vào giai đoạn thu hoạch. Đồng thời, đây cũng là thời điểm một số khu vực nuôi chịu ảnh hưởng của mùa mưa, bão, lũ và các biến động bất lợi của môi trường nước, làm gia tăng rủi ro dịch bệnh và tỷ lệ hao hụt trong quá trình nuôi. Trước những rủi ro này, người nuôi thường thận trọng hơn trong quyết định thả giống, dẫn đến nhu cầu tôm giống suy giảm so với giai đoạn cao điểm. Điều này có thể làm giảm sản lượng tiêu thụ của Công ty trong những tháng cuối năm.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, các hiện tượng thời tiết cực đoan như nắng nóng kéo dài, hạn hán, xâm nhập mặn, mưa lớn bất thường hoặc dịch bệnh trên tôm nuôi có thể làm thay đổi lịch thời vụ truyền thống tại nhiều địa phương. Điều này khiến nhu cầu tôm giống trên thị trường có thể biến động mạnh hơn so với các năm trước, đồng thời làm gia tăng mức độ khó khăn trong công tác dự báo và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, với hệ thống các trại giống và khu phức hợp sản xuất được phân bố tại nhiều địa phương trên cả nước, cùng năng lực nghiên cứu, sản xuất và cung ứng các dòng tôm giống ở nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, Công ty có khả năng linh hoạt điều chỉnh kế hoạch sản xuất để đáp ứng nhu cầu của từng khu vực và từng thời điểm trong năm. Việc đa dạng hóa thị trường tiêu thụ, mở rộng mạng lưới khách hàng, nâng cao chất lượng con giống và tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý sản xuất cũng giúp Công ty giảm thiểu tác động bất lợi của yếu tố thời vụ, duy trì hoạt động ổn định và nâng cao khả năng thích ứng trước các biến động của ngành nuôi tôm.

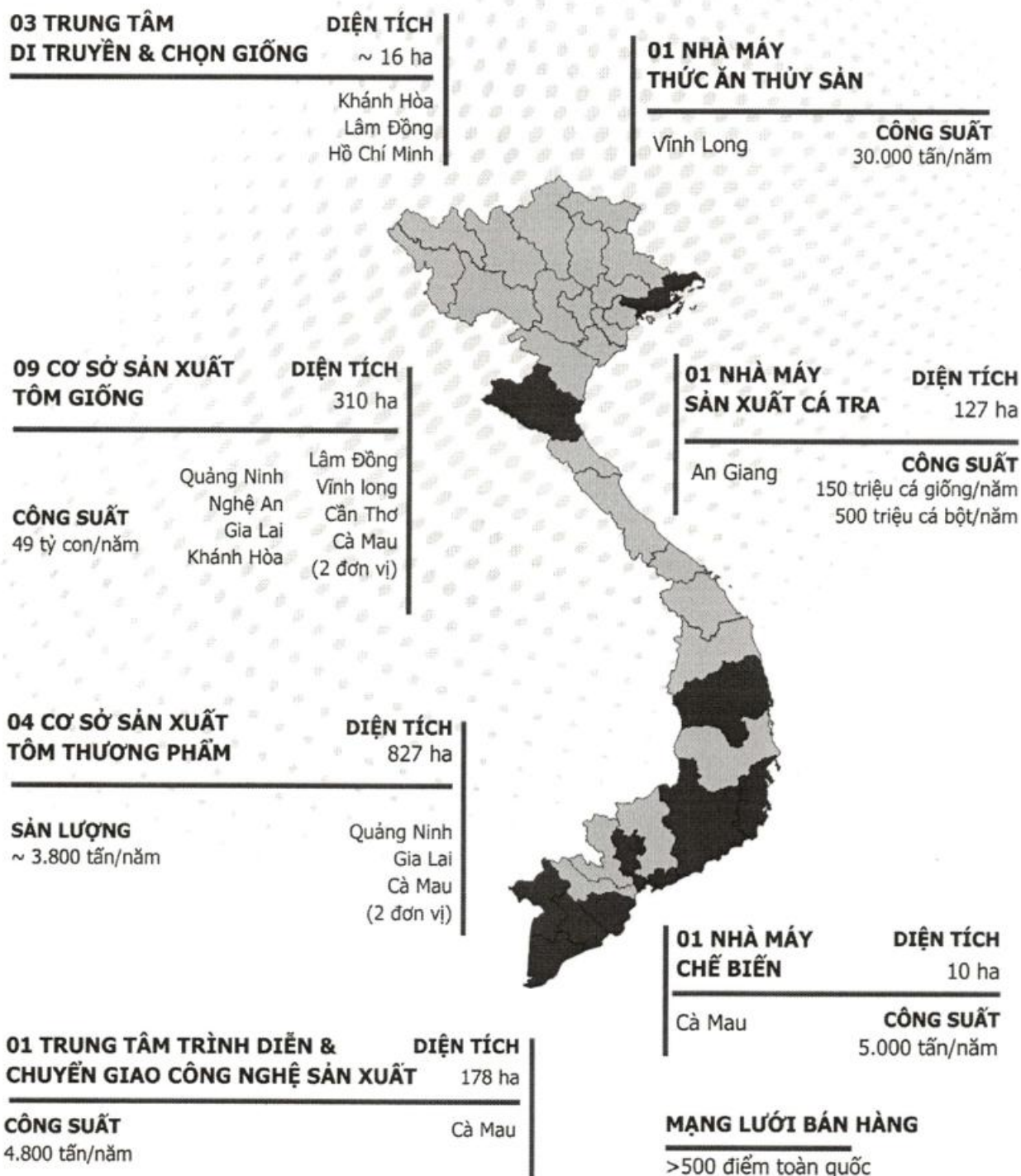
(Hết nội dung tại trang này)



7.3 Thị trường hoạt động

Hình 2. Địa bàn hoạt động của Công ty

(*): Bản đồ chỉ thể hiện phạm vi hoạt động trên đất liền của doanh nghiệp



Nguồn: VUG

VUG hoạt động tại Việt Nam và kinh doanh tại thị trường nội địa và quốc tế. Trong đó, thị trường nội địa hiện là thị trường tiêu thụ chủ yếu đối với các sản phẩm Tôm Giống và các sản phẩm, dịch vụ liên quan phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Sản phẩm của Công ty được cung cấp cho các hộ nuôi tôm, trang trại nuôi tôm và



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

doanh nghiệp nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi tôm trọng điểm của Việt Nam, đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Nam Trung Bộ và một số tỉnh ven biển miền Trung.

Đối với thị trường quốc tế, Công ty cũng thực hiện hoạt động xuất khẩu sang một số thị trường nước ngoài có nhu cầu về Tôm Giống, Tôm Chế Biến. Hoạt động xuất khẩu góp phần mở rộng phạm vi hoạt động của Công ty và đa dạng hóa thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Bảng 6. Doanh thu theo thị trường của Công ty qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

THỊ TRƯỜNG	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng	+/-%	6T/2026	Tỷ trọng
- Nội địa	1.192.405	92,6%	1.317.149	97,2%	10,5%	548.331	100,0%
- Quốc tế	95.320	7,4%	37.654	2,8%	-60,5%	-	-
TỔNG	1.287.725	100,0%	1.354.803	100,0%	5,2%	548.331	100,0%

Nguồn: VUG

7.4 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty gắn liền với mô hình chuỗi giá trị khép kín trong ngành tôm. Đối với mảng tôm giống, đầu vào trọng yếu là tôm bố mẹ chọn lọc, cùng các vật tư phục vụ quá trình ương nuôi như thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý môi trường và vật tư kiểm soát dịch bệnh. Các yếu tố đầu vào này được Công ty lựa chọn và kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng con giống, an toàn sinh học và hạn chế rủi ro dịch bệnh.

Đối với mảng nuôi tôm thương phẩm và chế biến, Công ty tận dụng lợi thế từ chuỗi giá trị nội bộ, trong đó tôm giống do Công ty sản xuất được sử dụng cho hoạt động nuôi thương phẩm, còn nguồn tôm thương phẩm từ vùng nuôi của Công ty là nguyên liệu đầu vào cho mảng chế biến. Bên cạnh nguồn cung nội bộ, Công ty có thể thu mua bổ sung từ các nguồn bên ngoài khi cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu thụ. Mô hình này giúp VUG chủ động hơn về nguồn nguyên liệu, tăng khả năng kiểm soát chất lượng đầu vào và nâng cao hiệu quả vận hành trên toàn chuỗi giá trị.

Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Nguồn cung nguyên vật liệu của Công ty tương đối ổn định nhờ mô hình chuỗi giá trị khép kín và chủ động trong các khâu sản xuất chính. Đối với mảng tôm giống, đầu vào trọng yếu là tôm bố mẹ do Công ty tự nuôi, tự tuyển chọn và kiểm soát chất lượng, qua đó giúp chủ động nguồn giống nền tảng, hạn chế phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và đảm bảo tính đồng nhất về chất lượng con giống. Đối với các vật tư phục vụ quá trình ương nuôi như thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý môi trường và vật tư kiểm soát dịch bệnh, Công ty duy trì quan hệ với các nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định.

Đối với nguyên liệu phục vụ nuôi tôm thương phẩm và chế biến, việc chủ động một phần đáng kể từ hệ thống vùng nuôi nội bộ giúp Công ty giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung bên ngoài và hạn chế rủi ro biến động về giá và sản lượng. Bên cạnh đó, mạng lưới thu mua từ các đối tác liên kết cũng góp phần bổ sung nguồn nguyên liệu khi cần thiết, đảm bảo tính linh hoạt trong vận hành.

Tuy nhiên, do đặc thù ngành thủy sản, nguồn cung nguyên vật liệu vẫn có thể chịu ảnh hưởng nhất định từ các yếu tố bên ngoài như dịch bệnh, điều kiện thời tiết và biến động thị trường quốc tế (đối với một số vật tư nhập khẩu). Nhìn chung, với cơ cấu nguồn cung kết hợp giữa nội bộ và bên ngoài cùng hệ thống kiểm soát chất lượng chặt chẽ, Công ty có nền tảng để duy trì sự ổn định tương đối về nguồn nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.



Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Giá cả nguyên vật liệu có tác động trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của Công ty, đặc biệt thông qua biến động chi phí đầu vào. Đối với mảng tôm giống, các yếu tố như chi phí thức ăn, chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý môi trường và chi phí vận hành trại giống có thể biến động theo thị trường, qua đó ảnh hưởng đến giá thành sản xuất. Trong trường hợp giá nguyên vật liệu tăng mạnh, Công ty không thể điều chỉnh tương ứng giá bán ngay lập tức do yếu tố cạnh tranh hoặc sức mua thị trường, biên lợi nhuận sẽ chịu áp lực thu hẹp.

Đối với mảng nuôi tôm thương phẩm và chế biến, biến động giá thức ăn, con giống (nội bộ) và các chi phí đầu vào khác cũng ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn hàng bán. Tuy nhiên, nhờ mô hình chuỗi giá trị khép kín, Công ty có khả năng chủ động một phần nguồn nguyên liệu và kiểm soát chi phí tốt hơn so với các doanh nghiệp phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn cung bên ngoài, qua đó giảm thiểu phần nào tác động tiêu cực từ biến động giá.

Cần lưu ý rằng dù chủ động được nguồn đầu vào, kết quả kinh doanh của Công ty vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể từ biến động giá tôm trên thị trường. Khi giá tôm thương phẩm giảm, giá bán tôm giống và các sản phẩm liên quan thường có xu hướng điều chỉnh giảm theo, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và biên lợi nhuận của Công ty. Do đó, biến động giá tôm đầu ra là yếu tố có tác động đáng kể, thậm chí lớn hơn so với biến động chi phí đầu vào trong một số giai đoạn nhất định.

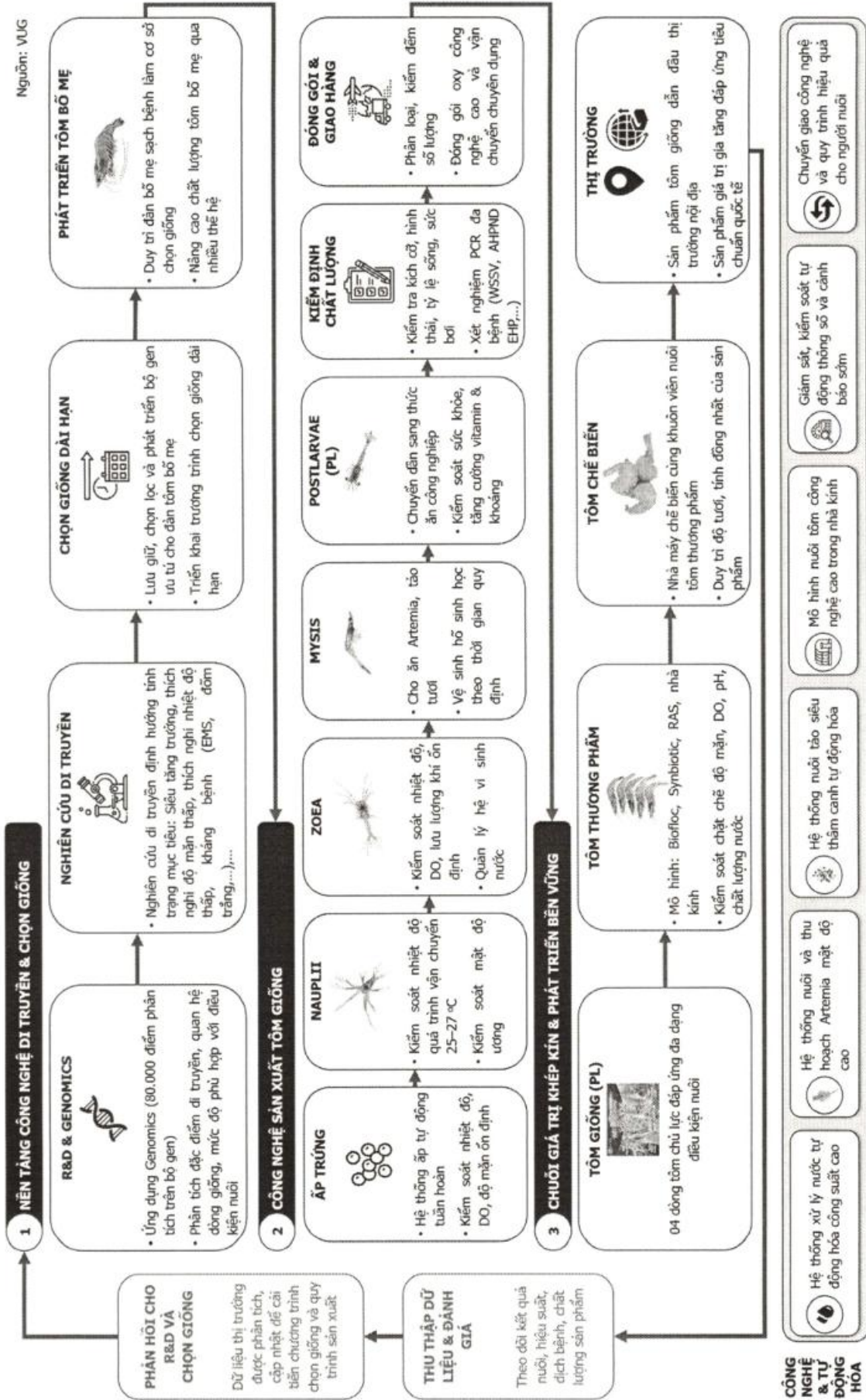
7.5 Trình độ công nghệ

Quy trình công nghệ sản xuất thủy sản khép kín tại VUG được trình bày ở trang tiếp theo:

(Hết nội dung tại trang này)



Hình 3. Mô tả quy trình công nghệ sản xuất thủy sản khép kín tại VUG





(i) Về công nghệ di truyền và chọn giống

Định hướng phát triển các dòng giống có tính trạng vượt trội nhằm đáp ứng đa dạng điều kiện nuôi và yêu cầu sản xuất: VUG hướng tới ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ di truyền tiên tiến nhất thế giới trong các chương trình chọn giống quy mô lớn nhằm tạo ra những dòng tôm vượt trội với các tính trạng quan trọng như siêu tăng trưởng, thích nghi độ mặn thấp, thích nghi nhiệt độ thấp, kháng bệnh và thích nghi bệnh (EMS, đốm trắng...), tỷ lệ và chất lượng thịt fillet cao, đồng thời phù hợp với nhiều môi trường nuôi khác nhau (siêu thâm canh, thâm canh, bán thâm canh và quảng canh).

Các chương trình chọn giống của VUG liên tục được đầu tư nâng cấp nền tảng công nghệ và chuyên môn di truyền để lưu giữ, chọn lọc và phát triển những kiểu gen ưu tú phục vụ ngành tôm thẻ, tôm sú và cá tra của Việt Nam.

Ứng dụng công nghệ Genomics làm nền tảng khoa học cho hoạt động nghiên cứu và chọn giống dài hạn: Công ty ứng dụng công nghệ Genomics trong nghiên cứu và chọn giống nhằm nâng cao chất lượng con giống và hiệu quả nuôi trồng. Công nghệ này cho phép phân tích bộ gen của tôm tại khoảng 80.000 điểm khác nhau, hỗ trợ xác định đặc điểm di truyền, quan hệ dòng giống và mức độ phù hợp của từng cá thể với các điều kiện nuôi khác nhau, đồng thời nâng cao độ chính xác trong chọn giống, rút ngắn thời gian và tối ưu chi phí nghiên cứu so với việc gửi mẫu ra nước ngoài như trước đây.

Trên cơ sở đó, Công ty triển khai các chương trình chọn giống dài hạn đối với tôm thẻ chân trắng, tôm sú và cá tra; đồng thời duy trì quần thể đàn tôm sú sạch bệnh làm cơ sở cho hoạt động chọn giống và đầu tư nâng cao chất lượng giống cá tra trong dài hạn.

(ii) Về nghiên cứu, phát triển và quản lý chuỗi giá trị thủy sản

Đầu tư R&D xuyên suốt chuỗi giá trị nhằm hình thành mô hình sản xuất thủy sản khép kín và nâng cao hiệu quả quản lý: Trong hai năm gần nhất, Công ty tiếp tục đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển phục vụ các khâu trọng yếu trong chuỗi giá trị thủy sản, bao gồm chọn giống, sản xuất giống, nuôi thương phẩm, quản lý dịch bệnh, thức ăn, chế biến và xuất khẩu. Trọng tâm của định hướng này là xây dựng cơ sở khoa học và quy trình quản lý cho hệ thống sản xuất thủy sản khép kín, thân thiện với môi trường, thích ứng linh hoạt với biến đổi khí hậu, bảo đảm an toàn sinh thái, an toàn thực phẩm và tạo ra giá trị dinh dưỡng cao cho người tiêu dùng.

Ứng dụng công nghệ và tự động hóa nhằm hiện thực hóa mô hình sản xuất khép kín và nâng cao hiệu quả vận hành: Những công nghệ đang được triển khai tại VUG bao gồm hệ thống nhà máy xử lý nước tự động hóa công suất cao, hệ thống nuôi và thu hoạch artemia mật độ cao, hệ thống nuôi tảo siêu thâm canh tự động hóa và các mô hình nuôi tôm công nghệ cao trong nhà kính hỗ trợ kiểm soát chặt chẽ các yếu tố môi trường nuôi. Việc ứng dụng công nghệ trong vận hành cho phép từng bước nâng cao khả năng giám sát và kiểm soát các thông số trọng yếu của quá trình sản xuất như nhiệt độ, độ mặn, oxy hòa tan, pH và chất lượng nước; đồng thời hỗ trợ cảnh báo sớm các biến động bất thường để kịp thời đưa ra giải pháp xử lý, hạn chế rủi ro phát sinh trong vụ nuôi.

Việc bố trí các nhà máy chế biến trong cùng khuôn viên khu nuôi giúp hạn chế rủi ro về chất lượng trong quá trình vận chuyển tôm nguyên liệu, duy trì độ tươi và tính đồng nhất của sản phẩm. Đồng thời, các thành quả nghiên cứu của Công ty cũng hướng tới việc chuyển giao công nghệ, quy trình tiên tiến và hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi tại Việt Nam.

Trên cơ sở đó, Công ty dự kiến tiếp tục đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ thực phẩm, công nghệ chế biến tự động hóa và các giải pháp quản trị sản xuất hiện đại nhằm phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng đa dạng, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và nhu cầu của người tiêu dùng tại các thị trường khó tính như Úc, Nhật, Châu Âu và Mỹ.



(iii) Về phát triển bền vững và quản lý sức khỏe vật nuôi

Phát triển mô hình nuôi bền vững gắn với quản lý sức khỏe vật nuôi và ứng dụng công nghệ tiên tiến: VUG đã và đang tiên phong phát triển quy trình nuôi tôm bền vững dựa trên những tiến bộ khoa học và công nghệ sinh học, hướng tới xóa bỏ hoàn toàn việc sử dụng kháng sinh trong suốt vụ nuôi, giảm thiểu nhu cầu sử dụng và thay nước, đồng thời ứng dụng các giải pháp số hóa nhằm nâng cao khả năng kiểm soát những biến động trong quá trình nuôi.

Kết hợp các giải pháp công nghệ nhằm dự báo, phòng ngừa và xử lý hiệu quả dịch bệnh: Công ty nghiên cứu và phát triển các quy trình nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao như biofloc, synbiotic và RAS (nuôi trồng thủy sản tuần hoàn nước), kết hợp với các quy trình và công nghệ sàng lọc đa bệnh phục vụ dự báo, chẩn đoán, khuyến cáo giải pháp phòng tránh và xử lý sự cố dịch bệnh. Thông qua việc đầu tư liên tục vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, Công ty hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả nuôi trồng, bảo đảm tính bền vững trong sản xuất và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành tôm Việt Nam.

7.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

7.6.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

VUG xây dựng và vận hành hệ thống quản lý chất lượng toàn diện, bao phủ toàn bộ chuỗi giá trị từ sản xuất giống, nuôi trồng đến chế biến và xuất khẩu. Hệ thống này được thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế và đáp ứng yêu cầu của các thị trường khó tính nhất trên thế giới.

Hệ Thống Kiểm Soát Mầm Bệnh

VUG triển khai hệ thống kiểm soát mầm bệnh theo mô hình phòng ngừa chủ động (proactive biosecurity):

- Giám sát định kỳ các tác nhân gây bệnh nguy hiểm như WSSV, EHP, AHPND (EMS), IHHNV và TSV trên toàn bộ đàn bố mẹ và hậu ấu trùng (Post Larvae).
- Phân vùng kiểm soát sinh học (biozone) tại các cơ sở sản xuất giống, hạn chế tối đa nguy cơ lây nhiễm chéo giữa các trại.
- Quy trình khử trùng và kiểm dịch nghiêm ngặt đối với người, phương tiện, nước cấp và các vật tư đầu vào trước khi đưa vào khu vực sản xuất.
- Hệ thống cảnh báo sớm tích hợp dữ liệu xét nghiệm thực địa và phòng thí nghiệm, cho phép phát hiện và xử lý dịch bệnh kịp thời, giảm thiểu thiệt hại lan rộng.

Hệ Thống Tiêu Chí Đánh Giá Chất Lượng Post Larvae (PL)

VUG áp dụng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng Post Larvae đa chiều, bao gồm:

- Tiêu chí hình thái: Tỷ lệ đồng đều, mức độ phát triển ruột và đuôi (full gut, straight body), màu sắc và độ linh hoạt.
- Tiêu chí sinh học phân tử: Sạch 6 mầm bệnh nguy hiểm theo yêu cầu Cục Thú y và tiêu chuẩn xuất khẩu.
- Chỉ số chịu đựng (Stress Test): Thử nghiệm sốc độ mặn, sốc formol nhằm đánh giá sức chịu đựng và tỷ lệ sống thực tế.
- Tỷ lệ PL đạt chuẩn được theo dõi liên tục theo từng lô, từng trại, làm cơ sở điều chỉnh quy trình sản xuất giống và cải thiện chỉ số tỷ lệ sống tại ao nuôi.

Cơ Sở Giống Đạt An Toàn Dịch Bệnh – Cục Thú Y

- Các trại giống của VUG được Cục Thú y – Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận đạt tiêu chuẩn Cơ sở An toàn Dịch bệnh (CSATDB):
- Đây là điều kiện tiên quyết để được phép xuất khẩu tôm giống sang các thị trường trong và ngoài nước, đồng thời là minh chứng cho năng lực kiểm soát dịch bệnh ở cấp độ quốc gia.



- Quy trình đánh giá bao gồm kiểm tra định kỳ hồ sơ giám sát dịch bệnh, cơ sở vật chất an toàn sinh học và kết quả xét nghiệm âm tính với các mầm bệnh bắt buộc kiểm soát.
- Chứng nhận CSATDB củng cố uy tín thương hiệu VUG với khách hàng là các trang trại nuôi tôm thương phẩm trong nước và các đối tác quốc tế.

7.6.2 Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty

Hoạt động kiểm tra chất lượng của Công ty do Phòng Điều hành Sản xuất đảm nhận, chức năng và nhiệm vụ của Phòng Điều hành Sản xuất đã được trình bày tại Mục 4 Phần I.

7.6.3 Một số chứng chỉ quản lý chất lượng hiện có

HACCP

Hệ thống HACCP được triển khai xuyên suốt chuỗi sản xuất và chế biến, xác định và kiểm soát các điểm tới hạn (CCP) có nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm, từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng.

ISO/IEC 17025:2017 – Năng Lực Phòng Thí Nghiệm

VUG đầu tư vào hệ thống phòng thí nghiệm nội bộ đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017, tiêu chuẩn quốc tế về năng lực thử nghiệm và hiệu chuẩn, đảm bảo kết quả xét nghiệm có độ tin cậy, tính truy xuất và tính nhất quán theo yêu cầu quốc tế, phục vụ kiểm soát chất lượng nội bộ cho toàn bộ hệ thống trại giống và ao nuôi mà không phụ thuộc hoàn toàn vào đơn vị xét nghiệm bên ngoài. Đồng thời, hỗ trợ trực tiếp chương trình kiểm soát mầm bệnh, xét nghiệm thức ăn, thuốc thú y thủy sản và môi trường nước, rút ngắn thời gian có kết quả xét nghiệm, tăng tốc độ ra quyết định vận hành và ứng phó dịch bệnh.

BRC Issue 9 – Tiêu Chuẩn Toàn Cầu về An Toàn Thực Phẩm

Chứng nhận BRC (British Retail Consortium) Issue 9 là yêu cầu bắt buộc của hầu hết các nhà bán lẻ lớn tại Anh, EU và Bắc Mỹ, bao gồm kiểm soát vệ sinh nhà máy, quản lý nhà cung cấp và truy xuất nguồn gốc.

HALAL – Chứng Nhận Thực Phẩm Hợp Lệ Theo Luật Hồi Giáo

Chứng nhận HALAL mở ra cơ hội tiếp cận thị trường hơn 2 tỷ người tiêu dùng Hồi giáo tại Trung Đông, Đông Nam Á và Bắc Phi, đặc biệt phù hợp với chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu của VUG.

ASC-CoC – Chuỗi Hành Trình Giám Sát Thủy Sản

Chứng nhận Aquaculture Stewardship Council – Chain of Custody đảm bảo tính minh bạch và truy xuất nguồn gốc trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ trại nuôi đến điểm bán lẻ cuối cùng.

BAP – Thực Hành Nuôi Trồng Thủy Sản Tốt Nhất

Chứng nhận Best Aquaculture Practices (BAP) của Liên minh Nuôi trồng Thủy sản Toàn cầu (GAA) đánh giá trách nhiệm môi trường, an sinh xã hội, an toàn thực phẩm và phúc lợi động vật trong suốt chuỗi nuôi trồng và chế biến.

CNATTP – Cơ Sở Đủ Điều Kiện An Toàn Thực Phẩm

Chứng nhận Cơ sở Đủ Điều kiện An toàn Thực phẩm (CNATTP) do cơ quan thẩm quyền Việt Nam cấp, là điều kiện pháp lý nền tảng để VUG được phép kinh doanh và xuất khẩu thực phẩm thủy sản, đồng thời thể hiện sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật An toàn Thực phẩm Việt Nam

7.7 Hoạt động Marketing

Tại VUG, Marketing được đầu tư dài hạn và liên tục với triết lý: Marketing không chỉ để bán hàng, góp phần nâng cao doanh số - lợi nhuận trước mắt mà còn chủ động xây dựng một cách bền vững giá trị thương hiệu, hiện thực hóa Tầm nhìn, Sứ mạng, Khát vọng, các Định hướng chiến lược và Hệ giá trị của cả Công ty.



(i) Xây dựng thương hiệu tôm giống Việt Úc trong ngành nuôi tôm:

Trong hai năm gần nhất và đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc tập trung xây dựng thương hiệu tôm giống Việt Úc dựa trên các yếu tố cốt lõi gồm chất lượng con giống, ứng dụng công nghệ và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi. Thương hiệu Việt Úc được định vị là nhà cung cấp tôm giống chất lượng cao, có hệ thống sản xuất quy mô lớn và quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt.

Công ty duy trì hoạt động truyền thông thông qua các kênh thông tin của ngành thủy sản, website doanh nghiệp và các chương trình hội thảo chuyên ngành, góp phần tăng cường nhận diện thương hiệu và mở rộng mạng lưới khách hàng trong ngành nuôi tôm.

(ii) Phát triển mạng lưới khách hàng và hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi:

Công ty triển khai nhiều hoạt động tiếp cận trực tiếp với người nuôi tôm tại các vùng nuôi trọng điểm như Đồng bằng sông Cửu Long và khu vực duyên hải miền Trung. Các hoạt động này bao gồm tư vấn kỹ thuật nuôi tôm, hướng dẫn quy trình sử dụng con giống và hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình nuôi.

Thông qua việc kết hợp giữa cung cấp con giống và hỗ trợ kỹ thuật, Công ty góp phần nâng cao hiệu quả nuôi trồng của khách hàng, đồng thời xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài với cộng đồng người nuôi tôm.

(iii) Thực hiện các chương trình trách nhiệm xã hội và hỗ trợ cộng đồng:

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng triển khai một số chương trình hỗ trợ cộng đồng người nuôi tôm tại các địa phương. Các chương trình này bao gồm cung cấp tôm giống cho các hộ nuôi gặp khó khăn và hỗ trợ tư vấn kỹ thuật nuôi, góp phần giúp người dân cải thiện hiệu quả sản xuất và ổn định sinh kế.

Những hoạt động này đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh và uy tín của thương hiệu Việt Úc trong cộng đồng nuôi trồng thủy sản.

7.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Nhãn hiệu thương mại: Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc

Tên viết tắt: VIET UC JSC



Hiện tại Công ty đang sử dụng Logo sau:

Theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 4-2003-00062/63/64 cấp ngày 03/01/2018 bởi Cục Sở hữu Trí Tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Logo trên dùng làm nhãn hiệu quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty.

Ý nghĩa logo: Logo Việt Úc với hình ảnh con tôm vàng nổi bật trên nền địa cầu xanh không chỉ đại diện cho ngành nghề cốt lõi là thủy sản và tôm công nghệ cao, mà còn thể hiện khát vọng tiên phong của doanh nghiệp trong việc ứng dụng khoa học – công nghệ hiện đại vào phát triển ngành tôm Việt Nam. Biểu tượng địa cầu cùng dòng chữ “VIET - UC” thể hiện sự kết nối quốc tế, tinh thần hợp tác và chuyển giao công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính bền vững trong nuôi trồng thủy sản. Tổng thể logo truyền tải hình ảnh một doanh nghiệp đổi mới, uy tín và luôn hướng đến sự phát triển xanh, bền vững, góp phần đưa ngành tôm Việt Nam vươn tầm thế giới.

Ngoài ra công ty đang sở hữu các quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế như sau:

- Chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu số 306138207 tại Hồng Kông
- Chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu số 112002224/112002225/112002226 tại Đài Loan



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

8. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

8.1 Cơ cấu Doanh thu

Bảng 7. Cơ cấu Doanh thu Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 6T/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng	+/-%	6T/2026	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	216.101	32,6%	223.241	41,1%	3,3%	118.562	40,9%
<i>Tôm giống</i>	<i>186.384</i>	<i>28,1%</i>	<i>216.410</i>	<i>39,9%</i>	<i>16,1%</i>	<i>113.370</i>	<i>39,1%</i>
<i>Khác</i>	<i>29.717</i>	<i>4,5%</i>	<i>6.831</i>	<i>1,3%</i>	<i>-77,0%</i>	<i>5.192</i>	<i>1,79%</i>
Doanh thu hoạt động tài chính	446.927	67,4%	291.625	53,7%	-34,7%	171.267	59,1%
Thu nhập khác	281	0,04%	27.913,78	5,2%	9824,6%	117	0,04%
TỔNG	663.309	100,0%	542.779	100,0%	-18,2%	289.946	100,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét

Bảng 8. Cơ cấu Doanh thu hợp nhất giai đoạn 2024 – 6T/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng	+/-%	6T/2026	Tỷ trọng
Doanh thu thuần	1.287.725	99,1%	1.354.803	93,5%	5,2%	548.331	94,9%
<i>Tôm giống</i>	<i>997.824</i>	<i>76,8%</i>	<i>987.982</i>	<i>68,2%</i>	<i>-1,0%</i>	<i>474.534</i>	<i>82,1%</i>
<i>Tôm thương phẩm</i>	<i>175.120</i>	<i>13,5%</i>	<i>307.193</i>	<i>21,2%</i>	<i>75,4%</i>	<i>72.731</i>	<i>12,6%</i>
<i>Tôm chế biến</i>	<i>112.067</i>	<i>8,6%</i>	<i>55.648</i>	<i>3,8%</i>	<i>-50,3%</i>	<i>638</i>	<i>0,1%</i>
<i>Khác</i>	<i>2.714</i>	<i>0,2%</i>	<i>3.980</i>	<i>0,3%</i>	<i>46,6%</i>	<i>428</i>	<i>0,1%</i>
Doanh thu hoạt động tài chính	10.017	0,8%	9.261	0,6%	-7,5%	7.250	1,3%
Thu nhập khác	1.335	0,1%	84.184	5,9%	6204,7%	22.518	3,9%
TỔNG	1.299.077	100,0%	1.448.248	100,0%	11,5%	578.099	100,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, Doanh thu thuần năm 2025 đạt 1.354,8 tỷ đồng, tăng trưởng 5,2% so với cùng kỳ. Trong cơ cấu nguồn thu, mảng tôm giống tiếp tục giữ vai trò chủ lực khi ghi nhận 988,0 tỷ đồng doanh thu, chiếm 68,2% tổng nguồn thu, gần như đi ngang so với cùng kỳ và tiếp tục là nền tảng tạo doanh thu chính cho Công ty. Bên cạnh đó, mảng tôm thương phẩm tăng trưởng mạnh 75,4%, đạt 307,2 tỷ đồng, qua đó nâng tỷ trọng đóng góp lên 21,2%, cho thấy sự cải thiện đáng kể của nhóm sản phẩm này trong cơ cấu nguồn thu. Ngược lại, mảng tôm chế biến chỉ ghi nhận 55,6 tỷ đồng doanh thu, giảm 50,3% so với cùng kỳ, khiến tỷ trọng đóng góp thu hẹp còn 3,8% tổng nguồn thu. Doanh thu khác duy trì ở mức rất thấp, chỉ chiếm khoảng 0,2% - 0,3% cơ cấu nguồn thu trong giai đoạn 2024–2025 nên không ảnh hưởng đáng kể đến bức tranh chung. Doanh thu hoạt động tài chính năm 2025 đạt 9,3 tỷ đồng, giảm 7,5% so với năm trước và chỉ chiếm 0,6% tổng nguồn thu. Thu nhập khác tăng đột biến lên 84,2 tỷ đồng so với mức 1,3 tỷ đồng của năm 2024, tương ứng tăng 6.205%, qua đó chiếm 5,9% tổng nguồn thu. Khoản thu nhập khác chủ yếu đến từ việc Công ty tiến hành chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ theo các hợp đồng số 01/VUBL-CGCN (Quy trình nuôi hiệu quả cho tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại khu vực miền Nam Việt Nam), số 02/VUBT-CGCN (Quy trình nuôi hiệu quả



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

cho tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam) và số 03/VUBL-CGCN (Quy trình tăng sinh thức ăn tự nhiên Copepods) ngày 22/12/2025 cho Atomarius Limited.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, tổng nguồn thu hợp nhất của Công ty đạt 578,1 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu thuần tiếp tục đóng góp chủ yếu, đạt 548,3 tỷ đồng, chiếm 94,9% tổng nguồn thu. Màng tôm giống tiếp tục giữ vai trò hoạt động kinh doanh cốt lõi khi ghi nhận 474,5 tỷ đồng doanh thu, chiếm 82,1% cơ cấu nguồn thu. Bên cạnh đó, màng tôm thương phẩm đạt 72,7 tỷ đồng doanh thu, tương ứng 12,6% tổng nguồn thu, trong khi màng tôm chế biến và hoạt động khác chỉ đóng góp tỷ trọng không đáng kể, lần lượt đạt 0,6 tỷ đồng và 0,4 tỷ đồng, tương ứng mỗi mảng đóng góp 0,1% nguồn thu.

Ngoài hoạt động kinh doanh chính, doanh thu hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 7,3 tỷ đồng, chiếm 1,3% tổng nguồn thu. Đồng thời, Công ty ghi nhận 22,5 tỷ đồng thu nhập khác, tương ứng 3,9% tổng nguồn thu, qua đó hỗ trợ tích cực cho kết quả hoạt động chung trong kỳ. Khoản thu nhập khác chủ yếu đến từ việc thanh lý thiết bị công nghệ thông tin của Công ty và nguyên liệu khác.

8.2 Cơ cấu Chi phí

Bảng 9. Cơ cấu Chi phí Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 6T/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng	+/-%	6T/2026	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	113.766	41,9%	124.193	42,4%	9,2%	68.476	38,9%
<i>Tôm giống</i>	<i>84.045</i>	<i>31,0%</i>	<i>117.358</i>	<i>40,1%</i>	<i>39,6%</i>	<i>64.581</i>	<i>36,7%</i>
<i>Khác</i>	<i>29.721</i>	<i>10,9%</i>	<i>6.835</i>	<i>2,3%</i>	<i>-77,0%</i>	<i>3.895</i>	<i>2,2%</i>
Chi phí tài chính	4.600	1,7%	(2.711)	-0,9%	-	18.502	10,5%
Chi phí bán hàng	56.065	20,6%	66.619	22,7%	18,8%	34.202	19,4%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	97.081	35,8%	104.700	35,8%	7,8%	54.999	31,2%
Chi phí khác	18	0,01%	7	0,003%	-58,5%	9	0,01%
TỔNG CỘNG	271.530	100,0%	292.808	100,0%	7,8%	176.189	100,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét

Bảng 10. Cơ cấu Chi phí hợp nhất giai đoạn 2024 – 6T/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng	+/-%	6T/2026	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	656.925	53,5%	677.222	53,2%	3,1%	244.070	45,8%
<i>Tôm giống</i>	<i>264.711</i>	<i>21,6%</i>	<i>303.378</i>	<i>23,8%</i>	<i>14,6%</i>	<i>133.072</i>	<i>25,0%</i>
<i>Tôm thương phẩm</i>	<i>243.199</i>	<i>19,8%</i>	<i>283.159</i>	<i>22,3%</i>	<i>16,4%</i>	<i>97.642</i>	<i>18,3%</i>
<i>Tôm chế biến</i>	<i>133.503</i>	<i>10,9%</i>	<i>85.609</i>	<i>6,7%</i>	<i>-35,9%</i>	<i>11.161</i>	<i>2,1%</i>
<i>Khác</i>	<i>15.632</i>	<i>1,3%</i>	<i>9.746</i>	<i>0,8%</i>	<i>-37,7%</i>	<i>4.465</i>	<i>0,8%</i>
<i>Hoàn nhập dự phòng</i>	<i>(119)</i>	<i>-0,01%</i>	<i>(4.670)</i>	<i>-0,4%</i>	<i>3827,8%</i>	<i>(2.270)</i>	<i>-0,4%</i>



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

CHỈ TIÊU	2024	Tỷ trọng	2025	Tỷ trọng	+/- %	6T/2026	Tỷ trọng
Chi phí tài chính	1.000	0,1%	3.448	0,3%	244,9%	1.521	0,3%
Chi phí bán hàng	325.116	26,5%	330.599	26,0%	1,7%	157.753	29,6%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	243.159	19,8%	248.166	19,5%	2,1%	124.550	23,4%
Chi phí khác	1.810	0,1%	12.695	1,0%	601,4%	5.289	1,0%
TỔNG CỘNG	1.228.010	100,0%	1.272.130	100,0%	3,6%	533.184	100,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, tổng chi phí năm 2025 của Công ty đạt 1.272,1 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 2024. Trong đó, Giá vốn hàng bán tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí, đạt 677,2 tỷ đồng, tương ứng 53,2% tổng chi phí, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Xét theo từng mảng, Giá vốn tôm giống và tôm thương phẩm lần lượt tăng 14,6% và 16,4%, phù hợp với xu hướng mở rộng của hai mảng hoạt động này, trong khi giá vốn tôm chế biến giảm 35,9% và chi phí khác giảm 37,7%, phản ánh sự thu hẹp quy mô ở các mảng tương ứng. Bên cạnh đó, Công ty ghi nhận hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho ở cả hai kỳ, với giá trị hoàn nhập năm 2025 là 4,7 tỷ đồng so với 0,1 tỷ đồng năm 2024, tuy nhiên khoản mục này chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng chi phí. Chi phí tài chính năm 2025 đạt 3,4 tỷ đồng, tăng mạnh 244,9% so với cùng kỳ, song tỷ trọng vẫn chỉ ở mức 0,3% tổng chi phí. Chi phí bán hàng đạt 330,6 tỷ đồng, tăng 1,7% so với năm trước và chiếm 26,0% tổng chi phí, tiếp tục là nhóm chi phí lớn thứ hai sau giá vốn hàng bán. Trong khi đó, Chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận 248,2 tỷ đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ và chiếm 19,5% tổng chi phí. Chi phí khác tăng mạnh từ 1,8 tỷ đồng lên 12,7 tỷ đồng, tương ứng tăng 601,4%, qua đó nâng tỷ trọng từ 0,1% lên 1,0%.

Trong 6T/2026, tổng chi phí hợp nhất của Công ty ghi nhận ở mức 533,2 tỷ đồng. Trong đó, giá vốn hàng bán đạt 244,1 tỷ đồng, chiếm 45,8% tổng chi phí, bao gồm giá vốn tôm giống đạt 133,1 tỷ đồng, giá vốn tôm thương phẩm đạt 97,6 tỷ đồng, giá vốn tôm chế biến đạt 11,2 tỷ đồng và giá vốn khác đạt 4,5 tỷ đồng. Công ty tiếp tục ghi nhận hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với giá trị 2,3 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, Công ty ghi nhận các chi phí khác như chi phí tài chính đạt 1,5 tỷ đồng, chiếm 0,3% tổng chi phí; chi phí bán hàng đạt 157,8 tỷ đồng, chiếm 29,6%; chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 124,6 tỷ đồng, chiếm 23,4%; và chi phí khác đạt 5,3 tỷ đồng, tương ứng 1,0% tổng chi phí.

8.3 Cơ cấu lợi nhuận

Bảng 11. Cơ cấu Lợi nhuận Công ty mẹ giai đoạn 2024 – 6T/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2024	Biên lợi nhuận	2025	Biên lợi nhuận	+/- %	6T/2026	Biên lợi nhuận
Lợi nhuận gộp	102.335	47,4%	99.048	44,4%	-3,2%	50.086	42,2%
<i>Tôm giống</i>	<i>102.339</i>	<i>54,9%</i>	<i>99.052</i>	<i>45,8%</i>	<i>-3,2%</i>	<i>48.788</i>	<i>41,2%</i>
<i>Khác</i>	<i>(4)</i>	<i>-0,01%</i>	<i>(5)</i>	<i>-0,1%</i>	<i>20,4%</i>	<i>1.297</i>	<i>1,1%</i>
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	391.516	181,2%	222.064	99,5%	-43,3%	113.649	95,9%
Lợi nhuận khác	263	0,1%	27.906	12,5%	10494%	108	0,09%



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

CHỈ TIÊU	2024	Biên lợi nhuận	2025	Biên lợi nhuận	+/-%	6T/2026	Biên lợi nhuận
Lợi nhuận trước thuế	391.779	181,3%	249.971	112,0%	-36,2%	113.757	95,9%
Lợi nhuận sau thuế	389.689	180,3%	244.357	109,5%	-37,3%	110.547	93,2%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét

Bảng 12. Cơ cấu Lợi nhuận Hợp nhất giai đoạn 2024 – 6T/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2024	Biên lợi nhuận	2025	Biên lợi nhuận	+/-%	6T/2026	Biên lợi nhuận
Lợi nhuận gộp	630.800	49,0%	677.581	50,0%	7,4%	304.261	55,5%
Tôm giống	733.113	73,5%	684.604	69,3%	-6,6%	341.462	72,0%
Tôm thương phẩm	(68.079)	-38,9%	24.034	7,8%	-	(24.911)	-34,3%
Tôm chế biến	(21.436)	-19,1%	(29.961)	-53,8%	39,8%	(10.522)	-1648,7%
Khác	(12.917)	-475,9%	(5.766)	-144,9%	-55%	(4.037)	-943,0%
Hoàn nhập dự phòng	119	-	4.670	-	3.828%	2.270	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	52.275	4,1%	84.656	6,2%	61,9%	9.942	1,8%
Lợi nhuận khác	(475)	-	71.489	-	-	17.229	-
Lợi nhuận trước thuế	51.801	4,0%	156.145	11,5%	201,4%	27.171	5,0%
Lợi nhuận sau thuế	33.769	2,6%	124.393	9,2%	268,4%	16.280	3,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận gộp năm 2025 của Công ty đạt 677,6 tỷ đồng, tăng 7,4% so với năm 2024, nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 50,0% (cao hơn 1,0% so với cùng kỳ).

Xét theo từng mảng, tôm giống tiếp tục là nguồn đóng góp chính với biên lợi nhuận ở mức cao 69,3% dù có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ do ảnh hưởng của giá vốn tăng đáng kể trong kỳ. Ngược lại, mảng tôm thương phẩm ghi nhận sự cải thiện rõ rệt khi chuyển từ biên lợi nhuận âm (-38,9%) sang dương 7,8%. Trong khi đó, mảng tôm chế biến tiếp tục duy trì biên lợi nhuận âm ở mức -53,8% trong năm 2025. Tương tự, các hoạt động khác vẫn ghi nhận biên lợi nhuận âm, tuy nhiên mức lỗ đã được thu hẹp đáng kể so với năm trước. Bên cạnh đó, khoản hoàn nhập dự phòng trong kỳ góp phần hỗ trợ cải thiện lợi nhuận gộp, dù không ảnh hưởng đáng kể đến biên lợi nhuận chung.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 đạt 84,7 tỷ đồng, tăng 61,9% so với cùng kỳ, qua đó kéo biên lợi nhuận từ 4,1% lên 6,2%, phản ánh sự cải thiện trong hiệu quả hoạt động cốt lõi. Lợi nhuận khác ghi nhận 71,5 tỷ đồng so với mức âm của năm 2024, góp phần đáng kể vào kết quả chung. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 156,1 tỷ đồng, tăng 201,4%, tương ứng biên lợi nhuận trước thuế cải thiện mạnh từ 4,0% lên 11,5%. Lợi nhuận sau thuế đạt 124,4 tỷ đồng, tăng 268,4% so với năm trước, với biên lợi nhuận sau thuế tăng từ 2,6% lên 9,2%. Tổng thể, hiệu quả sinh lời của Công ty trong năm 2025 được cải thiện rõ rệt, tuy nhiên mức tăng trưởng mạnh một phần đến từ các khoản thu nhập khác.



Trong nửa đầu năm 2026, lợi nhuận gộp hợp nhất của Công ty đạt 304,3 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận gộp 55,5%, cải thiện so với mức 50,0% của năm 2025. Trong đó, mảng tôm giống tiếp tục là động lực lợi nhuận chính, ghi nhận lợi nhuận gộp 341,5 tỷ đồng với biên lợi nhuận đạt 72,0%. Ngược lại, mảng tôm thương phẩm ghi nhận lỗ gộp 24,9 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận âm 34,3%. Mảng tôm chế biến tiếp tục ghi nhận lỗ gộp 10,5 tỷ đồng, trong khi các hoạt động khác lỗ gộp 4,0 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Công ty ghi nhận hoàn nhập dự phòng 2,3 tỷ đồng trong kỳ.

Mặc dù lợi nhuận gộp đạt mức tích cực, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong nửa đầu năm 2026 chỉ đạt 9,9 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận 1,8%, chủ yếu do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn ở mức cao. Trong khi đó, lợi nhuận khác đạt 17,2 tỷ đồng, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung. Theo đó, Công ty ghi nhận lợi nhuận trước thuế 27,2 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận trước thuế 5,0%, và lợi nhuận sau thuế đạt 16,3 tỷ đồng, tương ứng biên lợi nhuận ròng 3,0% trong nửa đầu năm 2026.

Quý 1 hàng năm thường là giai đoạn thấp điểm của ngành do điều kiện thời tiết chưa thuận lợi và môi trường nuôi chưa ổn định, đặc biệt là khí hậu lạnh ở miền Bắc, và mưa bão ở miền Trung, khiến nhu cầu thả nuôi của người nuôi tôm ở mức thấp. Trong giai đoạn này, nhiều hộ nuôi sẽ thực hiện cải tạo ao đầm, xử lý môi trường, chuẩn bị cơ sở hạ tầng và theo dõi diễn biến thời tiết, chất lượng nguồn nước trước khi bước vào vụ nuôi mới. Bên cạnh đó, điều kiện môi trường tại một số địa phương có thể chưa thực sự ổn định, đặc biệt trong giai đoạn chuyển mùa, làm gia tăng rủi ro phát sinh dịch bệnh hoặc ảnh hưởng đến tỷ lệ sống của tôm nuôi. Theo đó, sản lượng tiêu thụ và doanh thu của Công ty trong giai đoạn này thường giảm, trong khi các chi phí cố định như chi phí vận hành trại giống, nhân công, khấu hao và chi phí quản lý vẫn duy trì, điều này có thể làm giảm biên lợi nhuận và khiến kết quả kinh doanh trong giai đoạn đầu năm kém khả quan hơn so với các quý cao điểm.

So với Quý 1/2026, kết quả kinh doanh trong Quý 2/2026 đã cải thiện đáng kể, bên cạnh yếu tố mùa vụ thuận lợi hơn, Công ty đã triển khai dòng sản phẩm tôm giống mới VU-S26 và bước đầu nhận được phản hồi tích cực từ khách hàng, qua đó hỗ trợ hoạt động tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh của mảng tôm giống. Nhờ sự cải thiện trong Quý 2, lũy kế 6T/2026 Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế 16,3 tỷ đồng, đảo chiều tích cực so với khoản lỗ 46,5 tỷ đồng cùng kỳ năm 2025.

(Hết nội dung tại trang này)



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

9. Vị thế của công ty trong ngành

9.1 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Bảng 13. So sánh chỉ tiêu tài chính năm 2025 với một số doanh nghiệp¹ cùng ngành

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	VUG	MPC	FMC	ABT	CMX	IDI	SEA
Tổng tài sản	Tỷ đồng	2.400	11.205	4.835	902	4.791	9.645	2.759
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	2.224	5.361	2.615	671	1.751	3.638	2.565
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.355	14.598	8.185	707	2.941	6.945	757
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	124	532	386	158	90	143	229
EPS	Đồng/cp	912	1.305	5.332	13.414	660	469	1.646
BVPS	Đồng/cp	16.540	13.365	39.986	57.003	17.189	13.270	20.523
ROA		5,4%	5,1%	8,1%	18,9%	1,6%	1,4%	7,7%
ROE		5,7%	10,4%	13,7%	25,6%	3,9%	3,6%	8,3%
Nợ vay/Tổng tài sản		1,8%	41,3%	31,6%	15,2%	46,6%	57,1%	3,1%
Nợ phải trả/Tổng tài sản		7,3%	52,2%	45,9%	25,6%	63,4%	62,3%	7,0%

Nguồn: VUG, Báo cáo tài chính kiểm toán 2025 của các công ty

Các công ty (có cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch) được lựa chọn để so sánh về quy mô và hiệu quả hoạt động với Công ty trong năm 2025 là những doanh nghiệp cùng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thủy sản. Công ty hiện đang xếp ở vị trí 6/7 về giá trị tổng tài sản và 5/7 về Vốn chủ sở hữu trong danh sách nêu trên.

So sánh kết quả kinh doanh trong năm 2025, Công ty nằm ở nhóm trung bình khi xét về quy mô Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế khi lần lượt đứng ở vị trí 5/7 và 6/7. Khi xét về nhóm Chỉ số trên mỗi cổ phần, chỉ số EPS và BVPS của VUG đều xếp ở vị trí 5/7. Khi xét về hiệu quả sinh lợi, thể hiện ở các chỉ tiêu ROA và ROE, Công ty đứng ở vị trí 4/7 và 5/7.

VUG chủ trương không lạm dụng đòn bẩy, do đó chỉ số Nợ vay/Tổng tài sản của Công ty thuộc nhóm thấp nhất ngành, ở vị trí 7/7. Tương tự, Nợ phải trả/Tổng tài sản của VUG chỉ ở mức 6/7 trên bảng xếp hạng.

So sánh vị thế của Công ty trong ngành

Ngành tôm giống là một mắt xích đầu vào quan trọng của chuỗi giá trị ngành tôm, quyết định trực tiếp đến năng suất, tỷ lệ sống và hiệu quả nuôi thương phẩm. Nhu cầu đối với tôm giống phụ thuộc chủ yếu vào diện tích thả nuôi, tình hình dịch bệnh, giá tôm thương phẩm và xu hướng đầu tư của người nuôi. Trong những năm gần đây, cùng với định hướng phát triển ngành tôm của Việt Nam theo hướng nâng cao chất lượng và truy xuất nguồn gốc, nhu cầu đối với tôm giống chất lượng cao ngày càng gia tăng.

Thị trường tôm giống Việt Nam có sự tham gia của nhiều nhóm doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp sản xuất giống quy mô lớn như Việt Úc, Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam, Công ty TNHH Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng Long, Công ty TNHH Giống thủy sản Dương Hùng,... và các doanh nghiệp địa phương; bên cạnh đó

¹ ABT: CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (HOSE); CMX: CTCP Camimex Group (HOSE); FMC: CTCP Thực phẩm Sao Ta (HOSE); IDI: CTCP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia - IDI (HOSE); MPC: CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (UPCOM); SEA: Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - CTCP (UPCOM)



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

còn có hàng nghìn cơ sở sản xuất giống quy mô vừa và nhỏ tập trung tại Ninh Thuận, Bình Thuận, Bạc Liêu, Cà Mau và các tỉnh ven biển. Mặc dù số lượng đối thủ trên thị trường tương đối lớn, phần lớn các cơ sở sản xuất chỉ thực hiện hoạt động sản xuất tôm giống, trong khi nguồn tôm bố mẹ vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu. Bên cạnh đó, quy mô sản xuất của các cơ sở vừa và nhỏ còn nhiều hạn chế do năng lực nghiên cứu, chọn giống và kiểm soát chất lượng chưa cao.

Việt Úc là một trong số ít doanh nghiệp tại Việt Nam làm chủ công nghệ nghiên cứu, chọn giống và sản xuất tôm bố mẹ, qua đó chủ động nguồn vật liệu di truyền đầu vào, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu và nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng con giống ngay từ khâu đầu tiên của chuỗi sản xuất. Lợi thế này không chỉ giúp Công ty duy trì chất lượng tôm giống ổn định, nâng cao khả năng kháng bệnh và tỷ lệ sống của tôm thương phẩm, mà còn tạo ra rào cản gia nhập đáng kể đối với các doanh nghiệp mới tham gia thị trường.

Đặc thù của ngành tôm giống khiến việc mở rộng thị phần không chỉ phụ thuộc vào công suất sản xuất mà còn phụ thuộc vào quá trình tích lũy uy tín về chất lượng con giống qua nhiều vụ nuôi liên tiếp. Do đó, thị phần của các doanh nghiệp dẫn đầu thường có tính ổn định cao và ít biến động trong ngắn hạn.

Mặc dù có số lượng doanh nghiệp tham gia lớn, thị trường vẫn tập trung vào một số doanh nghiệp dẫn đầu. Theo số liệu ước tính của VUG trong năm 2025, thị phần của các Doanh nghiệp trong lĩnh vực tôm giống (tôm thẻ chân trắng) như sau:

STT	DOANH NGHIỆP	THỊ PHẦN 2025
1	Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc	36%
2	Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	17%
3	Công ty TNHH Khoa Kỹ Sinh Vật Thăng Long	5%
4	Công ty TNHH Giống thủy sản Nam Miền Trung	2%
5	Công ty TNHH Giống thủy sản Dương Hùng	2%
6	Công ty TNHH Thông Thuận	1%
7	Công ty TNHH Anh Việt	1%
8	Công ty TNHH Sản xuất Giống thủy sản Lê Xuân Bảy	1%
9	Công ty TNHH Sản xuất Giống thủy sản Tân Hoàng Anh	1%
10	Khác	34%
TỔNG		100%

Nguồn: VUG

Việt Úc là doanh nghiệp dẫn đầu thị trường với khoảng 36% thị phần, cao gấp khoảng 2,1 lần doanh nghiệp đứng thứ hai là C.P. Việt Nam và gấp hơn 7 lần doanh nghiệp đứng thứ ba là Thăng Long. Quy mô thị phần này phản ánh lợi thế cạnh tranh của Công ty về thương hiệu, năng lực sản xuất, hệ thống phân phối và khả năng cung ứng trên phạm vi cả nước.



Hiện thị trường có đặc điểm vừa tập trung vừa phân mảnh: một số doanh nghiệp lớn chiếm ưu thế về quy mô và thương hiệu, trong khi phần còn lại thuộc về nhiều doanh nghiệp quy mô nhỏ với thị phần riêng lẻ thấp. Cạnh tranh trong ngành chủ yếu diễn ra ở các yếu tố như chất lượng con giống, khả năng kháng bệnh, tỷ lệ sống, năng lực nghiên cứu chọn giống, nguồn tôm bố mẹ, giá bán, mạng lưới phân phối và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ người nuôi. Trong bối cảnh người nuôi ngày càng ưu tiên chất lượng hơn giá thành, các doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu và kiểm soát chất lượng sẽ có lợi thế cạnh tranh rõ rệt.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành tôm tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam:

Tôm là mặt hàng thủy sản xuất khẩu chủ lực trong các sản phẩm thủy sản của Việt Nam trong những năm qua, chiếm khoảng 35 – 45% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản mỗi năm. Theo Báo cáo Xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2025 của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), trong năm 2025, kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam đạt khoảng 11,3 tỷ USD (tăng 12% so với cùng kỳ). Trong đó, riêng kim ngạch xuất khẩu tôm đạt 4,6 tỷ USD (tăng 19% so với cùng kỳ) – mức cao nhất từ trước tới nay – chiếm trên 40% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Theo số liệu của Cục Thống kê², năm 2025 tổng sản lượng thủy sản của Việt Nam ước đạt 9.947,5 nghìn tấn, tăng 3,0% so với năm 2024, trong đó sản lượng tôm đạt 1.522,2 nghìn tấn, tăng 5,5%. Riêng đối với nuôi trồng thủy sản, sản lượng tôm năm 2025 ước đạt 1.381,7 nghìn tấn, tăng 6,1% so với năm trước, phản ánh xu hướng mở rộng và phát triển ổn định của ngành nuôi tôm.

Sự tăng trưởng ổn định của ngành nuôi tôm, cùng với xu hướng mở rộng nuôi trồng thủy sản và nhu cầu tiêu thụ thủy sản trên thị trường quốc tế, được kỳ vọng sẽ tiếp tục tạo dư địa phát triển cho các doanh nghiệp hoạt động trong chuỗi giá trị ngành tôm.

Tôm thẻ chân trắng ngày càng vượt trội về sản lượng và giá trị xuất khẩu

Theo Cục Thủy sản³, Báo cáo tại cuộc họp giao ban Khối Thủy sản ngày 5/9/2025 cho thấy, lũy kế đến tháng 08/2025, diện tích thả nuôi tôm đạt 710,7 nghìn ha, gồm 604,5 nghìn ha tôm sú và 106 nghìn ha tôm thẻ chân trắng. Theo Cục Thống kê, năm 2025, sản lượng tôm sú đạt 296,7 nghìn tấn, sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 994,4 nghìn tấn, lần lượt tăng 3,6% và 6,9% so với cùng kỳ.

Như vậy có thể thấy rằng, diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng – sản phẩm chủ lực của VUG - mặc dù chỉ chiếm khoảng 15% tổng diện tích nuôi tôm cả nước, nhưng lại có sản lượng vượt trội khi chiếm hơn 65% tổng sản lượng tôm trong năm 2025, cho thấy năng suất lớn từ tôm thẻ chân trắng.

Khác với tôm sú vốn phù hợp hơn với mô hình quảng canh, quảng canh cải tiến hoặc sinh thái, tôm thẻ chân trắng có khả năng thích ứng tốt hơn với mô hình thâm canh, siêu thâm canh và các hệ thống nuôi kiểm soát cao. Điều này cho phép mật độ thả nuôi lớn hơn, thời gian nuôi ngắn hơn, số vụ nuôi trong năm nhiều hơn và sản lượng thu hoạch/ha cao hơn rõ rệt. Ngoài ra, thị trường quốc tế hiện hấp thụ rất tốt các dòng sản phẩm chế biến từ tôm thẻ như tôm hấp, tôm bóc vỏ, tôm sushi, tôm tẩm bột, tôm chín đông lạnh..., tức là những phân khúc cần nguồn nguyên liệu lớn, đồng đều, ổn định về kích cỡ và dễ chuẩn hóa chế biến. Tôm thẻ chân trắng đáp ứng nhóm tiêu chí này tốt hơn tôm sú, nên khi doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh hàng chế biến và giá trị gia tăng, vai trò của tôm thẻ càng dễ tăng lên trong những năm tới.

Hội nhập kinh tế quốc tế mở rộng cơ hội xuất khẩu cho ngành tôm Việt Nam:

Việt Nam hiện đã tham gia 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương với nhiều đối tác kinh tế lớn trên thế giới, trong đó có các hiệp định quan trọng như CPTPP, EVFTA, RCEP,... Ngoài ra, Việt Nam

² Thủy sản Việt Nam quý IV và cả năm 2025: Giữ đà tăng trưởng, vượt thách thức, hướng tới phát triển bền vững – Cục Thống kê (<https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/thuy-san-viet-nam-quy-iv-va-ca-nam-2025-giu-da-tang-truong-vuot-thach-thuc-huong-toi-phat-trien-ben-vung/>)

³ Cục Thủy sản (<https://tongcucthuysan.gov.vn/vi-vn/nu%E1%BB%93ng-th%E1%BB%A7y-s%E1%BA%A3n/doc-tin/023302/2025-10-10/9-thang-dau-nam-2025-san-xuat-thuy-san-duy-tri-da-tang-truong-on-dinh>)



có quan hệ chính thức với 189/193 quốc gia và vùng lãnh thổ, với 25 Đối tác chiến lược (trong đó có 14 Đối tác chiến lược toàn diện) và có 15 Đối tác toàn diện, 3 nước có Quan hệ đặc biệt. Việc Việt Nam tham gia sâu rộng vào mạng lưới các hiệp định thương mại tự do và duy trì quan hệ đối ngoại rộng mở với nhiều nền kinh tế lớn trên thế giới giúp hàng hóa Việt Nam, trong đó có thủy sản và tôm, được tiếp cận tốt hơn với các thị trường lớn thông qua cắt giảm thuế quan, đơn giản hóa điều kiện tiếp cận thị trường và cải thiện tính ổn định trong quan hệ thương mại.

Khi thuế nhập khẩu được cắt giảm theo lộ trình FTA, sản phẩm tôm của Việt Nam có điều kiện thuận lợi hơn để cạnh tranh với hàng từ các quốc gia xuất khẩu khác, đặc biệt tại các thị trường có mức tiêu thụ lớn và yêu cầu cao như EU, Nhật Bản, Canada, Australia,...

Ngoài ra, hệ thống đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và quan hệ đặc biệt giúp củng cố môi trường hợp tác kinh tế, đầu tư và thương mại lâu dài. Bên cạnh hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm tôm, đây là cơ sở tạo điều kiện thu hút thêm vốn đầu tư, công nghệ nuôi, công nghệ chế biến, tiêu chuẩn quản trị chất lượng và hệ thống logistics lạnh từ các đối tác quốc tế.

Trong dài hạn, các FTA và quan hệ kinh tế quốc tế còn tạo áp lực tích cực buộc ngành tôm Việt Nam phải nâng cấp chất lượng sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững để đáp ứng yêu cầu của các thị trường cao cấp. Xu hướng này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp đi trước trong quá trình đầu tư bài bản và chuẩn hóa hoạt động củng cố vị thế cạnh tranh và mở rộng dư địa tăng trưởng trong trung và dài hạn.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động trong Công ty

**Bảng 14. Số lượng và cơ cấu lao động của Công ty tại
ngày 31/12/2025 và 30/06/2026**

TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI	31/12/2025		30/06/2026	
	Số lượng	Tỷ trọng	Số lượng	Tỷ trọng
Theo trình độ học vấn	1.585	100,0%	1.559	100,0%
<i>Đại học</i>	<i>472</i>	<i>29,8%</i>	<i>516</i>	<i>33,1%</i>
<i>Cao đẳng</i>	<i>136</i>	<i>8,6%</i>	<i>124</i>	<i>8,0%</i>
<i>Trung cấp</i>	<i>102</i>	<i>6,4%</i>	<i>103</i>	<i>6,6%</i>
<i>Khác</i>	<i>875</i>	<i>55,2%</i>	<i>816</i>	<i>52,3%</i>
Theo loại hợp đồng lao động	1.585	100,0%	1.559	100,0%
<i>Hợp đồng không xác định thời hạn</i>	<i>1.015</i>	<i>64,0%</i>	<i>970</i>	<i>62,2%</i>
<i>Hợp đồng có xác định thời hạn</i>	<i>517</i>	<i>32,6%</i>	<i>495</i>	<i>31,8%</i>
<i>Thời vụ, thử việc</i>	<i>53</i>	<i>3,4%</i>	<i>94</i>	<i>6,0%</i>
Thông kê theo giới tính	1.585	100,0%	1.559	100,0%
<i>Nam</i>	<i>1.117</i>	<i>70,5%</i>	<i>1.198</i>	<i>76,8%</i>
<i>Nữ</i>	<i>468</i>	<i>29,5%</i>	<i>361</i>	<i>23,2%</i>

Nguồn: VUG



10.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

10.2.1 Chính sách đào tạo

- Đào tạo nhân sự mới: Để hỗ trợ nhân viên mới nhanh chóng làm quen, hòa nhập với môi trường làm việc cũng như công việc, bộ phận nhân sự và các bộ phận chuyên môn liên quan sẽ thực hiện đào tạo ban đầu giúp nhân viên mới hiểu về nội quy, chính sách, cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như những nghiệp vụ chuyên môn liên quan.
- Đào tạo nghiệp vụ: Trong suốt quá trình làm việc tại công ty, nhân viên nhiều kinh nghiệm sẽ theo sát, hướng dẫn công việc cho nhân viên mới/ nhân viên có ít kinh nghiệm hơn. Ngoài ra hằng năm, công ty thường xuyên tổ chức, thuê chuyên gia bên ngoài tổ chức các chương trình huấn luyện chuyên sâu về kỹ năng chuyên môn cũng như các kỹ năng mềm, phù hợp với từng bộ phận để hỗ trợ nâng cao hiệu quả trong quá trình làm việc.
- Đào tạo nghiệp vụ quản trị điều hành: Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác điều hành, Công ty luôn tạo điều kiện cho các thành viên ban điều hành được đào tạo chuyên sâu về công tác quản trị nhằm nâng cao hiệu quả, vai trò của người quản lý.

10.2.2 Chính sách tiền lương

Công ty thực hiện dựa trên mức lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước, sẽ được thay đổi khi các quy định về lương tối thiểu của luật và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng xem xét điều chỉnh lương định kỳ hàng năm dựa vào kết quả đánh giá lại năng lực theo hiệu quả công việc (KPIs) trong năm đối với mỗi cá nhân lao động. Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chính sách lương quyết toán theo sản phẩm (chỉ áp dụng cho một số nhóm cộng sự), lương tháng 13,...

10.2.3 Chính sách thưởng

Dựa vào hệ thống đánh giá KPIs, Công ty thực hiện các mức thưởng cho người lao động. Cụ thể, hàng năm, công ty có các kỳ đánh giá kết quả làm việc và tiến hành thưởng dựa vào kết quả hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty và cá nhân. Ngoài ra, Công ty áp dụng các chính sách Thưởng năng suất theo quyết toán sản phẩm (chỉ áp dụng cho một số nhóm cộng sự), thưởng Lễ, Tết (Tết Dương Lịch, 30/4 và 01/5, Lễ Quốc Khánh); Thưởng thâm niên cho các cộng sự có quá trình công tác lâu năm tại Công ty.

10.2.4 Chính sách phúc lợi

Công ty phối hợp chặt chẽ với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở nhằm xây dựng và ban hành các chính sách phúc lợi thống nhất trên toàn hệ thống. Chính sách được định kỳ rà soát, điều chỉnh nhằm đảm bảo tính cạnh tranh, tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, qua đó thúc đẩy sự gắn kết và tạo động lực để CBNV đóng góp vào sự phát triển bền vững của Công ty.

Các nhóm chính sách trợ cấp, phúc lợi chính bao gồm:

- Chính sách cho các sự kiện cá nhân: Chính sách thăm hỏi, hỗ trợ trong các dịp đặc biệt như: Kết hôn, sinh nhật, sinh con; hỗ trợ kịp thời khi CBNV hoặc thân nhân gặp rủi ro về sức khỏe, tai nạn, ốm đau; chia buồn và hỗ trợ gia đình trong các sự kiện tang hiếu.
- Chính sách cho các sự kiện Tập thể: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: Ngày Quốc tế Phụ nữ 08/03, Ngày Quốc tế Thiếu nhi 01/06, Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, Tết Trung thu; tổ chức tiệc Tất niên (Year-end Party); hỗ trợ các hoạt động văn hóa, thể thao, thi đua do Công đoàn phát động nhằm gắn kết tập thể.
- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các loại bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp), Công ty chú trọng đầu tư các chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung thêm cho CBNV như: Triển khai chương trình bảo hiểm tai nạn 24/7 cho toàn bộ CBNV, Cung cấp chương trình bảo hiểm sức khỏe 24/7 cho cá nhân và người thân cấp quản lý,



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

Chương trình bảo hiểm sức khỏe 24/7 cho các nhóm đối tượng đặc thù thường xuyên di chuyển hoặc làm việc trong môi trường có yếu tố rủi ro cao,...

- Hoạt động phong trào, du lịch nghỉ dưỡng: Hàng năm, Công ty duy trì tổ chức các chương trình rèn luyện thể chất, tinh thần nhằm tái tạo sức lao động cho CBCNV. Tùy thuộc vào kết quả kinh doanh, Công ty tổ chức các chương trình Team Building, du lịch nghỉ dưỡng thường niên cho CBCNV và gia đình nhằm nâng cao sự gắn kết, tạo giá trị tinh thần bền vững trong tổ chức.

11. Chính sách cổ tức

11.1 Chính sách liên quan đến việc trả cổ tức

Ban Điều hành Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và đáp ứng được các điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.

11.2 Tỷ lệ chi trả cổ tức trong năm gần nhất

Bảng 15. Tỷ lệ chi trả cổ tức của Công ty giai đoạn 2024 - 2025

Năm	Cổ tức bằng tiền	Cổ tức bằng cổ phiếu	Tỷ lệ (theo mệnh giá)	Tình trạng
2024	1.860 đồng/cổ phiếu	Không có	18,6%	Đã thực hiện
2025	Không có	Không có	-	-

Nguồn: VUG

12. Tình hình tài chính trong năm gần nhất và đến quý gần nhất

12.1 Tình hình công nợ

a) Các khoản phải thu:

Bảng 16. Các khoản phải thu (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	4.560	38.829	751,5%	68.040
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	433	3.669	748,2%	5.019
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.114	1.603	-24,2%	5.512
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	1.100	-	-
4	Phải thu ngắn hạn khác	2.013	32.457	1512%	57.509
II	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	3.937	18.436	368,2%	17.921
1	Phải thu dài hạn khác	3.937	18.436	368,2%	17.921
	TỔNG CỘNG	8.497	57.265	573,9%	85.960

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Bảng 17. Các khoản phải thu (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN	34.851	82.820	137,6%	79.874
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	11.637	11.532	-0,9%	11.101
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn (**)	18.520	15.080	-18,6%	11.914
3	Phải thu ngắn hạn khác (****)	4.723	56.242	1090,8%	56.910
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (***)	(29)	(34)	16,8%	(51)
II	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN	22.391	67.050	199,4%	66.355
1	Phải thu dài hạn khác (****)	22.391	67.050	199,4%	66.355
	TỔNG CỘNG	57.242	149.870	161,8%	146.229

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(*) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty có các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

**Bảng 18. Các khoản Phải thu ngắn hạn của khách hàng tại
ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	Phải thu bên liên quan	13	-	-100,0%	2
1	Công ty TNHH Việt Úc - Hậu Giang	9	-	-100,0%	-
2	Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	4	-	-100,0%	2
II	Phải thu khách hàng khác	11.624	11.532	-0,8%	11.099
1	Gordon Garratley Trading Pty Ltd	3.938	-	-100,0%	-
2	Seacon Vietnam Ltd	3.906	-	-100,0%	-
3	Khác	3.780	11.532	205,1%	11.099
	TỔNG CỘNG	11.637	11.532	-0,9%	11.101

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(**) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty có các khoản Trả trước người bán ngắn hạn như sau:



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

**Bảng 19. Các khoản Trả trước người bán ngắn hạn tại
ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	Trả trước bên liên quan	45	45	0,0%	45
1	Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	45	45	0,0%	45
II	Trả trước bên khác	18.475	15.035	-18,6%	11.870
1	Shandong Binzhou Tongyuan Aquatic Product Co., Ltd	8.443	4.905	-41,9%	4.771
2	Interlink Marketing & Consultancy W.L.L	-	2.846	-	-
3	Zeigler Bros., Inc.	-	2.324	-	-
4	Hộ kinh doanh Trần Thị Hòa 1	-	-	-	4.500
5	Khác	10.031	4.960	-50,6%	7.370
	TỔNG	18.520	15.080	-18,6%	11.914

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(***) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty có các khoản phải thu khó đòi như sau:

Bảng 20. Các khoản phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2025 và 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

Các khoản nợ phải thu quá hạn	31/12/2025		30/06/2026		Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
Công ty TNHH Sản xuất Inox Hoàn Thiện	35,6	17,8	35,6	35,6	4-5 năm	Đây là khoản tạm ứng thực hiện công trình xây dựng, tuy nhiên không nghiệm thu do nhà cung cấp không hoàn thành hợp đồng theo yêu cầu, hiện nhà cung cấp này đã ngừng hoạt động.	Không có khả năng thu hồi
P.I.C Plast Ltd	10,2	10,2	10,2	10,2	4-5 năm	Khoản tạm ứng liên quan đến hóa đơn mua công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất tôm thương phẩm phát sinh trong quá trình cản trở công nợ với đối tác. Do việc cản trở được thực hiện giữa các khoản công nợ bằng USD và VND nên phát sinh chênh lệch tỷ giá. Công ty dự kiến sẽ thực hiện xóa sổ trong năm 2026	Không có khả năng thu hồi
Cá nhân	0,7	0,7	0,7	0,7	4-5 năm	Tạm ứng cho nhân viên, hiện nhân viên đã nghỉ việc	Không có khả năng thu hồi



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Các khoản nợ phải thu quá hạn	31/12/2025		30/06/2026		Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng			
<i>Công ty TNHH Lê Diễm</i>	<i>9,7</i>	<i>4,9</i>	<i>9,7</i>	<i>4,9</i>	<i>Trên 1 năm</i>	<i>Đây là khoản tạm ứng thực hiện công trình xây dựng, tuy nhiên không nghiệm thu do nhà cung cấp không hoàn thành hợp đồng theo yêu cầu</i>	<i>Khả năng thu hồi thấp, đã trích lập dự phòng theo quy định</i>
TỔNG	56,2	33,6	56,2	51,4			

Nguồn: VUG

(****) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty có các khoản phải thu khác như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/- %	30/06/2026
I	Phải thu ngắn hạn khác	4.723	56.241	1090,8%	56.910
1	Phải thu từ nhượng bán tài sản cố định ⁽¹⁾	-	52.556	-	52.164
2	Tạm ứng	1.857	1.657	-10,7%	-
3	Phải thu người lao động	-	-	-	3.741
4	Khác	1.852	1.539	-16,9%	506
5	Phải thu bên liên quan ⁽²⁾	1.014	488	-51,9%	500
II	Phải thu dài hạn khác	22.391	67.050	199,4%	66.355
1	Phải thu từ nhượng bán tài sản cố định ⁽¹⁾	-	45.193	-	45.013
2	Ký quỹ, ký cược	18.410	18.460	0,3%	18.460
3	Khác	44	44	0,0%	44
4	Phải thu bên liên quan ⁽²⁾	3.937	3.353	-14,8%	2.838
	TỔNG	27.114	123.291	354,7%	123.265

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024 – 2025 và BCTC hợp nhất đã soát xét 6T/2026

⁽¹⁾ Số dư thể hiện khoản phải thu liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ số 01/VUBL-CGCN (Quy trình nuôi hiệu quả cho tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại khu vực miền Nam Việt Nam), số 02/VUBT-CGCN (Quy trình nuôi hiệu quả cho tôm thẻ chân trắng thương phẩm tại khu vực miền Bắc và miền Trung Việt Nam) và số 03/VUBL-CGCN (Quy trình tăng sinh thức ăn tự nhiên Copepods) ngày 22/12/2025 với Atomarius Limited.

⁽²⁾ Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác từ bên liên quan tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 bao gồm các khoản chi hộ và tạm ứng cho bên liên quan.



b) Các khoản phải trả

Bảng 21. Các khoản phải trả (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	NỢ NGẮN HẠN	110.908	82.511	-25,6%	185.743
1	Phải trả người bán ngắn hạn	33.473	18.835	-43,7%	31.522
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	37.783	2.856	-92,4%	111.493
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.621	5.973	127,9%	4.168
4	Phải trả người lao động	4.680	5.088	8,7%	3.548
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	8.403	10.257	22,1%	5.178
6	Phải trả ngắn hạn khác	19.758	9.696	-50,9%	9.595
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.190	29.806	611,4%	20.238
II	NỢ DÀI HẠN	593	605	1,9%	24
1	Dự phòng phải trả dài hạn	593	605	1,9%	24
	TỔNG CỘNG	111.501	83.116	-25,5%	185.767

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét

Bảng 22. Các khoản phải trả (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	NỢ NGẮN HẠN	133.606	171.307	28,2%	197.773
1	Phải trả người bán ngắn hạn (*)	59.322	39.394	-33,6%	59.130
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.201	6.578	6,1%	7.695
3	Phải trả cổ tức	-	-	-	152
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.180	22.268	329,9%	12.350
5	Phải trả người lao động	20.316	21.378	5,2%	13.196
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	16.727	30.415	81,8%	17.780
7	Phải trả ngắn hạn khác	6.670	7.171	7,5%	10.332
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (**)	19.190	44.103	129,8%	77.138



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
II	NỢ DÀI HẠN	5.476	4.308	-21,3%	369
1	Dự phòng phải trả dài hạn (***)	5.476	4.308	-21,3%	369
	TỔNG CỘNG	139.082	175.615	26,3%	198.142

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(*) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty có các khoản Phải trả người bán ngắn hạn như sau:

**Bảng 23. Các khoản Phải trả người bán ngắn hạn tại
ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
I	Phải trả bên liên quan	492	-	-100,0%	9.102
1	Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	492	-	-100,0%	9.102
2	Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Việt Úc	-	-	-	-
II	Phải trả người bán khác	58.830	39.394	-33,0%	50.028
1	Công ty TNHH Khoa kỹ Sinh vật Thăng Long	6	7.283	126347,9%	12.261
2	INVE Asia Ltd	20.472	-	-100,0%	-
3	Công ty Cổ phần Năm Dững	6.405	-	-100,0%	-
4	Công ty TNHH Long Sinh	-	-	-	-
5	Shandong Binzhou Tongyuan Aquatic				6.490
6	Khác	31.947	32.111	0,5%	31.277
	TỔNG CỘNG	59.322	39.394	-33,6%	59.130

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(**) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty có các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

Bảng 24. Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2025 và 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025	30/06/2026	THỜI HẠN	LÃI SUẤT
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	44.103	47.138	- Khoản vay tín dụng hạn mức 100 tỷ đồng: Xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn đến ngày 15/02/2026	- Khoản vay tín dụng hạn mức 100 tỷ đồng: 7,3%/năm – 8,2%/năm.



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

CHỈ TIÊU	31/12/2025	30/06/2026	THỜI HẠN	LÃI SUẤT
			và ngày 30/04/2026. Hiện đang trong quá trình gia hạn. - Khoản vay tín dụng hạn mức 12 tỷ đồng: Hiệu lực đến 29/12/2026. - Khoản vay tín dụng hạn mức 20 tỷ đồng: Hiệu lực đến 10/07/2026. - Khoản vay tín dụng hạn mức 6,9 tỷ đồng: Hiệu lực đến 10/07/2026.	- Khoản vay tín dụng hạn mức 12 tỷ đồng: 4,7%/năm. - Khoản vay tín dụng hạn mức 20 tỷ đồng: 5,5%/năm. - Khoản vay tín dụng hạn mức 6,9 tỷ đồng: 5,5%/năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	25.000	- Khoản vay tín dụng hạn mức 15 tỷ đồng: Hiệu lực đến 23/06/2027. - Khoản vay tín dụng hạn mức 10 tỷ đồng: Hiệu lực đến 23/06/2027.	- Khoản vay tín dụng hạn mức 15 tỷ đồng: Lãi suất thả nổi. - Khoản vay tín dụng hạn mức 10 tỷ đồng: Lãi suất thả nổi.
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	5.000	- Khoản vay tín dụng hạn mức 5 tỷ đồng: Hiệu lực đến 23/06/2027.	- Khoản vay tín dụng hạn mức 10 tỷ đồng: Lãi suất thả nổi.
TỔNG CỘNG	44.103	77.138		

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(***) Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất, tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026. Công ty có các khoản Dự phòng phải trả dài hạn như sau:

**Bảng 25. Các khoản Dự phòng phải trả dài hạn tại
ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/- %	30/06/2026	Ghi chú
1	Dự phòng hoàn nguyên	4.490	4.133	-8,0%	-	Dự phòng hoàn nguyên được trích lập đối với các công trình xây dựng trên đất thuê Nhà nước, theo đó Công ty có nghĩa vụ tháo dỡ công trình và hoàn trả mặt bằng khi kết thúc thời hạn thuê. Trong năm 2026, trên cơ sở báo giá thị trường về chi phí tháo dỡ, Công ty đánh giá chi phí hoàn nguyên thực tế thấp hơn đáng kể so với ước tính trước đây. Theo đó, Công ty đã hoàn nhập toàn bộ khoản



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026	Ghi chú
						dự phòng và theo dõi nghĩa vụ hoàn nguyên để thực hiện khi kết thúc thời hạn thuê mà không tiếp tục ghi nhận dự phòng trên Báo cáo tài chính
2	Dự phòng thuế lãi cho vay	468	11	-97,6%	24	Dự phòng thuế thu nhập lãi vay có thể phát sinh với các khoản vay lãi suất 0% do Công ty mẹ cấp cho các công ty con VUPM, CBBL
3	Dự phòng thuế thu nhập cá nhân hoa hồng	518	164	-68,4%	345	Dự phòng thuế thu nhập cá nhân phải nộp thay cho các đại lý đã nhận tiền hoa hồng từ công ty nhưng chưa kê khai và nộp thuế
	TỔNG	5.476	4.308	-21,3%	369	

Nguồn: VUG

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty không có bất kỳ các khoản phải trả quá hạn. Công ty thực hiện tốt việc thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ đến hạn.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026, Công ty không có bất kỳ vi phạm các điều khoản trong hợp đồng liên quan đến các khoản phải trả

12.2 Các khoản phải nộp theo luật định và việc tuân thủ quy định pháp luật

Công ty thực hiện nghiêm túc việc hạch toán đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp đối với các khoản Thuế giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp khác theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện thanh toán các khoản thuế phải nộp đúng thời hạn. Các khoản thuế, phí phải nộp theo luật định tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 như sau:

**Bảng 26. Các khoản phải nộp theo luật định (Công ty mẹ)
tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
1	Thuế TNDN	-	4.803	-	766
2	Thuế thu nhập cá nhân	1.977	377	-80,9%	3.000
3	Thuế khác	644	793	23,1%	401
	TỔNG CỘNG	2.621	5.973	127,9%	4.168

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét



**Bảng 27. Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)
tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	KHOẢN MỤC	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	30/06/2026
1	Thuế thu nhập cá nhân	2.377	2.372	-0,2%	1.801
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.932	18.951	880,9%	8.806
3	Thuế GTGT đầu ra	116	21	-82,1%	1.223
4	Thuế khác	755	924	22,5%	520
	TỔNG CỘNG	5.180	22.268	329,9%	12.350

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

Lưu ý: Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tại ngày 30/06/2026, số dư Thuế bao gồm:

- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước: 1.733.729.865 đồng
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 12.349.711.989 đồng

12.3 Trích lập các quỹ

Chính sách của Công ty trong việc thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động và pháp luật hiện hành. Công ty sẽ trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính.
- Việc khen thưởng, chi trả phúc lợi cho cán bộ công nhân viên được hạch toán trực tiếp vào chi phí tại thời điểm chi trả.
- Tại ngày 31/12/2024 - 31/12/2025 - 30/06/2026, số dư các quỹ này là 0 (không) đồng.

12.4 Các sự kiện có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

12.5 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 28. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Công ty mẹ)
tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	6T/2026
1	Tổng tài sản	2.550.247	2.766.219	8,5%	2.979.417
2	Nợ phải trả	111.501	83.116	-25,5%	185.767
3	Vốn chủ sở hữu	2.438.746	2.683.103	10,0%	2.793.650
4	Doanh thu thuần	216.101	223.241	3,3%	118.562
5	Lợi nhuận sau thuế	389.689	244.357	-37,3%	110.547
6	BVPS (đồng/cổ phiếu)	18.134	19.951	10,0%	20.773

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2025 và BCTC riêng 6T/2026 đã soát xét

Bảng 29. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)
tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	+/-%	6T/2026
1	Tổng tài sản	2.240.615	2.400.035	7,1%	2.437.789
2	Nợ phải trả	139.082	175.615	26,3%	198.142
3	Vốn chủ sở hữu	2.101.532	2.224.420	5,8%	2.239.647
4	Doanh thu thuần	1.287.725	1.354.803	5,2%	548.331
5	Lợi nhuận sau thuế	33.769	124.393	268,4%	16.280
6	BVPS (đồng/cổ phiếu)	15.627	16.540	5,8%	16.654

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

13. Tài sản cố định

13.1 Danh mục các tài sản lớn (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Bảng 30. Danh mục các tài sản lớn (Công ty mẹ) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Đơn vị tính: đồng

STT	TÀI SẢN	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	87.205.665.609	25.072.616.234	96.653.434.272	30.025.543.264	89.618.737.999	26.973.473.819
1	Nhà cửa vật kiến trúc	27.074.345.428	10.149.690.961	32.236.102.014	12.835.311.586	32.526.244.181	11.737.128.712
	Nước đầu vào	9.920.271.260	5.872.110.276	10.114.678.116	5.054.607.104	10.114.678.116	4.538.931.747
	Sản xuất chung	7.385.848.063	888.993.750	7.370.848.063	698.036.386	7.370.848.063	602.557.704
	Tôm Bò Mẹ Thê	3.272.682.120	-	5.938.366.360	2.221.403.533	5.938.366.360	1.954.835.109
	Tảo	2.434.373.762	1.695.825.374	2.434.373.762	1.452.387.998	2.434.373.762	1.330.669.310
	Quản lý chung	3.010.689.786	1.137.264.157	3.190.945.667	1.316.884.518	3.285.526.281	1.250.232.168
	Khác	1.050.480.437	555.497.404	3.186.890.046	2.091.992.047	3.382.451.599	2.059.902.674
2	Máy móc thiết bị	13.396.621.482	3.751.717.234	17.870.369.959	9.223.003.943	18.027.767.519	8.296.600.686
	Hệ thống	1.154.868.282	839.889.154	6.011.268.282	5.478.168.165	6.011.268.282	4.885.939.337
	Điện	4.681.664.939	875.242.881	4.681.664.939	696.509.740	4.681.664.939	607.143.169
	Quản lý chung	1.313.551.932	102.916.944	3.006.094.728	1.541.599.462	3.053.809.288	1.445.147.315
	IT	1.465.005.000	1.440.588.250	1.465.005.000	1.147.587.250	1.465.005.000	1.001.086.750



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

STT	TÀI SẢN	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
	Năng lượng	1.290.442.249	-	619.242.249	-	619.242.249	-
	Quản lý chất lượng	3.491.089.080	493.080.005	2.087.094.761	359.139.326	2.196.777.761	357.284.115
3	Phương tiện vận tải	34.339.855.400	9.366.059.030	34.339.855.400	7.261.753.670	33.779.855.400	6.270.234.487
	Phương tiện kinh doanh	8.355.132.600	2.294.746.572	8.355.132.600	1.711.957.312	8.355.132.600	1.420.562.682
	Phương tiện điều hành	8.286.545.700	2.810.772.132	8.286.545.700	2.262.216.568	8.286.545.700	2.048.572.283
	Quản lý chung	7.989.798.400	-	7.989.798.400	-	7.429.798.400	-
	Năng lượng	2.574.000.000	1.115.400.000	2.574.000.000	858.000.000	2.574.000.000	729.300.000
	Kỹ thuật	1.760.324.000	736.592.867	1.760.324.000	560.560.467	1.760.324.000	472.544.267
	Mua hàng	1.251.791.300	980.569.852	1.251.791.300	855.390.722	1.251.791.300	792.801.157
	Khác	4.122.263.400	1.427.977.607	4.122.263.400	1.013.628.601	4.122.263.400	806.454.098
4	Thiết bị quản lý	12.394.843.299	1.805.149.009	12.207.106.899	705.474.065	5.284.870.899	669.509.934
	Phát triển phần mềm	7.027.750.000	1.405.550.000	7.027.750.000	-	-	-
	Quản lý chung	2.191.965.298	113.958.560	2.439.356.098	229.069.600	2.474.240.098	216.907.800
	Điều hành	1.579.948.000	7.302.778	1.012.786.000	-	1.012.786.000	-
	Sản xuất chung	456.863.700	-	366.872.700	-	366.872.700	-
	Khác	1.138.316.301	278.337.671	1.360.342.101	476.404.465	1.430.972.101	452.602.134
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	149.930.292.678	106.084.848.264	154.520.205.623	100.204.207.735	189.839.884.045	128.094.380.150



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	TÀI SẢN	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Phần mềm máy tính	19.947.908.199	11.223.442.813	19.858.990.539	10.735.581.543	20.128.091.019	9.916.875.447
	<i>Phát triển phần mềm</i>	<i>17.041.446.950</i>	<i>11.071.919.803</i>	<i>17.652.529.290</i>	<i>9.876.500.779</i>	<i>17.921.629.770</i>	<i>9.171.229.891</i>
	<i>Hệ thống</i>	<i>953.749.249</i>	<i>64.137.454</i>	<i>858.749.249</i>	<i>7.021.875</i>	<i>858.749.249</i>	-
	<i>Mua hàng</i>	<i>300.640.000</i>	-	<i>300.640.000</i>	-	<i>300.640.000</i>	-
	<i>Quản lý chung</i>	<i>101.480.000</i>	<i>87.385.556</i>	<i>101.480.000</i>	<i>53.558.889</i>	<i>101.480.000</i>	<i>36.645.556</i>
	<i>Khác</i>	<i>1.550.592.000</i>	-	<i>945.592.000</i>	<i>798.500.000</i>	<i>945.592.000</i>	<i>709.000.000</i>
2	Bản quyền bằng sáng chế bí quyết kinh doanh	129.982.384.479	94.861.405.451	134.661.215.084	89.468.626.192	169.711.793.026	118.177.504.703
	<i>Tâm Bồ Mẹ Thê</i>	<i>101.860.024.299</i>	<i>77.608.264.771</i>	<i>118.513.932.509</i>	<i>85.178.021.135</i>	<i>153.564.510.451</i>	<i>114.530.317.125</i>
	<i>Quản lý chung</i>	<i>23.100.432.699</i>	<i>15.468.170.188</i>	<i>11.125.355.094</i>	<i>2.803.129.647</i>	<i>11.125.355.094</i>	<i>2.308.459.709</i>
	<i>Phát triển phần mềm</i>	<i>2.974.950.820</i>	<i>1.784.970.492</i>	<i>2.974.950.820</i>	<i>1.487.475.410</i>	<i>2.974.950.820</i>	<i>1.338.727.869</i>
	<i>Trùn</i>	<i>2.046.976.661</i>	-	<i>2.046.976.661</i>	-	<i>2.046.976.661</i>	-
	Tổng cộng	237.135.958.287	131.157.464.498	251.173.639.895	130.229.750.999	279.458.622.044	155.067.853.969

Nguồn: VUG



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

13.2 Danh mục các tài sản lớn (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Bảng 31. Danh mục các tài sản lớn (Hợp nhất) tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Đơn vị tính: đồng

STT	TÀI SẢN	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi	Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi	Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi
I	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	2.100.187.388.655	1.268.013.124.252	2.117.631.186.377	1.168.409.998.963	2.121.210.279.386	1.108.254.117.026
1	Nhà cửa vật kiến trúc	1.576.698.493.725	990.655.666.709	1.603.457.689.615	937.979.891.891	1.610.608.072.296	896.416.092.669
	Tôm Giồng	212.751.106.665	116.113.420.193	203.467.936.773	117.535.716.259	204.548.572.787	113.671.978.424
	Quản lý & sản xuất chung	791.150.019.164	499.989.263.169	848.385.094.418	490.697.669.562	820.780.747.777	468.080.667.116
	Tôm Bó Mệ	47.035.626.451	36.378.904.004	47.094.336.343	33.484.597.237	47.177.694.540	32.074.233.141
	Khác	517.986.093.874	332.396.767.696	496.734.674.510	290.980.779.665	530.325.409.621	277.556.176.060
	Cá tra bố mệ	7.775.647.571	5.777.311.647	7.775.647.571	5.281.129.168	7.775.647.571	5.033.037.928
2	Máy móc thiết bị	363.574.096.913	212.047.901.501	369.600.129.969	186.262.701.580	370.882.771.527	170.329.612.655
	Điện nước	78.363.236.974	36.302.519.831	77.110.313.494	29.465.249.580	77.191.279.529	25.991.147.926
	Quản lý & sản xuất chung	141.715.233.741	109.079.824.537	142.336.949.973	94.483.801.577	142.714.794.473	87.695.079.595
	Khác	143.495.626.198	66.665.557.133	150.152.866.502	62.313.650.423	150.976.697.525	56.643.385.134
3	Phương tiện vận tải	103.304.013.832	37.414.220.208	101.980.843.779	30.243.150.743	101.514.803.779	26.900.034.564
	Khác	58.836.589.932	24.670.738.162	57.348.413.748	20.009.249.580	57.442.373.748	17.949.136.171



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

STT	TÀI SẢN	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi	Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi	Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi
	Điều hành & Kinh doanh	19.149.378.300	5.244.581.204	19.149.378.300	4.029.798.880	19.149.378.300	3.483.041.215
	Quản lý & sản xuất chung	25.318.045.600	7.498.900.842	25.483.051.731	6.204.102.283	24.923.051.731	5.467.857.178
4	Thiết bị quản lý	19.923.466.377	4.705.146.991	18.860.874.899	2.887.400.977	12.062.838.899	2.637.286.623
	Quản lý & sản xuất chung	7.331.914.942	2.061.672.473	6.994.952.858	1.718.056.259	7.029.836.858	1.484.920.793
	Tôm Bố Mẹ	2.457.661.750	1.293.307.631	2.457.661.750	79.099.003	2.457.661.750	991.264.940
	Khác	10.133.889.685	1.350.166.887	9.408.260.291	1.090.245.715	2.575.340.291	161.100.890
5	Khác	36.687.317.808	23.190.188.843	23.731.648.115	11.036.853.772	26.141.792.885	11.971.090.515
	Tài sản phân loại lại	35.232.790.206	22.141.845.457	22.357.228.113	10.250.400.424	24.767.372.883	11.266.604.120
	Tài sản khác	1.454.527.602	1.048.343.386	1.374.420.002	786.453.348	1.374.420.002	704.486.395
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	186.414.191.277	133.391.275.844	155.723.307.123	100.961.075.768	191.282.853.545	129.031.119.726
1	Phần mềm máy tính	19.947.908.199	10.567.656.243	19.912.074.539	10.077.205.195	20.181.175.019	9.258.499.099
	Phát triển phần mềm	16.945.752.950	10.360.762.344	16.672.511.790	8.620.668.163	16.941.612.270	7.960.777.430
	Khác	3.002.155.249	206.893.899	3.239.562.749	1.456.537.032	3.239.562.749	1.297.721.669
2	Bản quyền bằng sáng chế bí quyết kinh doanh	165.629.973.078	122.257.006.975	134.831.215.084	90.271.824.527	170.121.661.026	119.199.954.736
	Tôm Bố Mẹ	101.860.024.299	77.608.264.771	118.513.932.509	85.178.021.135	153.842.132.451	115.420.521.158
	Quản lý chung	58.748.021.298	42.863.771.712	11.295.355.094	3.606.327.982	11.257.601.094	2.440.705.709



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

STT	TÀI SẢN	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi	Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi	Nguyên giá/Giá gốc	Giá trị còn lại/Giá trị có thể thu hồi
	Phát triển phần mềm	2.974.950.820	1.784.970.492	2.974.950.820	1.487.475.410	2.974.950.820	1.338.727.869
	Trùn	2.046.976.661	-	2.046.976.661	-	2.046.976.661	-
3	Khác	836.310.000	566.612.626	980.017.500	612.046.046	980.017.500	572.665.891
	Môi trường, tiêu chuẩn, giấy phép	756.310.000	486.612.626	900.017.500	532.046.046	900.017.500	492.665.891
	Quyền sử dụng đất	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
III	TÀI SẢN SINH HỌC	-	-	23.323.307.934	18.692.672.728	35.901.759.485	30.564.112.587
1	Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	-	-	6.942.443.013	6.942.443.013	15.283.838.941	15.283.838.941
	Tôm bố mẹ	-	-	6.942.443.013	6.942.443.013	15.283.838.941	15.283.838.941
2	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	-	-	6.807.883.221	6.807.883.221	9.277.029.866	9.277.029.866
	Cá tra bố mẹ	-	-	6.807.883.221	6.807.883.221	9.277.029.866	9.277.029.866
3	Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	-	-	9.572.981.700	4.942.346.494	11.340.890.678	6.003.243.780
	Cá tra bố mẹ	-	-	9.572.981.700	4.942.346.494	11.340.890.678	6.003.243.780
	Tổng cộng	2.286.601.579.932	1.401.404.400.096	2.296.677.801.434	1.288.063.747.459	2.348.394.892.416	1.267.849.349.339

Nguồn: VUG



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

13.3 Danh mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026

Đơn vị tính: đồng

STT	Dự án	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT			Tiến độ
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	
1	Khu trại sản xuất tôm	-	-	-	65.943.932.723	57.249.930.828	65.205.553.280	
1.1	Bảo trì, sửa chữa	-	-	-	31.674.650.509	34.603.888.568	42.917.579.333	Đang trong quá trình Bảo trì, sửa chữa, dự kiến hoàn tất trong năm 2027
1.2	Xây dựng công trình	-	-	-	8.499.434.647	9.901.350.761	9.999.032.838	Đang trong quá trình xây dựng, sửa chữa, dự kiến hoàn tất trong năm 2027
1.3	Đầu tư dự án mới	-	-	-	386.505.121	175.916.412	378.416.412	Dự án Việt Úc Ninh Phước dự kiến hoàn tất điều chỉnh quy hoạch 1/500 trong năm 2026 và đi vào hoạt động từ năm 2027
1.4	Lắp đặt kỹ thuật	-	-	-	24.814.837.778	12.403.265.004	11.910.524.697	Đang trong quá trình lắp đặt kỹ thuật và chạy thử nghiệm, dự kiến hoàn tất trong năm 2027
1.5	Khác	-	-	-	568.504.668	-	-	Đã nghiệm thu và đưa vào tài sản cố định
2	Dự án phát triển công nghệ trong chương trình cải thiện di truyền tôm thẻ	-	46.996.573.585	46.996.573.585	-	46.996.573.585	46.996.573.585	Đây là dự án nghiên cứu Kiểu Gen - Môi trường và Bệnh tật. Đã hoàn thành nghiệm thu lâm sàng đợt 2. Dự kiến năm 2027 đi vào hoạt động



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Dự án	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT			Tiền độ
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	
3	Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng	-	-	-	39.924.462.493	39.924.462.493	39.924.462.493	Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng cho các khu kỹ thuật, ao/trại thử nghiệm, chương trình chọn giống. Dự kiến các dự án sẽ nghiệm thu, đi vào hoạt động trong năm 2027 và giai đoạn 2029 - 2030
4	Dự án phát triển công nghệ giống cá tra	-	-	-	26.641.841.592	30.396.155.556	31.305.441.511	Nghiệm thu thế hệ 5 giống cá tra cho sản xuất thương mại - Chương trình CSIRO chọn giống cá bố mẹ. Thế hệ 5 là thế hệ sớm nhất để đưa vào thương mại nên cần tiếp tục thử nghiệm tới đầu năm 2028
5	Dự án phát triển công nghệ và hệ thống nuôi tôm công nghệ cao	-	-	28.334.811.690	-	-	28.334.811.690	Đang phát triển chip và mạch điện tử cho hệ thống nuôi tôm. Dự kiến sẽ đưa vào sử dụng từ cuối năm 2026
6	Dự án khu sản xuất 61 ha tại Bạc Liêu	-	-	-	24.835.359.164	24.871.405.664	24.871.405.664	Đang chờ giải pháp cấp nước đầu vào do nguồn nước không đạt yêu cầu nuôi tôm. Đang chờ sự hỗ trợ từ cơ quan nhà nước
7	Dự án phát triển công nghệ giống tôm sú	-	-	-	23.006.812.365	23.006.812.365	23.006.812.365	Đang tiếp tục chọn giống để tìm ra giống sú sạch bệnh mới đưa vào thương mại



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Dự án	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		Tiến độ
		31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026	31/12/2024	30/06/2026	
8	Khu trại sản xuất cá tra	-	-	-	17.779.564.490	17.866.224.981	Đang trong quá trình xây dựng các hạng mục phục vụ cho khu trại sản xuất
9	Nhà máy chế biến thủy sản	-	-	-	5.772.272.800	6.332.192.300	Đã hoàn thành lắp đặt, chờ nghiệm thu các hạng mục cần nhà thầu chỉnh sửa lại hệ thống theo yêu cầu
10	Dự án phát triển công nghệ chương trình chọn giống tôm thẻ chân trắng	14.568.157.037	28.283.146.126	2.627.325.571	28.283.146.126	2.627.325.571	Tiếp tục phát triển để nghiệm cứu ra con giống mới phù hợp với môi trường, dự kiến hoàn tất từ cuối 2026
11	Dự án phát triển công nghệ tôm thẻ chân trắng giai đoạn 4	3.072.000.000	-	-	-	-	Đã nghiệm thu và đưa vào sử tài sản cố định
12	Khác	6.453.462.241	3.004.961.061	1.353.675.731	17.111.711.236	20.270.610.015	Là các hoạt động bảo trì, sửa chữa lớn định kỳ, dự kiến hoàn thành trong năm 2027
	Tổng cộng	24.093.619.278	78.284.680.772	79.312.386.577	291.392.035.143	306.741.413.455	

Nguồn: VUG

Theo báo cáo tài chính hợp nhất 6T/2026 đã soát xét, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đánh giá các dự án phát triển công nghệ có tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa vào sử dụng trong thời gian tới. Thời gian để nghiệm thu kỹ thuật và hoàn thành đưa vào sử dụng còn phụ thuộc vào các kết quả đang được thử nghiệm.



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Biến động về chi phí xây dựng cơ bản dở dang giai đoạn 2024 – 6T/2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Dự án	CÔNG TY MẸ			HỢP NHẤT		
		2024	2025	6T/2026	2024	2025	6T/2026
1	Số dư đầu kỳ/năm	77.785.988.118	24.093.619.278	78.284.680.772	388.020.621.373	257.466.000.709	291.392.035.143
2	Xây dựng cơ bản	34.616.848.342	80.021.011.443	39.272.068.524	96.559.890.146	124.488.246.584	70.968.577.402
3	Chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(873.180.503)	(5.976.756.586)	(134.125.829)	(116.855.792.139)	(50.148.690.686)	(12.303.092.652)
4	Chuyển sang Tài sản cố định vô hình	(85.231.410.762)	(16.653.908.210)	(35.050.577.942)	(85.413.510.762)	(16.653.908.210)	(35.050.577.942)
5	Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(2.204.625.917)	(3.199.285.153)	(3.059.658.948)	(18.413.643.306)	(23.759.613.254)	(8.265.528.496)
6	Khác	-	-	-	(6.431.573.603)	-	-
	Số dư cuối kỳ	24.093.619.278	78.284.680.772	79.312.386.577	257.466.000.709	291.392.035.143	306.741.413.455

Nguồn VUG

(Hết nội dung tại trang này)



14. Các dự án của Công ty

Trong những năm gần đây, Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc đã thực hiện nhiều khoản đầu tư nhằm mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thiện chuỗi giá trị trong ngành tôm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Các khoản đầu tư của Công ty chủ yếu tập trung vào việc xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở sản xuất tôm giống, phát triển các khu phức hợp nuôi tôm công nghệ cao, đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất và các dự án nghiên cứu, phát triển giống.

Cụ thể, Công ty đã đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động các cơ sở sản xuất tôm giống tại các địa phương trọng điểm của ngành nuôi tôm. Các cơ sở này được đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất giống như khu nhà ương nuôi, hệ thống cấp – thoát nước, hệ thống xử lý nước và các công trình phụ trợ phục vụ hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đầu tư phát triển các khu phức hợp nuôi tôm công nghệ cao nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị từ sản xuất giống đến chế biến tôm thành phẩm. Một số dự án đầu tư tiêu biểu của Công ty được trình bày ở trang tiếp theo:

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

Bảng 32. Một số dự án đầu tư tiêu biểu của Công ty

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Công suất thiết kế	Công suất thực tế	Hiệu quả đầu tư	Thời gian triển khai	Tình trạng	Đơn vị chủ quản
1	Xưởng 1 nhà máy chế biến tôm thành phẩm	196.069	2.500 tấn/năm (còn cần bổ sung hạng mục phụ trợ để đạt được công suất 5.000 tấn/năm theo GCN đăng ký đầu tư)	Năm 2025: Sản lượng: 292 tấn 6T/2026: Sản lượng: 2,9 tấn	Năm 2025: - Doanh thu: 56 tỷ đồng 6T/2026: - Doanh thu: 0,8 tỷ đồng	2024	Đưa vào hoạt động từ Tháng 05/2024. Hiện Công ty chủ trương giảm sản lượng sản xuất tôm thương phẩm và tập trung tìm kiếm các đối tác hợp tác nhằm phát triển các sản phẩm có biên lợi nhuận cao hơn	Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc
2	Cải tạo nâng cấp nhà máy lọc nước	16.873	475 m3/ngày/hồ	400 m3/ngày/hồ (tùy tình hình sản xuất sẽ điều chỉnh khối lượng xử lý nước theo thực tế)	Giảm thiểu quy trình công nhân tự lấy nước sinh hoạt về trại và xử lý tại trại, thời gian xử lý kéo dài 2-3 ngày. Việc vận hành nhà máy xử lý nước tập trung giúp sản xuất liên tục không gián đoạn, rút ngắn 3 ngày/chu kỳ (25-30 ngày), tăng năng suất lên thêm 2-3 chu kỳ giống/năm	2024	Đưa vào hoạt động từ Tháng 04/2024	Công ty Cổ phần Việt Úc - Bình Định
3	Dự án Việt Úc Ngọc Hiến	400.000 (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 8763306738 lần đầu ngày 05/04/2017, điều chỉnh lần thứ 07 ngày 12/10/2022)	4.800 tấn tôm thương phẩm/năm	Năm 2025: Sản lượng: 0,4 tấn 6T/2026: Sản lượng: 0 tấn	Năm 2025: - Doanh thu: 222,0 triệu đồng 6T/2026: - Doanh thu: 58,4 triệu đồng	2017 - nay	- Đã đầu tư: 59,3 tỷ đồng - Tiến độ dự kiến: Năm 2027 triển khai bán thương mại rộng rãi ra thị trường	Công ty Cổ phần Việt Úc - Ngọc Hiến



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Công suất thiết kế	Công suất thực tế	Hiệu quả đầu tư	Thời gian triển khai	Tình trạng	Đơn vị chủ quản
4	Dự án Việt Úc Ninh Phước	105.000 (theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6535674184 lần đầu ngày 13/02/2014, điều chỉnh lần thứ 05 ngày 10/01/2026)	- Tôm giống: 10 tỷ con/năm - Cá giống: 5 tỷ con/năm - Ốc/thủy sản khác: 3-5 tỷ con/năm	Đang trong quá trình triển khai	Đang trong quá trình triển khai	2014 - nay	- Đang điều chỉnh Quy hoạch 1/500 - Đã đầu tư: 14,2 tỷ đồng - Tiến độ dự kiến: + Năm 2026: Hoàn tất điều chỉnh quy hoạch 1/500 + Năm 2027: Đi vào hoạt động, bước đầu triển khai bán thương mại sản phẩm tôm giống ra thị trường. Từng bước triển khai sản phẩm cá giống và ốc/thủy sản sau khi sản phẩm tôm giống có hiệu quả thương mại	Công ty Cổ phần Việt Úc - Ninh Phước
	Tổng	717.942						

Người: VUG

Chi phí đầu tư của các dự án tiêu biểu nêu trên được trình bày tại Phần I, Mục 13.3. Đối với các dự án đang trong quá trình đầu tư xây dựng, chi phí được ghi nhận tại khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang; đối với các hạng mục đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và đáp ứng điều kiện ghi nhận tài sản cố định, chi phí được kết chuyển sang tài sản cố định theo quy định.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện đầu tư vào các hạng mục phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển giống, bao gồm hệ thống phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu di truyền và các cơ sở phục vụ kiểm soát chất lượng tôm giống. Tổng mức đầu tư cho các hạng mục này trong giai đoạn 2024 - 2025 khoảng 92,7 tỷ đồng. Các khoản đầu tư của Công ty trong thời gian qua đã góp phần mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo nền tảng cho việc phát triển bền vững của Công ty trong ngành tôm.

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 33. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2025	KẾ HOẠCH 2026	+/- % (*)
1	Doanh thu thuần (*)	1.355	1.889	39,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	124	216	73,6%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	9,2%	11,4%	24,5%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	5,8%	9,2%	59,9%
5	Tỷ lệ cổ tức (theo mệnh giá)	0,0%	0,0%	-
6	Vốn điều lệ	1.345	1.350	0,4%

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-DHĐCĐ ngày 23/04/2026

() Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2026 trên cơ sở chỉ tiêu Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, do đó kế hoạch Doanh thu thuần năm 2026 được trình bày tương ứng với chỉ tiêu này.*

Căn cứ để đạt Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026 của Công ty được xây dựng trên cơ sở tình hình hoạt động sản xuất – kinh doanh hiện tại của Công ty, dự báo xu hướng phát triển của ngành tôm và triển vọng thị trường trong giai đoạn tới. Cụ thể:

- Công ty tiếp tục duy trì lợi thế trong lĩnh vực sản xuất tôm giống chất lượng cao, đồng thời từng bước mở rộng quy mô sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường nuôi tôm thương phẩm;
- Nhu cầu tôm giống tại các vùng nuôi trọng điểm, đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung, được dự báo tiếp tục duy trì ở mức ổn định nhờ xu hướng mở rộng diện tích nuôi tôm và gia tăng ứng dụng mô hình nuôi tôm công nghệ cao;
- Năng lực nghiên cứu giống và hệ thống cơ sở sản xuất hiện hữu của Công ty cho phép duy trì chất lượng tôm giống ổn định, góp phần củng cố uy tín thương hiệu và mở rộng thị phần trong ngành;
- Hệ thống cơ sở vật chất, trại sản xuất và hạ tầng phục vụ nghiên cứu giống đã được đầu tư và nâng cấp trong những năm gần đây, tạo nền tảng thuận lợi để Công ty gia tăng sản lượng và tối ưu chi phí sản xuất;
- Chiến lược kinh doanh linh hoạt của Ban Điều hành, kết hợp với việc tăng cường hỗ trợ kỹ thuật cho người nuôi và mở rộng mạng lưới khách hàng tại các vùng nuôi trọng điểm, được kỳ vọng sẽ góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định của Công ty trong giai đoạn tới.
- Công ty vừa đưa ra thị trường 04 dòng tôm giống mới, được nghiên cứu và phát triển trong thời gian dài với các đặc tính vượt trội về khả năng thích nghi môi trường, tỷ lệ sống và hiệu quả nuôi. Các sản phẩm này đã bước đầu nhận được sự đón nhận tích cực từ khách hàng, qua đó kỳ vọng sẽ góp phần thúc đẩy sản lượng tiêu thụ và tăng thị phần của Công ty trong các quý tiếp theo.
- Công ty tiếp tục tối ưu công suất các trại giống, củng cố hệ thống phân phối và gia tăng độ phủ tại các vùng nuôi trọng điểm nhằm tận dụng nhu cầu thả nuôi gia tăng trong mùa vụ chính. Công ty định hướng mở rộng thị trường tiêu thụ sang các khu vực mới, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển nhằm đa dạng hóa danh mục sản phẩm. Thực tế ghi nhận kết quả kinh doanh đã ghi nhận sự cải thiện rõ rệt từ Quý 2/2026. Việc các dòng sản phẩm mới bước đầu nhận được phản hồi và mức độ đón nhận tích



cực từ khách hàng chỉ sau thời gian ngắn đưa ra thị trường là tín hiệu cho thấy tiềm năng gia tăng sản lượng tiêu thụ cũng như mở rộng thị phần của Công ty trong các quý tiếp theo.

Đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch kinh doanh:

Theo Báo cáo tài chính soát xét 6T/2026, tính đến ngày 30/06/2026, Công ty ghi nhận Doanh thu thuần đạt 548,3 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 16,3 tỷ đồng. Lăn lượt hoàn thành 29,0% kế hoạch Doanh thu và 7,5% kế hoạch Lợi nhuận sau thuế do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Theo ước tính của Công ty, lũy kế 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt lần lượt 1.128 tỷ đồng và 75 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành khoảng 59,7% kế hoạch doanh thu và 34,9% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026.

Trong Quý 4/2026, Công ty dự kiến ghi nhận thêm khoảng 867 tỷ đồng doanh thu và 122 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Trong đó, mảng tôm giống tiếp tục là mảng kinh doanh đóng góp chính vào kết quả hoạt động của Công ty, với Doanh thu ước tính đạt 432 tỷ đồng, tương ứng 49,8% Doanh thu thuần trong Quý 4/2026. Lợi nhuận gộp của mảng này dự kiến ở mức 333 tỷ đồng, tương ứng với biên lợi nhuận gộp ở mức 77,0% và đóng góp 89,2% lợi nhuận gộp toàn Công ty. Các mảng Tôm thương phẩm, Tôm chế biến và Hoạt động khác dự kiến ghi nhận tổng doanh thu khoảng 435 tỷ đồng, chiếm 50,2% Doanh thu thuần; Lợi nhuận gộp ước đạt 41 tỷ đồng, tương ứng với biên lợi nhuận gộp bình quân ở mức 9,3% và đóng góp 10,8% tổng lợi nhuận gộp của toàn Công ty. Qua đó cho thấy mảng Tôm giống tiếp tục nổi trội về khả năng sinh lời và là nguồn đóng góp chính vào lợi nhuận gộp của Công ty trong Quý 4/2026.

Trên cơ sở kết quả ước tính 9 tháng đầu năm và kế hoạch kinh doanh Quý 4/2026 nêu trên, Công ty dự kiến doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm 2026 đạt lần lượt khoảng 1.995 tỷ đồng và 198 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành khoảng 105,6% kế hoạch doanh thu và 91,6% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2026.

Cơ sở cho mức ước tính nêu trên chủ yếu đến từ triển vọng tiêu thụ của mảng Tôm giống. Theo dữ liệu thống kê nhu cầu tôm giống của các khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng trong các tháng còn lại của năm 2026 dự kiến phù hợp với kế hoạch tiêu thụ của Công ty và Công ty hoàn toàn có khả năng đáp ứng được sản lượng dự kiến. Bên cạnh đó, mảng Tôm giống ghi nhận biên lợi nhuận gộp trên 70% trong 6 tháng đầu năm 2026; do đó, việc duy trì sản lượng tiêu thụ theo kế hoạch trong các tháng cuối năm được kỳ vọng sẽ đóng góp tích cực vào Doanh thu và Lợi nhuận, qua đó hỗ trợ Công ty đạt mức thực hiện kế hoạch năm 2026 như ước tính nêu trên.

Kế hoạch tăng vốn điều lệ trong năm 2026:

Ngày 23/04/2026, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ về Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc. Theo đó, thông tin về Phương án chào bán như sau:

- Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 471.000 cổ phiếu.
- Giá chào bán: 67.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 0,35%
- Tỷ lệ thực hiện quyền: 10.000 : 35
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng), cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ được 01 quyền mua và cứ 10.000 (mười nghìn) quyền mua sẽ được mua 35 cổ phiếu mới.
- Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 31.557.000.000 đồng.
- Thời gian dự kiến chào bán: Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Dự kiến sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin và phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định hiện hành.
- Phương thức phân phối: Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng:
 - + Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng dự kiến là 31.557.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho việc bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh.
 - + Đợt chào bán được triển khai theo hình thức chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu nên không thuộc trường hợp phải xác định tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu là 70% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán cho mục đích thực hiện dự án.
 - + Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị xây dựng phương án sử dụng số tiền từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung: Chi tiết tỷ trọng phân bổ hoặc số tiền cụ thể phân bổ cho mỗi mục đích sử dụng vốn, thứ tự phân bổ ưu tiên và thời gian sử dụng phù hợp cho mỗi mục đích sử dụng vốn.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng (thông tin về trái phiếu chưa đáo hạn, cam kết bảo lãnh, cam kết vay, cho vay...)

Không có.

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Chiến lược phát triển dài hạn của Công ty được xây dựng trên định hướng chuyển đổi từ mô hình Aquafarm sang Aquatech, hướng tới phát triển thành Tập đoàn Công nghệ Thủy sản, trong đó khoa học, công nghệ, dữ liệu và đổi mới sáng tạo là nền tảng cho giai đoạn tăng trưởng mới. Theo đó, chiến lược phát triển tập trung vào bốn trụ cột chính: mở rộng và hoàn thiện hệ sinh thái công nghệ thủy sản; đầu tư, làm chủ công nghệ và nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển; củng cố vị thế tại thị trường trong nước và từng bước mở rộng ra thị trường quốc tế theo định hướng "Lead Local – Go Global"; và phát triển bền vững gắn với nâng cao năng lực quản trị và nguồn nhân lực. Cụ thể:

(i) Về hoạt động kinh doanh:

- Tiếp tục củng cố và phát triển các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi mà Công ty có thế mạnh, đặc biệt là nghiên cứu, chọn giống, sản xuất tôm bố mẹ, tôm giống chất lượng cao và phát triển các mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao;
- Từng bước chuyển đổi từ mô hình doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong chuỗi nuôi trồng thủy sản sang mô hình doanh nghiệp công nghệ thủy sản, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ, công nghệ và giải pháp phục vụ nhiều khâu trong chuỗi giá trị ngành thủy sản;
- Phát triển hệ sinh thái công nghệ thủy sản xoay quanh sáu trụ cột gồm Gen thủy sản, Giống thủy sản, Thức ăn thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Chế biến thủy sản và Dược thủy sản; đồng thời nghiên cứu mở rộng sang các lĩnh vực có liên quan như vaccine, vi sinh và các giải pháp phòng bệnh chủ động;
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng tại các vùng nuôi tôm trọng điểm trong nước, đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải miền Trung, qua đó củng cố vị thế của Công ty trong lĩnh vực chọn giống và sản xuất tôm giống tại Việt Nam;
- Thực hiện chiến lược "Lead Local – Go Global", theo đó Công ty vừa tiếp tục củng cố năng lực và vị thế tại thị trường Việt Nam, vừa từng bước đưa công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và các giải pháp khoa học do Công ty phát triển ra thị trường quốc tế;
- Từng bước mở rộng hoạt động tại các quốc gia có ngành nuôi trồng thủy sản phát triển, trên cơ sở đánh giá điều kiện thị trường và năng lực triển khai của Công ty. Trong đó, Trung Quốc được xác định là một trong những thị trường đầu tiên trong lộ trình quốc tế hóa;



- Định hướng trở thành đối tác chiến lược và nhà cung cấp giải pháp trong chuỗi giá trị ngành thủy sản, tăng cường hợp tác với người nuôi, doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu, viện nghiên cứu, trường đại học và các đối tác công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả liên kết trong toàn chuỗi giá trị;
- Tăng cường phát triển các dòng tôm giống có chất lượng cao, khả năng tăng trưởng nhanh và thích nghi tốt với điều kiện nuôi tại Việt Nam, đồng thời tăng cường hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và các giải pháp công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất của khách hàng.
- Xây dựng và nâng cao thương hiệu Việt Úc theo hướng gắn với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chất lượng sản phẩm, từng bước nâng cao vị thế của thương hiệu và công nghệ thủy sản Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

(ii) Về đầu tư công nghệ:

- Tiếp tục đầu tư vào các chương trình nghiên cứu và chọn giống tôm, trong đó Genomics được xác định là một trong những năng lực công nghệ cốt lõi, nhằm nâng cao chất lượng con giống và tạo nền tảng cho việc phát triển các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp công nghệ mới ;
- Tiếp tục khai thác và phát triển cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chọn giống, kết hợp dữ liệu trại, cây gia phả và phân tích di truyền phân tử nhằm nâng cao độ chính xác trong lựa chọn các đặc tính ưu việt;
- Phát triển các thể hệ tôm giống ứng dụng công nghệ Genomics trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đã đạt được;
- Tăng cường ứng dụng dữ liệu, AI, tự động hóa và các công nghệ giám sát trong quản lý sản xuất, môi trường nuôi và chuỗi giá trị nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tối ưu chi phí và tăng khả năng kiểm soát chất lượng;
- Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng sản xuất và hệ thống phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, phát triển và kiểm soát chất lượng tôm giống, đồng thời từng bước mở rộng năng lực nghiên cứu sang các lĩnh vực công nghệ sinh học, sức khỏe thủy sản và phòng bệnh;
- Định hướng xây dựng viện nghiên cứu sinh học và di truyền đạt chuẩn quốc tế tại Hoa Kỳ, hướng tới kết nối với các nhà khoa học và tổ chức nghiên cứu quốc tế, tiếp cận công nghệ tiên tiến, đồng thời phục vụ hoạt động nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa các sản phẩm do Công ty làm chủ;
- Từng bước hình thành năng lực cung cấp và thương mại hóa công nghệ thủy sản, qua đó chuyển dịch từ việc chủ yếu ứng dụng công nghệ cho hoạt động sản xuất nội bộ sang phát triển công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và giải pháp có khả năng cung cấp cho khách hàng và đối tác trong và ngoài nước.

(iii) Về phát triển bền vững và môi trường:

- Tăng cường áp dụng các quy trình an toàn sinh học trong hoạt động sản xuất tôm giống và nuôi trồng thủy sản;
- Phát triển và nhân rộng các mô hình nuôi tôm công nghệ cao theo hướng xanh, tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên và phát thải thấp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và giảm thiểu rủi ro dịch bệnh;
- Tăng cường ứng dụng công nghệ, dữ liệu và tự động hóa trong giám sát chất lượng nước, môi trường nuôi, sức khỏe vật nuôi và hiệu quả sản xuất;
- Từng bước nâng cao tiêu chuẩn quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc và quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất, phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế;



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- Phát triển các giải pháp sức khỏe thủy sản và phòng bệnh chủ động, từng bước bổ sung vaccine, vi sinh và các giải pháp công nghệ sinh học vào hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ của Công ty;
- Thông qua việc phát triển và ứng dụng công nghệ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và tính bền vững của ngành tôm nói riêng và ngành thủy sản Việt Nam nói chung.

(iv) Về phát triển nguồn nhân lực:

- Xây dựng đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao trong các lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, di truyền, Genomics, công nghệ sinh học, dữ liệu, công nghệ và quản lý sản xuất;
- Tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng quản lý và năng lực ứng dụng công nghệ cho cán bộ nhân viên nhằm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi từ mô hình Aquafarm sang Aquatech;
- Thu hút và tăng cường hợp tác với các chuyên gia, nhà khoa học và đội ngũ nghiên cứu trong và ngoài nước;
- Phát triển đội ngũ nhân sự kế cận có năng lực quản lý và chuyên môn nhằm đảm bảo tính kế thừa và ổn định trong quá trình mở rộng hoạt động;
- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị phù hợp với định hướng mở rộng hệ sinh thái kinh doanh và quốc tế hóa hoạt động của Công ty.

18. Các thông tin, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

19. Các cam kết khác

Cam kết thuê hoạt động:

- Công ty phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

Đơn vị tính: đồng

Thuê văn phòng	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Dưới 1 năm	3.200.209.500	1.402.370.700	3.125.489.500
Từ 1 đến 5 năm	861.057.900	660.000.000	2.809.753.000
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	4.061.267.400	2.062.370.700	5.935.242.500
 Thuê đất	 31/12/2024	 31/12/2025	 30/06/2026
Dưới 1 năm	1.131.293.384	2.254.616.331	2.678.094.354
Từ 1 đến 5 năm	11.729.509.375	11.541.167.215	11.967.375.597
Trên 5 năm	104.402.053.575	105.763.757.460	104.702.096.660
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	116.131.562.950	119.559.541.006	119.347.566.611

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- Tại ngày 30/06/2026, các khoản cam kết thuê hoạt động đến từ 4 hợp đồng thuê văn phòng và 15 hợp đồng thuê đất không hủy ngang có thời hạn thuê ban đầu từ 2 năm đến 50 năm. Công ty ký kết các hợp đồng thuê này cho mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh, và sẽ thanh toán cho bên cho thuê theo hình thức chuyển khoản bằng ngân hàng theo thỏa thuận trên hợp đồng.

Cam kết vốn:

- Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025, 30/06/2026 và các cam kết đầu tư góp vốn dự án nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Đơn vị tính: đồng

Cam kết vốn	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Dự án trung tâm sản xuất tôm thẻ bố mẹ	23.421.000.000	23.421.000.000	23.421.000.000
Dự án phát triển công nghệ trong chương trình cải thiện di truyền tôm thẻ	-	15.842.923.018	15.896.379.444
Khu sản xuất giống thủy sản công nghệ cao	26.043.000.000	1.281.335.623	-
Dự án phát triển công nghệ tôm thẻ chân trắng giai đoạn 4	12.361.920.000	-	-
Khác	2.230.969.369	284.143.816	645.087.000
Tổng cộng	64.056.889.369	40.829.402.457	39.962.466.444

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 và BCTC hợp nhất 6T/2026 đã soát xét

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu, thành phần và hoạt động của Hội đồng quản trị

Bảng 34. Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lương Thanh Văn	Chủ tịch Hội đồng quản trị Thành viên không điều hành
2	Lương Peter Chương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Thành viên không điều hành
3	Mã Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị Thành viên không điều hành
4	Tôn Thất Đề	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Thành viên điều hành
5	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị Thành viên không điều hành



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
6	Nigel Philip Preston	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Thành viên không điều hành
7	Seokhee Won	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Thành viên không điều hành

1.1 Ông Lương Thanh Văn - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Lương Thanh Văn
- Ngày tháng năm sinh: 05/11/1963 Quốc tịch: Úc
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Tú tài
Là người sáng lập Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc. Có kinh nghiệm quản lý và đầu tư đa ngành, đặc biệt là lĩnh vực may mặc, rửa ảnh và thủy sản
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1982 - 1987 : Chủ tịch QFL Fashion - Australia
 - + Từ 1988 - 2001 : Chủ tịch QFL Photographics and Quality Corporation - Australia
 - + Từ 03/2021 – 07/2026 : Giám đốc - Công ty TNHH Nhà máy Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 07/2001 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 01/2015 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cá Tra Việt Úc
 - + Từ 07/2019 - nay : Giám đốc - Công ty Cổ phần Việt Úc Nhà Mát
 - + Từ 10/2007 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Việt Úc – Bạc Liêu
 - + Từ 07/2007 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Việt Úc – Bình Định
 - + Từ 12/2013 - nay : Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Việt Úc – Bến Tre
 - + Từ 05/2014 - nay : Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Việt Úc – Cà Mau
 - + Từ 03/2017 - nay : Chủ tịch kiêm Giám đốc - Công ty TNHH Thủy sản Việt Úc – Sóc Trăng
 - + Từ 08/2014 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Nghệ An
 - + Từ 02/2014 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Ninh Phước
 - + Từ 10/2009 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Ninh Thuận
 - + Từ 06/2015 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Phù Mỹ
 - + Từ 03/2016 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Phước Dinh



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- + Từ 04/2016 - nay : Chủ tịch - Công ty TNHH Việt Úc – Quảng Ninh
- + Từ 07/2017 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Việt Úc – Ngọc Hiến
- + Từ 04/2025 - nay : Giám đốc - Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc
- + Từ 10/2025 – nay: : Giám đốc - Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare
- + Từ 02/2009 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Việt Úc
- + Từ 08/2007 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc Hậu Giang
- + Từ 04/2007 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Khách sạn Việt Úc
- + Từ 10/2017 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Du lịch Phú Quốc Việt Úc
- + Từ 10/2008 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Du lịch Việt Úc - Cà Mau
- + Từ 12/2013 - nay : Giám đốc - Viet Uc Hong Kong Limited
- + Từ 11/2025 – nay : Giám đốc – Công ty TNHH Di truyền và Giống Việt Úc Quảng Đông
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 07/2001 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 01/2015 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Cá Tra Việt Úc
 - + Từ 07/2019 - nay : Giám đốc - Công ty Cổ phần Việt Úc Nhà Mát
 - + Từ 10/2007 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Việt Úc – Bạc Liêu
 - + Từ 07/2007 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Việt Úc – Bình Định
 - + Từ 12/2013 - nay : Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Việt Úc – Bến Tre
 - + Từ 05/2014 - nay : Chủ tịch - Công ty TNHH MTV Việt - Úc Cà Mau
 - + Từ 03/2017 - nay : Chủ tịch kiêm Giám đốc - Công ty TNHH Thủy sản Việt Úc – Sóc Trăng
 - + Từ 08/2014 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Nghệ An
 - + Từ 02/2014 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Ninh Phước
 - + Từ 10/2009 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Ninh Thuận
 - + Từ 06/2015 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Phù Mỹ
 - + Từ 03/2016 - nay : Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc – Phước Dinh



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- + Từ 04/2016 - nay : Chủ tịch - Công ty TNHH Việt Úc – Quảng Ninh
 - + Từ 07/2017 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Việt Úc – Ngọc Hiến
 - + Từ 04/2025 - nay : Giám đốc - Công ty Cổ phần Nhà máy Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 10/2025 – nay: : Giám đốc - Công ty Cổ phần Việt Úc Aquacare
 - + Từ 02/2009 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Việt Úc
 - + Từ 08/2007 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Việt Úc Hậu Giang
 - + Từ 04/2007 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Khách sạn Việt Úc
 - + Từ 10/2017 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Du lịch Phú Quốc Việt Úc
 - + Từ 10/2008 - nay : Giám đốc - Công ty TNHH Du lịch Việt Úc - Cà Mau
 - + Từ 12/2013 - nay : Giám đốc - Viet Uc Hong Kong Limited
 - + Từ 11/2025 – nay : Giám đốc – Công ty TNHH Di truyền và Giống Việt Úc Quảng Đông
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
- + Cá nhân sở hữu: 18.031.481 cổ phiếu, chiếm 13,4% vốn điều lệ
 - + Đại diện theo ủy quyền sở hữu: 15.318.576 cổ phiếu, chiếm 11,4% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 68.055.429 cổ phiếu, chiếm 50,6% vốn điều lệ
 - Bà Nguyễn Kim Thừa: 52.455.624 cổ phiếu, chiếm 39,0% vốn điều lệ
 - Ông Lương Thanh Diễn: 281.229 cổ phiếu, chiếm 0,2% vốn điều lệ
 - Viet Uc Hong Kong Limited: 15.318.576 cổ phiếu, chiếm 11,4% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Kim Thừa	Vợ	52.455.624	39,0%
2	Lương Thanh Diễn	Em ruột	281.229	0,2%
3	Viet Uc Hong Kong Limited	Ông Lương Thanh Văn là Giám đốc kiêm Chủ sở hữu Công ty Viet Uc Hong Kong Limited	15.318.576	11,4%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có



- + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có
- + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

Chia cổ tức (đồng)

▪ Năm 2024:	33.538.554.660
▪ Năm 2025:	-
▪ 6T/2026:	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.2 Ông Lương Peter Chương – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Lương Peter Chương
- Năm sinh: 19/06/1992 Quốc tịch: Úc
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế quốc tế
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 07/2020 - 01/2021 : Trưởng phòng quản lý dự án, Talenttap - Collingwood, Australia
 - + Từ 02/2020 – 02/2025 : Đối tác điều hành, 3 Comma Capital Group – Singapore and Vietnam
 - + Từ 08/2014 – nay : Giám đốc, VTPA PTY LTD GROUP – Melbourne, Australia
 - + Từ 12/2019 – nay : Giám đốc không điều hành, Roll's Australia – Malvern East, Victoria, Australia
 - + Từ 01/2020 – nay : Giám đốc không điều hành, Weploy – Collingwood, Australia
 - + Từ 03/2021 – nay : Giám đốc VTPAM Singapore PTE LTD – Royal One Philip, Singapore
 - + Từ 06/2022 – nay : Giám đốc Phát triển Chiến lược – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 06/2022 - nay : Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 05/2025 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 06/2022 - nay : Giám đốc Phát triển Chiến lược
 - + Từ 06/2022 - nay : Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - + Từ 05/2025 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 08/2014 – nay : Giám đốc, VTPA PTY LTD GROUP – Melbourne, Australia



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- + Từ 12/2019 – nay : Giám đốc không điều hành, Roll's Australia – Malvern East, Victoria, Australia
- + Từ 01/2020 – nay : Giám đốc không điều hành, Weploy – Collingwood, Australia
- + Từ 03/2021 – nay : Giám đốc VTPAM Singapore PTE LTD – Royal One Philip, Singapore
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 70.487.105 cổ phiếu, chiếm 52,4% vốn điều lệ
 - Ông Lương Thanh Văn: 18.031.481 cổ phiếu, chiếm 13,4% vốn điều lệ
 - Bà Nguyễn Kim Thừa: 52.455.624 cổ phiếu, chiếm 39,0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Lương Thanh Văn	Cha đẻ	18.031.481	13,4%
2	Nguyễn Kim Thừa	Mẹ đẻ	52.455.624	39,0%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có
 - + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

Chia cổ tức (đồng)

- Năm 2024: -
- Năm 2025: -
- 6T/2026: 526.394.782

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.3 Ông Mã Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Mã Tùng
- Ngày tháng năm sinh: 26/01/1966 Quốc tịch: Úc
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Tú tài
Có kinh nghiệm quản lý và đầu tư đa ngành, đặc biệt là lĩnh vực rửa ảnh, tái chế kim loại và thủy sản



- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1990 – 1994 : Giám đốc kỹ thuật và sản xuất - QFL Fashion
 - + 1995 - 2010 : Giám đốc kỹ thuật và thành viên ban Tổng Giám đốc - QFL Photographics and Quality Corporation
 - + Từ 2011 - nay : Giám đốc kỹ thuật và thành viên ban Tổng Giám đốc - CCC Catconverter PL
 - + Từ 01/2022 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 01/2022 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 2011 - nay : Giám đốc kỹ thuật và thành viên ban Tổng Giám đốc - CCC Catconverter PL
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0 % vốn điều lệ
 - + Đại diện theo ủy quyền sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0 % vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 13.702 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
 - Mã Tỷ: 13.702 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Mã Tỷ	Em ruột	13.702	0,01%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có
 - + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.4 Ông Tôn Thất Đề - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và Tên: Tôn Thất Đề
- Năm sinh: 28/10/1974 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Kinh nghiệm công tác:



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- + Từ 2011 – 2013 : Giám đốc Kinh doanh kênh hiện đại – Masan Consumer
- + Từ 2013 – 2016 : Giám đốc Kinh doanh các ngành hàng trọng điểm – Coca Cola Việt Nam
- + Từ 2016 – 2018 : Giám đốc Thương mại toàn quốc – Coca Cola Việt Nam
- + Từ 2018 – 2019 : Giám đốc Điều hành ngành hàng mới - Coca Cola Việt Nam
- + Từ 2019 – 2020 : Giám đốc Hoạch định chiến lược - Coca Cola Việt Nam
- + Từ 2020 – 03/2022 : Tổng giám đốc – Nova Consumer Group
- + Từ 2022 – nay : Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- + Từ 05/2025 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 2022 – Nay : Tổng giám đốc
 - + Từ 05/2025 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	4.550.100.000	4.550.100.000
▪ Năm 2025:	-	4.550.000.000	4.550.000.000
▪ 6T/2026:	-	2.452.000.000	2.452.000.000
 - + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.5 Ông Nguyễn Trung Hiếu - Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Nguyễn Trung Hiếu



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- Năm sinh: 29/04/1984 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán;
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 08/2006 – 06/2008 : Trợ lý Kiểm toán – Công ty TNHH KPMG
 - + Từ 07/2008 – 06/2010 : Trưởng nhóm Kiểm toán – Công ty TNHH KPMG
 - + Từ 07/2010 – 06/2011 : Phó phòng Kiểm toán – Công ty TNHH KPMG
 - + Từ 07/2011 – 06/2012 : Trưởng phòng Kiểm toán – Công ty TNHH KPMG
 - + Từ 07/2012 – 04/2014 : Trưởng phòng Kiểm toán cao cấp – Công ty TNHH KPMG
 - + Từ 05/2014 – 08/2025 : Giám đốc Quản lý Tài chính - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 05/2014 – 04/2026 : Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
 - + Từ 09/2025 - nay : Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 04/2026 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 05/2014 – 08/2025 : Giám đốc Quản lý Tài chính
 - + Từ 05/2014 – 04/2026 : Kế toán trưởng
 - + Từ 09/2025 - nay : Quyền Phó Tổng Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 04/2026 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 23.062 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 520 cổ phiếu, chiếm 0,0004% vốn điều lệ
 - Nguyễn Đình Long: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Nguyên Lý: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Thị Lộc: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Thanh Quang: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:





**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Đình Long	Anh rể	130	0,0001%
2	Nguyễn Nguyên Lý	Vợ	130	0,0001%
3	Nguyễn Thị Lộc	Mẹ vợ	130	0,0001%
4	Nguyễn Thanh Quang	Bố vợ	130	0,0001%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
- + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	2.192.832.235	2.192.832.235
▪ Năm 2025:	-	2.185.755.508	2.185.755.508
▪ 6T/2026	-	706.754.483	706.754.483

- + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Chia cổ tức (đồng)
▪ Năm 2024:	42.895.320
▪ Năm 2025:	-
▪ 6T/2026:	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

1.6 Ông Nigel Philip Preston - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

- Họ và Tên: Nigel Philip Preston
- Năm sinh: 04/04/1950 Quốc tịch: Úc
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Tiến sĩ sinh học biển
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 1986 - 1990 : Tư vấn kỹ thuật - Genics Pty Ltd, Australia
 - + Từ 1990 - 1993 : Nhà nghiên cứu - Griffith University, Brisbane, Australia
 - + Từ 1993 - 1996 : Nhà nghiên cứu - CSIRO Marine Research, Cleveland, Australia
 - + Từ 1996 - 1999 : Nhà khoa học nghiên cứu - CSIRO Marine Research, Cleveland, Australia



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- + Từ 1999 - 2002 : Nhà khoa học nghiên cứu cao cấp - CSIRO Marine Research, Cleveland, Australia
- + Từ 2002 - 2013 : Nhà khoa học nghiên cứu chính - CSIRO Marine & Atmospheric Research
- + Từ 2013 - 2014 : Lãnh đạo kỹ thuật giống - CSIRO Food Futures Flagship
- + Từ 2014 - 2015 : Quyền Giám đốc - CSIRO Food Futures Flagship
- + Từ 2015 - 2017 : Tổng Giám đốc - WorldFish, Penang, Malaysia
- + Từ 2015 - nay : Giám đốc Chương trình Nghiên cứu, Sản xuất Nuôi trồng Thủy sản Bền vững Tổng hợp - CSIRO Agriculture Flagship
- + Từ 2016 - nay : Giáo sư danh dự - School of Biological Sciences, University of Queensland
- + Từ 2016 - nay : Giám đốc - Mtoni Ltd, Kenya
- + Từ 2019 - nay : Tư vấn kỹ thuật - Genics Pty Ltd, Australia
- + Từ 01/2022 - nay : Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 01/2022 - nay : Thành viên độc lập Hội đồng quản trị - Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 2015 - nay : Giám đốc Chương trình Nghiên cứu, Sản xuất Nuôi trồng Thủy sản Bền vững Tổng hợp - CSIRO Agriculture Flagship
 - + Từ 2016 - nay : Giáo sư danh dự - School of Biological Sciences, University of Queensland
 - + Từ 2016 - nay : Giám đốc - Mtoni Ltd, Kenya
 - + Từ 2019 - nay : Tư vấn kỹ thuật - Genics Pty Ltd, Australia
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	525.207.756	-	525.207.756
▪ Năm 2025:	525.207.756	-	525.207.756
▪ 6T/2026:	237.000.000	-	237.000.000
+ Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có			
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có			
1.7 Ông Seokhee Won - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị			
- Họ và Tên: Seokhee Won			
- Năm sinh: 19/08/1969		Quốc tịch: Hàn Quốc	
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn:		Thạc sĩ quản trị kinh doanh	
- Kinh nghiệm công tác:			
+ Từ 04/1997 - 01/2014 : Senior Vice President - Skin Asia, Unilever			
+ Từ 01/2014 - 02/2018 : CEO - Masan Consumer Corporation			
+ Từ 03/2018 - 12/2024 : CEO and President - Global Food Business, CJ Cheil Jedang			
+ Từ 01/2024 – nay : Thành viên độc lập Hội đồng quản trị– Trường Anh ngữ VUS			
+ Từ 05/2025 - nay : Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị - Công ty cổ phần Thủy sản Việt Úc			
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:			
+ Từ 05/2025 - nay : Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị			
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:			
+ Từ 01/2024 – nay : Thành viên độc lập Hội đồng quản trị – Trường Anh ngữ VUS			
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:			
+ Cá nhân sở hữu:		0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ	
+ Người đại diện theo ủy quyền:		0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ	
+ Những người có liên quan:		0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ	
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có			
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:			
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có			
+ Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:			



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	-	-
▪ Năm 2025:	200.000.000	-	200.000.000
▪ 6T/2026:	100.000.000	-	100.000.000
+ Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có			

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

2. Ban kiểm soát

Bảng 35. Ban kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Trần Thị Thu Thảo	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Quốc Trung	Thành viên Ban kiểm soát
3	Dương Thị Trúc Ly	Thành viên Ban kiểm soát

2.1 Bà Trần Thị Thu Thảo – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và Tên: Trần Thị Thu Thảo
- Năm sinh: 30/10/1975 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Tài chính Doanh nghiệp
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 01/2006 - 08/2008 : Trợ lý Quản lý - Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam
 - + Từ 08/2008 - 09/2009 : Kiểm Soát Tài Chính - Công ty TNHH Diageo Việt Nam
 - + Từ 09/2009 - 10/2010 : Trưởng nhóm mảng Tài chính Dự án SAP - Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam
 - + Từ 10/2010 - 08/2015 : Giám đốc Tuân thủ - Công ty TNHH Diageo Việt Nam
 - + Từ 02/2016 - 12/2016 : Giám đốc Tuân thủ - Công ty CP Mondelez Kinh Đô Việt Nam
 - + Từ 12/2016 - 12/2017 : Giám đốc Tài Chính - Công ty TNHH Adidas Việt Nam
 - + Từ 12/2017 - 05/2021 : Kiểm Soát Tài Chính - Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam
 - + Từ 02/2022 - nay : Thành viên độc lập HĐQT - Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer
 - + Từ 03/2023 – nay : Kiểm soát tài chính - Công ty TNHH Dịch vụ Dentsu Việt Nam
 - + Từ 05/2025 - nay : Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 05/2025 - nay : Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 02/2022 - nay : Thành viên độc lập HĐQT - Công ty CP Tập đoàn Nova Consumer
 - + Từ 03/2023 - nay : Kiểm soát tài chính - Công ty TNHH Dịch vụ Dentsu Việt Nam
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	-	-
▪ Năm 2025:	105.000.000	-	105.000.000
▪ 6T/2026:	52.500.000	-	52.500.000
 - + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

2.2 Ông Nguyễn Quốc Trung - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và Tên: Nguyễn Quốc Trung
- Năm sinh: 24/10/1987 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Thạc sĩ kế toán
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 2008 – 2009 : Trợ lý kiểm toán viên - Công ty TNHH Ernst Young Việt Nam
 - + Từ 2009 - nay : Giảng viên – Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 01/2022 – nay : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- + Từ 01/2022 – nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 2009 - nay : Giảng viên – Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 390 cổ phiếu, chiếm 0,0003% vốn điều lệ
 - Nguyễn Nguyên Nhung: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Thị Lộc: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Thanh Quang: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Nguyên Nhung	Vợ	130	0,0001%
2	Nguyễn Thị Lộc	Mẹ vợ	130	0,0001%
3	Nguyễn Thanh Quang	Bố vợ	130	0,0001%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	-	-
▪ Năm 2025:	40.000.000	-	40.000.000
▪ 6T/2026:	20.000.000	-	20.000.000

- + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Chia cổ tức (đồng)
▪ Năm 2024:	241.800
▪ Năm 2025:	-
▪ 6T/2026:	-



- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

2.3 Bà Dương Thị Trúc Ly - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và Tên: Dương Thị Trúc Ly
- Năm sinh: 02/05/1991 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 2013 - 2015 : Chuyên viên kiểm toán độc lập – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
 - + Từ 2015 - 2016 : Trưởng nhóm kiểm toán độc lập - Công ty TNHH EY Việt Nam
 - + Từ 2016 - 2018 : Trưởng nhóm kiểm toán độc lập - Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
 - + Từ 2018 - 2020 : Giám sát Hoạch định và Phân tích Tài chính – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
 - + Từ 2020 - 2021 : Giám sát Hoạch định tài chính - Công ty TNHH Sáng tạo và Quản lý KCN Việt Nam
 - + Từ 2021 - nay : Trưởng nhóm Phân tích Chiến lược – Ban Phát triển kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn SOVICO
 - + Từ 01/2022 - nay : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 01/2022 - nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Từ 2021 - nay : Trưởng nhóm Phân tích Chiến lược – Ban Phát triển kinh doanh - Công ty Cổ phần Tập đoàn SOVICO
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	-	-
▪ Năm 2025:	40.000.000	-	40.000.000
▪ 6T/2026:	20.000.000	-	20.000.000
+ Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại: Không có			
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có			

3. Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Bảng 36. Tổng Giám đốc và người quản lý khác

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Tôn Thất Đề	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Huyền Trang	Kế toán trưởng

3.1 Ông Tôn Thất Đề – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Xem tại phần II, mục 1.4.

3.2 Bà Nguyễn Huyền Trang – Kế toán trưởng

- Họ và Tên: Nguyễn Huyền Trang
- Năm sinh: 09/06/1988 Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn, năng lực chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán
- Kinh nghiệm công tác:
 - + Từ 05/2012 – 01/2014 : Chuyên viên – Công Ty TNHH DV Tư Vấn Kinh Doanh Viva
 - + Từ 07/2015 – 02/2016 : Kế toán – Công Ty Cổ phần Thủy Sản Việt Úc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 03/2016 – 06/2022 : Trưởng phòng Tài chính - Công Ty Cổ phần Thủy Sản Việt Úc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 07/2022 – nay : Phó Giám đốc Tài chính - Công Ty Cổ phần Thủy Sản Việt Úc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 04/2026 - nay : Kế toán trưởng - Công Ty Cổ phần Thủy Sản Việt Úc
- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Công ty:
 - + Từ 07/2022 – nay : Phó Giám đốc Tài chính - Công Ty Cổ phần Thủy Sản Việt Úc – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Từ 04/2026 - nay : Kế toán trưởng



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

- Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Công ty của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ:
 - + Cá nhân sở hữu: 5.213 cổ phiếu, chiếm 0,004% vốn điều lệ
 - + Người đại diện theo ủy quyền: 0 cổ phiếu, chiếm 0,0% vốn điều lệ
 - + Những người có liên quan: 1.586 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Thiên Anh: 1.456 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ
 - Nguyễn Mạnh Chu: 130 cổ phiếu, chiếm 0,0001% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Công ty:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thiên Anh	Chồng	1.456	0,001%
2	Nguyễn Mạnh Chu	Em ruột	130	0,0001%

- Lợi ích liên quan đối với Công ty:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Công ty, công ty con của Công ty, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ: Không có
 - + Thù lao, tiền lương trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Thù lao (đồng)	Tiền lương (đồng)	Tổng thu nhập (đồng)
▪ Năm 2024:	-	546.176.127	546.176.127
▪ Năm 2025:	-	529.731.722	529.731.722
▪ 6T/2026:	-	160.452.042	160.452.042

- + Lợi ích khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký giao dịch và đến thời điểm hiện tại:

	Chia cổ tức (đồng)
▪ Năm 2024:	9.696.180
▪ Năm 2025:	-
▪ 6T/2026:	-

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

4. Kế hoạch tăng cường quản trị Công ty

Để tăng cường quản trị công ty, Hội đồng quản trị đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Quy chế tuân thủ các quy định như sau:



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chứng khoán được Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành của Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc.

Mục đích ban hành Quy chế nhằm hướng đến:

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc bao gồm xây dựng quy chế làm việc hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Xây dựng quy chế nội bộ để quản trị Công ty.
- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đúng quy định đối với công ty đại chúng.
- Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ để thực hiện giám sát rủi ro, đánh giá và hoàn thiện các thủ tục kiểm soát và hệ thống quản trị.
- Hoàn thiện hệ thống thông tin truyền thông phục vụ quản trị doanh nghiệp gồm: công bố thông tin minh bạch, liên kết quảng cáo, tổ chức sự kiện, công tác bán hàng ...
- Sắp xếp bộ máy quản lý, các phòng ban chức năng tinh gọn hơn. Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo lực lượng lao động, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý đáp ứng nhu cầu quản trị doanh nghiệp.
- Kiện toàn bộ máy tổ chức và nhân sự quản lý đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đồng thời triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy và nâng cao năng suất lao động.

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

5. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

Bảng 37. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
1	Lương Thanh Văn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	18.031.481	15.318.576	24,799%	
1.1	Lương Văn Nếp	Cha đẻ	-	-	0,000%	
1.2	Lương Dĩ Vãng	Anh ruột	-	-	0,000%	
1.3	Lương Thị Hằng	Em ruột	-	-	0,000%	
1.4	Lương Văn Dễ	Em ruột	-	-	0,000%	
1.5	Lương Thanh Dẫn	Em ruột	-	-	0,000%	
1.6	Lương Diễm Thúy	Em ruột	-	-	0,000%	
1.7	Lương Thanh Diễm	Em ruột	281.229	-	0,209%	
1.8	Lương Cẩm Nhung	Em ruột	-	-	0,000%	
1.9	Lương Thanh Vinh	Em ruột	-	-	0,000%	
1.10	Nguyễn Thanh Được	Em rể	-	-	0,000%	
1.11	Nguyễn Kim Thị Nguyễn	Em dâu	-	-	0,000%	
1.12	Nguyễn Kim Thừa	Vợ	52.455.624	-	39,005%	
1.13	Lương Peter Chương	Con đẻ	-	-	0,000%	
1.14	Lương Andrew Văn	Con đẻ	-	-	0,000%	
1.15	Vương Michael Chiến	Con nuôi	-	-	0,000%	
1.16	Viet Uc Hong Kong Limited	Tổ chức có liên quan	15.318.576	-	11,391%	Giám đốc kiêm Chủ sở hữu
1.17	Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Việt Úc	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc
1.18	Công ty TNHH Việt Úc Hậu Giang	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc
1.19	Công ty TNHH Khách sạn Việt Úc	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc
1.20	Công ty TNHH Du lịch Phú Quốc Việt Úc	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc
1.21	Công ty TNHH Du lịch Việt Úc - Cà Mau	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
2	Tôn Thất Đề	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	-	0,000%	
2.1	Trần Thị Ngọc Thuận	Vợ	-	-	0,000%	
2.2	Tôn Thất Bảo Minh	Con	-	-	0,000%	
2.3	Tôn Thất Bảo Long	Con	-	-	0,000%	
2.4	Tôn Nữ Tuý Hồng	Chị ruột	-	-	0,000%	
2.5	Tôn Nữ Tuý Hà	Chị ruột	-	-	0,000%	
2.6	Tôn Thất Đệ	Anh ruột	-	-	0,000%	
2.7	Ngô Lập	Anh rể	-	-	0,000%	
2.8	Hồ Sỹ Hoà	Anh rể	-	-	0,000%	
2.9	Đỗ Thị Hoàng Hải	Chị dâu	-	-	0,000%	
3	Mã Tùng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	0,00%	
3.1	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Vợ	-	-	0,000%	
3.2	Ma James Richard	Con	-	-	0,000%	
3.3	Ma Jessy Kelly	Con	-	-	0,000%	
3.4	Mã Tỷ	Em ruột	13.702	-	0,010%	
3.5.	CCC Catconverter PL	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc kỹ thuật và thành viên ban Tổng Giám đốc
4	Lương Peter Chương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	0,000%	
4.1	Lương Thanh Văn	Cha đẻ	18.031.481	-	13,408%	
4.2	Nguyễn Kim Thừa	Mẹ đẻ	52.455.624	-	39,005%	
4.3	Luong Vivienne Yen Nhi	Vợ	-	-	0,000%	
4.4	Lương Andrew Văn	Em ruột	-	-	0,000%	
4.5	Vương Michael Chiến	Em ruột	-	-	0,000%	
4.6	Nguyen Khac Minh	Bố vợ	-	-	0,000%	



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
4.7	Nguyen Thanh Lan	Mẹ vợ	-	-	0,000%	
5	Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	23.062	-	0,02%	
5.1	Nguyễn Đình Long	Anh rể	130	-	0,0001%	
5.2	Nguyễn Nguyên Lý	Vợ	130	-	0,0001%	
5.3	Nguyễn Thị Lộc	Mẹ vợ	130	-	0,0001%	
5.4	Nguyễn Thanh Quang	Bố vợ	130	-	0,0001%	
5.5	Nguyễn Thị Thái Hà	Chị ruột	-	-	0,000%	
5.6	Nguyễn Trung Nghĩa	Con	-	-	0,000%	
5.7	Nguyễn Ngọc Anh	Con	-	-	0,000%	
5.8	Nguyễn Đức Anh	Con	-	-	0,000%	
6	Nigel Philip Preston	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	-	0,000%	
6.1	Dee Duerden	Chị gái	-	-	0,000%	
6.2	Richard Duerden	Em rể	-	-	0,000%	
6.3	Joanna Duerden	Con dâu	-	-	0,000%	
6.4	Emma Duerden	Con dâu	-	-	0,000%	
6.5	Tracy Olivia Ryan	Vợ	-	-	0,000%	
6.6	Adrian D'Arcy Preston	Con trai	-	-	0,000%	
6.7	Guy Terence Preston	Con trai	-	-	0,000%	
6.8	Camilla Ryan	Em dâu	-	-	0,000%	
6.9	George Lee	Em rể	-	-	0,000%	
6.10	CSIRO Agriculture Flagship	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc Chương trình Nghiên cứu, Sản xuất Nuôi trồng Thủy sản Bền vững Tổng hợp
6.11	Mtoni Ltd, Kenya	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Giám đốc



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
7	Seokhee Won	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị	-	-	0,000%	
7.1	Won Yong Cheol	Cha	-	-	0,000%	
7.2	Bok Kyu Lee	Mẹ	-	-	0,000%	
7.3	Sungahe Park	Vợ	-	-	0,000%	
7.4	Jongbin Won	Con trai	-	-	0,000%	
7.5	Yubin Won	Con gái	-	-	0,000%	
7.6	Công ty Cổ phần Quốc tế Anh Văn hội Việt Mỹ	Tổ chức có liên quan			0,000%	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
8	Trần Thị Thu Thảo	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	0,000%	
8.1	Nguyễn Đức Huân	Chồng	-	-	0,000%	
8.2	Nguyễn Đức Bảo Huy	Con ruột	-	-	0,000%	
8.3	Nguyễn Hoàng Thanh Trúc	Con ruột	-	-	0,000%	
8.4	Nguyễn Thị Gấm	Mẹ chồng	-	-	0,000%	
8.5	Trần Thị Thanh Thùy	Chị ruột	-	-	0,000%	
8.6	Trần Thị Thu Thủy	Chị ruột	-	-	0,000%	
8.7	Trần Thị Hương	Chị ruột	-	-	0,000%	
8.8	Trần Thị Yến	Chị ruột	-	-	0,000%	
8.9	Trần Văn Hiến	Anh rể	-	-	0,000%	
8.10	Nguyễn Phong Lưu	Anh rể	-	-	0,000%	
8.11	Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer	Tổ chức có liên quan	-	-	0,000%	Thành viên độc lập HĐQT
9	Nguyễn Quốc Trung	Thành viên Ban kiểm soát	130	-	0,0001%	
9.1	Nguyễn Nguyên Nhung	Vợ	130	-	0,0001%	
9.2	Nguyễn Thị Lộc	Mẹ vợ	130	-	0,0001%	
9.3	Nguyễn Thanh Quang	Bố vợ	130	-	0,0001%	
9.4	Nguyễn Minh Quyền	Ba ruột	-	-	0,000%	



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ / Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu cá nhân/tổ chức sở hữu	Số lượng cổ phiếu đại diện sở hữu (nếu có)	% sở hữu (cá nhân và đại diện)	Ghi chú
9.5	Lê Thị Thu Thủy	Mẹ ruột	-	-	0,000%	
9.6	Nguyễn Quốc An Nhiên	Con ruột	-	-	0,000%	
10	Dương Thị Trúc Ly	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	0,000%	
10.1	Dương Văn Tấn	Cha đẻ	-	-	0,000%	
10.2	Lý Thị Đẹp	Mẹ đẻ	-	-	0,000%	
10.3	Dương Quốc Cường	Anh ruột	-	-	0,000%	
10.4	Dương Thị Bích Vi	Chị ruột	-	-	0,000%	
10.5	Dương Thu Chúc	Chị ruột	-	-	0,000%	
10.6	Dương Quốc Huy	Em ruột	-	-	0,000%	
10.7	Hồ Thị Kim Tuyền	Chị dâu	-	-	0,000%	
10.8	Quách Phong Thọ	Anh rể	-	-	0,000%	
10.9	La Thùy Ngân	Em dâu	-	-	0,000%	
11	Nguyễn Huyền Trang	Kế toán trưởng	5.213	-	0,004%	
11.1	Nguyễn Thiên Anh	Chồng	1.456	-	0,001%	
11.2	Nguyễn Ngọc Thảo Đan	Con ruột	-	-	0,000%	
11.3	Trần Thị Mùi	Mẹ ruột	-	-	0,000%	
11.4	Nguyễn Thái Học	Cha chồng	-	-	0,000%	
11.5	Trần Thị Xuyên	Mẹ chồng	-	-	0,000%	
11.6	Nguyễn Thị Quỳnh	Em ruột	-	-	0,000%	
11.7	Nguyễn Mạnh Chu	Em ruột	130	-	0,0001%	
11.8	Sô Chiến Lược	Em rể	-	-	0,000%	

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

6. Thống kê các giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định (các giao dịch liên quan phát sinh trong năm và kỳ gần nhất)

(i) Giao dịch với bên liên quan

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: đồng		
	2024	2025	6T/2026
Doanh thu bán hàng	8.739.852	8.297.542	792.120
Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	-	7.071.899	792.120
Công ty TNHH Du lịch Việt Úc - Cà Mau	-	1.225.643	
Công ty TNHH Việt Úc - Hậu Giang	8.739.852	-	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	21.932.691.052	57.510.321.274	13.430.601.691
Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	19.697.471.220	54.950.607.862	11.789.488.279
Bà Nguyễn Kim Thừa	1.477.200.000	1.837.200.000	918.600.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Việt Úc	722.513.412	722.513.412	722.513.412
Công ty TNHH Khách sạn Việt Úc	35.506.420	-	-
Chia cổ tức trong năm	253.095.327.771	1.590.000.000	1.052.789.565
Bà Nguyễn Kim Thừa	99.045.126.356	795.000.000	526.394.783
Ông Lương Thanh Vãn	33.538.554.660	-	-
Ông Lương Peter Chương	1.477.665.716	245.000.000	526.394.782
Viet Uc Hong Kong Limited	28.492.551.360	-	-
Lotus Asia Investments Limited	18.974.215.260	-	-
STIC Pan-Asia 4th Industry Growth Private Equity Fund	12.135.869.460	-	-



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

CHỈ TIÊU	2024	2025	6T/2026
STIC Private Equity Fund III L.P	10.370.656.920	-	-
Daiwa-Saison Vietnam Growth Fund III L.P	2.824.659.240	-	-
STIC Shariah Private Equity Fund III L.P	1.765.212.540	-	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	1.353.257.880	-	-
Khác	43.117.558.379	550.000.000	-
Góp vốn đầu tư	-	-	32.973.750.000
Công ty TNHH Di truyền và Giống Việt Úc Quảng Đông	-	-	32.973.750.000

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025

(ii) Số dư với bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	13.289.848	-	1.542.120
Công ty TNHH Việt Úc - Hậu Giang	8.739.852	-	1.542.120
Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	4.549.996	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	44.947.500	44.947.500	44.947.500
Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	44.947.500	44.947.500	44.947.500
Phải thu ngắn hạn khác	1.013.649.184	487.758.584	500.000.000
Bên liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	500.000.000	470.000.000	500.000.000



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

CHỈ TIÊU	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Công ty TNHH Một Thành Viên Yến Sào Việt Úc	-	-	-
Hộ Phòng	2.274.864	5.131.464	-
Công ty TNHH Nông Nghiệp Việt Úc - Châu Thành	2.274.864	2.274.864	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Việt Úc - Hòn Khoai	2.274.864	2.274.864	-
Công ty TNHH Việt Úc - Đồng Tháp	2.274.864	2.274.864	-
Công ty TNHH Việt Úc - Trà Vinh	2.274.864	2.274.864	-
Công ty TNHH Du lịch Phú Quốc Việt Úc	2.274.864	2.274.864	-
Công ty cổ phần Việt Úc - Côn Đảo	-	1.252.800	-
Thành viên Hội đồng Quản trị	500.000.000	-	-
Phải thu dài hạn khác	3.937.437.926	3.353.248.134	2.838.309.683
Công ty TNHH Dịch vụ và Xây dựng Việt Úc	3.937.437.926	3.353.248.134	2.838.309.683
Phải trả người bán ngắn hạn	491.620.000	-	9.101.618.142
Công ty TNHH Việt Úc Thức ăn Thủy sản	491.620.000	-	9.101.618.142
Phải trả cổ tức	-	-	152.000.000
Bà Nguyễn Kim Thừa	-	-	76.000.000
Ông Lương Peter Chương	-	-	76.000.000

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

(iii) Các khoản lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị tính: đồng		
		2024	2025	6T/2026
Ông Nigel Philip Preston	Thành viên HĐQT	525.207.756	525.207.756	237.000.000
Ông Seokhee Won	Thành viên HĐQT		200.000.000	100.000.000
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên Ban kiểm soát		105.000.000	52.500.000
Ông Nguyễn Cao Nguyên	Trưởng Ban Kiểm soát	250.000.000	125.000.000	-
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên Ban kiểm soát		40.000.000	20.000.000
Bà Dương Thị Trúc Ly	Thành viên Ban kiểm soát		40.000.000	20.000.000
Ông Trần Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	2.155.891.478	-	40.000.000
Ông Tôn Thất Đề	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	4.550.100.000	4.550.000.000	2.452.000.000
Ông Nguyễn Cảnh	Giám đốc		509.943.862	424.223.862
Ông Bùi Nguyễn Minh Trưởng	Giám đốc	443.750.701	106.500.000	-
TỔNG CỘNG		7.924.949.935	6.201.651.618	3.345.723.862

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025



III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY ĐẠI CHÚNG, CAM KẾT CỦA CÔNG TY

1. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin công ty đại chúng

1.1 Công ty đại chúng

Ông **Lương Thanh Văn**

Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **Tôn Thất Đề**

Chức vụ: **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc**

Bà **Nguyễn Huyền Trang**

Chức vụ: **Kế toán trưởng**

1.2 Tổ chức tư vấn

Ông **Nguyễn Lâm Tùng**

Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh**

(Theo Giấy ủy quyền số 45/2025/UQ-TGD-NSI ngày 19/05/2025 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia)

Bản công bố thông tin về công ty đại chúng này là một phần của Hồ sơ đăng ký giao dịch trên Hệ thống giao dịch chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp số 02/2026/HĐTV/NSI-VUG ngày 16 tháng 03 năm 2026 với Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin về công ty đại chúng này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy sản Việt Úc cung cấp.

2. Cam kết của Công ty

- Công ty cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực, đầy đủ, chính xác của thông tin tại Bản công bố thông tin và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- Sau khi được xác nhận hoàn tất đăng ký giao dịch, công ty tuân thủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Chứng khoán.

(Hết nội dung tại trang này)



**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

IV. NGÀY THÁNG NĂM, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG) VÀ TỔ CHỨC TƯ VẤN

Lâm Đồng, ngày 09 tháng 10 năm 2026

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lương Thanh Văn



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC**


Tôn Thất Đề

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Nguyễn Huyền Trang

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC GIA**

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



Nguyễn Lâm Tùng

